

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THIỆN VIỆN VIÊN KHÔNG TĂNG



KINH TỤNG BUỔI CHIỀU
&
CÁC NGHI THỨC

SÁCH ẤN TỔNG
(Tái Bản 03-03-2026 - PHẬT LỊCH 2570)

MỤC LỤC

TÓM LƯỢC CÁCH PHÁT ÂM PĀLI	6
LỄ BÁI TAM BẢO	9
KINH TỤNG NGÀY THỨ NHẤT	14
<i>METTĀ-SUTTA (TỪ BI KINH) Yassānubhāvato yakkhā</i> ,.....	14
<i>JAYA-PARITTA (KỆ HỘ TRÌ TỐI THẮNG) Mahā-kāruṇiko Nātho</i> ,.....	15
<i>ABHAYA-PARITTA-SUTTA (KỆ TIÊU TRỪ SỢ HÃI) Yaṃ dunnimittaṃ</i>	16
KINH TỤNG NGÀY THỨ HAI	17
<i>RATANA-SUTTĀ (KINH CHÂU BÁU) Paṇḍhānato patthāya Tathāgatassa</i>	17
KINH TỤNG NGÀY THỨ BA	20
<i>BUDDHA-JAYAMAṄGALA (PHẬT THẮNG HẠNH) Bāhuṃ saḥassamabhinim</i>	20
<i>ĀTĀNĀṬIYA-PARITTA (KỆ HỘ TRÌ ĀTĀNĀṬIYA) Sakkatvā Buddha-ratanam</i>	20
KINH TỤNG NGÀY THỨ TƯ	24
<i>MAṄGALA-SUTTA (HẠNH PHÚC KINH) Yaṃ maṅgalaṃ dvādasahi</i>	24
<i>PAṬICCA SAMUPPĀDA (THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI) Avijjāpaccayā saṅkhārā</i>	26
KINH TỤNG NGÀY THỨ NĂM	27
<i>TIDASA-PĀRAMĪ (TAM THẬP ĐỘ) Itipi so Bhagavā dāna-pāramī</i>	27
<i>DHAMMASAṄGANĪ (VẠN PHÁP TỔNG TRÌ) Kusalā dhammā, Akusalā</i>	28
KINH TỤNG NGÀY THỨ SÁU	31
<i>PABBAJITA-ABHIṆHA (SA-MÔN THƯỜNG QUÁN) Dasayime, Bhikkhave</i>	31
<i>SEKHIYĀ (75 ỨNG HỌC PHÁP) Parimaṇḍalaṃ nivāsessāmi'ti</i>	32
KINH TỤNG HẰNG NGÀY	38
<i>METTĀPHARANAM (TỪ BI NGUYỆN) Sabbe sattā averā hontu</i>	38
<i>KHANDHA-PARITTA (KINH HỘ TRÌ UẨN) Sabbāsivisaṅgātinaṃ</i>	38
<i>ATĪTA-PACCAVEKKHAṆA (QUÁN TƯỞNG LẠI TỨ VẬT DỤNG ĐÃ DÙNG TRONG NGÀY)</i>	39
HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN - CHÚNG SANH - THÂN QUYỂN	41
<i>DEVĀ NUMODANĀ (HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN) Ākāsatthā ca bhummatthā</i>	41
<i>PUÑÑĀ-NUMODANĀ (HỒI HƯỚNG CHÚNG SANH) Yaṃ kiñci kusalaṃ</i>	41
<i>HỒI HƯỚNG QUYỂN THUỘC Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch</i>	41
KINH TỤNG TUỖ THỜI	43
<i>ABHIṆHA-PACCAVEKKHAṆA (NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỞNG) Thế Tôn lời dạy tỏ tường</i>	43
<i>METTĀBHĀVANĀ (THIỀN TÂM TỪ) Sabbe sattā, sabbe paṇā, sabbe bhūtā</i>	43
<i>SAMVEJANĪYA (KỆ ĐỘNG TÂM) Aciraṃ vata yaṃ kāyo</i>	46
<i>ANUMODANĀ (KỆ CHÚC PHÚC) Yathā vārivahā pūrā Paripūrenti sāgaram</i>	49
<i>CULLA-MAṄGALA-CAKKAVĀḬA (TIỂU KINH ĐIỀM LÀNH VŨ TRỤ) Sabbabuddhā</i>	50
<i>TIROKUDDA (KINH BÊN NGOÀI VÁCH TƯỜNG) Adāsi me akāsi me</i>	51
<i>DHAMMAPADA (KINH PHÁP CÚ) 8 phẩm đầu từ câu 1 - 115</i>	55
NGHI THỨC SÁM HỐI - THỌ TRÌ GIỚI VÀ TÁC BẠCH	68
<i>SÁM HỐI - Okāsa! Okāsa! Okāsa! Kāyakammā vācīkammā manokammā</i>	68
<i>TISARAṆENA SAHA PAÑCASĪLAM (THỌ TRÌ TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI)</i>	69
<i>UPOSATHASĪLA (THỌ TRÌ BÁT QUAN TRAI GIỚI)</i>	72
<i>DASASĀMAṆENA PABBAJJASĪLAM (NGHI THỨC XIN 10 GIỚI SADI)</i>	75
<i>PABBAJITAVIDHĪ - NGHI THỨC XUẤT GIA SA-DI THÁI</i>	76
<i>PABBAJITAVIDHĪ - NGHI THỨC XUẤT GIA SA-DI MIỄN</i>	80
<i>TÁC BẠCH LỄ TRAI TẶNG, TỨ VẬT DỤNG, DÂNG CỐC LIÊU, DÂNG Y KATṬHINA</i>	84
NGÀY LỄ TRONG TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY	90
LỄ NGHI - PHÉP CUNG KÍNH PHẬT TỬ CẦN BIẾT	92
METTA CHANTING - TỤNG RẢI TÂM TỪ <i>Ahaṃ avero homi, Abyāpajjo homi</i>	95

LỜI NÓI ĐẦU

Nguyện mong tập kinh này mang lợi ích đến chư Tăng, Ni, Thiện nam, Tín nữ, chư Thiên cùng nhân loại. Nguyện quả phước này dâng lên các vị trưởng lão Phật Giáo Nguyên Thủy - Theravāda (Phật Giáo Nam Tông), cùng thầy tổ, cha mẹ và các bậc hữu ân. Nguyện cho **GIÁO PHÁP** được trường tồn để chúng sanh được nhiều lợi lạc, được sự tấn hoá, được hạnh phúc và bình an lâu dài.

“Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai, ngoài khả năng hiểu biết. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bốn phần đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông.”*

Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, nguyện mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puñña-bhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesa-sabba-sattānañca dema, sabbepi te puñña-pattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước- thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư- thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ... Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, nguyện mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhamma-dānaṃ āsavak-khayā-vahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

*Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì **do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong bốn cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ quỷ, súc-sinh**; và cũng **do năng lực phước- thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục- giới...** mà thôi.*

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Nay, chúng con hết lòng thành kính quy-y Tam-bảo: Quy-y nơi Đức-Phật-Bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-Bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-Bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Icchitam patthitam amham, khippameva samijjhatu.

Điều mong muốn ước nguyện của chúng con, sớm được thành tựu viên mãn.

THIÊN VIỆN VIÊN KHÔNG TĂNG

*Rừng Núi Viên Không, Ấp 4, Xã Tóc Tiên
Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
PL. 2570 / DL. 2026 - Tịnh Tâm (Santacitta)*

TÓM LƯỢC CÁCH PHÁT ÂM PĀLI

41 Mẫu tự Pāli gồm có 33 phụ âm và 8 nguyên âm.

1. 8 NGUYÊN ÂM (*Sara*): Gồm có: a, ā, i, ī, u, ū, e, o được chia ra như sau:

Nguyên âm giọng ngắn (*rassa*):

- a đọc như “á” tiếng Việt
- i đọc như “í” tiếng Việt
- u đọc như “ú” tiếng Việt.

Nguyên âm giọng dài (*digha*):

- ā đọc như “a” được kéo dài như tiếng Việt
- ī đọc như “i” được kéo dài như tiếng Việt
- ū đọc như “u” được kéo dài như tiếng Việt
- e đọc như “ê” được kéo dài như tiếng Việt
- o đọc như “ô” được kéo dài như tiếng Việt.

2. 33 PHỤ ÂM (*Byañjana*): Phụ âm Pāli được chia làm 2 nhóm:

Nhóm 1: Các phụ âm được sắp xếp thành Đoàn (*Vagga*):

Gồm có 25 phụ âm được phân chia ra 5 cột như sau:

Độ vang Vị trí	Âm ít vang & nhẹ (1)	Âm ít vang & gió (2)	Âm vang & nhẹ (3)	Âm vang & gió (4)	Âm mũi (5)
1. Âm Cổ họng	k cá	kh khá	g gá	gh ghá (gờ-há)	ñ ngá
2. Âm nóc họng	c chá	ch chá	j chá	jh chá	ñ nhá
3. Âm uốn lưỡi	ṭ tá	ṭh thá	ḍ đá	ḍh đờ-há	ṇ ná
4. Âm răng	t tá	th thá	d đá	dh đờ-há	n ná
5. Âm môi	p pá	ph phá (pờ-há)	b bá	bh bờ-há	m má

Lưu ý: Một số phụ âm có đi kèm phụ âm “h” sẽ được phát âm mạnh và có gió. Ví dụ như **kh** (khá), **gh** (gờ-há), **ch** (chá), **Jh** (chá), **ṭh** (thá), **ḍh** (đờ-há), **dh** (đờ há), **ph** (pờ-há), **bh** (bờ-há)

Nhóm 2: 8 phụ âm còn gọi là Vô Đoàn (*Aragga*)

y dá / giá	r rá	l (L) lá / ná	v vá/Q	s sá	h há	ḷ (L) lá	m̐ -ng
---------------	---------	------------------	-----------	---------	---------	-------------	-----------

3. HAI PHỤ ÂM GIỐNG NHAU: Khi thấy 2 phụ âm đi liền nhau, thì tách ra, một phụ âm đọc với nguyên âm trước, một đọc với âm sau, Ví Dụ:

Sagge
Sag + ge
Sắc gê

Bhikkhu
Bhik + khu
Bhíc khú

Paññā
Pañ + ñā
Pãnh nha

Malla
Mal + la
Mãnh lá

Theo luật ghép phụ âm, nhìn lại bản nhóm 25 phụ âm bên trên thì **cột 1** ghét được với **cột 2** hoặc với **chính nó**; **cột 3** được ghép với **cột 4** hoặc với **chính nó**; **cột 5** tự ghét với **chính nó** hoặc ghép trước các cột còn lại:

Saṅgha
Saṅ + gha
Săng ghá

Pañca
Pañ + ca
Pãnh chá

Vandā
Van + dā
Van đa

Pallaṅka
Paḷ + laṅ + ka
Pan lãn cá

4. KHI NGUYÊN ÂM ĐI TRƯỚC PHỤ ÂM: Các Nguyên Âm đều có thể **ghép sau** tất cả các phụ âm để tạo ra tiếng. Riêng 3 nguyên âm ngắn **a, i, u** và 2 âm dài **e, o** có thể **ghép trước phụ âm cột 1-3-5, tạo ra âm vần**, xin liệt kê để tiện so sánh:

+	k g	c j	t / d ṭ / ḍ	p b	n / l ṇ / ḷ	m	ṅ ṃ	ṇ	y	s
a	ắc	ách	ắt	áp	ăn	ăm	ăng	anh	ay	as
i	ic	ich	it	ip	in	im	ing	inh	i/y	is
u	uc	uch	ut	up	un	um	ung	unh	ui	us
e	êc	êch	êt	êp	ên	êm	-	ênh	êy	ês
o	ôc	ôch	ôt	ôp	ôn	ôm	-	ônh	ôi	ôs

Chú ý 3 âm tiết: tab(táp), tve (tuê), tvā (toa), svā (soa), dvā (đoa), dve (đuê), vek (véc), sag (sắc).....

5. KHI NỐI SAU PHỤ ÂM (M / N̄): Theo quy tắt ghép từ, nối từ (Sandhi) trong văn viết, nếu ṃ ghép với một từ bắt đầu bằng phụ âm môi (Tức là viết liền nhau với nhóm Pá: p ph b bh m) thì ṃ -> m (ăṅg -> ăm) để dễ dàng trong việc phát âm.

Ví dụ:

evam + me => evamme

idam + pi => idampi

ê văng + mê => ê văm mê

í đăng + pí => í đăm pí

- Riêng phụ âm ṅ (ăṅg) thật ra cũng là ṃ (ăṅg) biến dạng mà thành khi đứng trước 1 phụ âm nhóm Ká (k kh g gh ṅ) không biến âm. Các phụ âm trong **cột 5** còn lại cũng có chung quy tắc.
- Thờ đầu, khi phiên âm Pāli qua mẫu tự Latin thì không dùng hình thức ṃ (chấm dưới) mà dùng ṁ (chấm trên) hoặc Srilanka dùng ṇ để tương đồng với hầu hết các kiểu mẫu tự dòng ngôn ngữ Indo-Aryan. Tuy nhiên, hiện tại phần đông dùng ṃ vì dễ đánh máy nên dùng như vậy.

6. KHI 2 PHỤ ÂM NƯƠNG 1 NGUYÊN ÂM: Nếu 2 phụ âm cùng nương 1 nguyên âm, thì đọc nhấn mạnh ở phụ âm gần với nguyên âm đó nhất, còn âm ở xa đọc một nửa hay đọc lửng thành -ơ:

dra
đ - rá

dri
đ - rí

dve
đ - vê

bra
b - rá

brū
b - ru

byā
b - da

svā	tvā	tra	tyā	lyā	vhā
s - va	t - va	t - rá	t - da	l - da	v - ha

Nếu còn có thêm 1 âm ghép liền trước nữa thì phụ âm lủng đó có thể nối luyến lần âm sau:

abyā ab-b-yā	kalyā kal-l-yā	sakya sak-k-ya	bhadrā bhad-d-rā	aññatra aññat-t-ra
katvā kat-t-vā	sutvā sut-t-vā	tasmā tas-s-mā	utrā ut-t-rā	yasmiṃ yas-s-miṃ
brahma b-răm-má		brāhmā b-ram-ma		

7. NỐI ÂM GIỮA CÁC TỪ :

Khi **ĐỌC** thì từ nào dứt từ đó, khi **TỤNG** thì âm cuối của từ nào là âm **NGẮN** sẽ đọc nối với từ liền sau, âm dài không nối.

Ví dụ: Namo tassa **Bhagavato**..... Hay Vandāmi **cetiyaṃ**.....

8. NHỊP ĐIỀU XƯƠNG , DỪNG, NGHỈ:

Khi xưng kinh, nghỉ lấy hơi thì hãy **dừng ở âm dài:**

Ye ca **Bhuddhā**..... hay Saṅgho **visuddho**.....

Hội chúng sẽ dễ hoà nhịp và không cảm thấy dồn dập, mệt hơi. Khi dừng ở cuối mỗi bài kinh là nhịp điệu chấm dứt nên một số âm ngắn vẫn được phép tụng như âm dài, âm dài thì được kéo dài hơn rồi dứt để giảm tốc độ tụng và làm dấu hiệu kết thúc.

Ví dụ:

Bhavatu sabba maṅgalaṃ

Rakkhantu sabba devatā

Sabba Buddhā-nubhāvena

Sadā... sotthi... bhavantu te...

TIRATANAVANDANĀ LỄ BÁI TAM BẢO



SAKKĀRAPŪJĀ

Imehi dīpadhū-pādi sakkā-rehi Buddhamaṃ, Dhammaṃ, Saṅghamaṃ
abhipū-jayāmi mātā-pitā-dīnaṃ guṇa-vantā-nañca mayhañca dīgha-rattaṃ
atthāya hitāya sukhāya. (lạy)

TÔN KÍNH DÂNG CÚNG

Con xin dâng các lễ vật này, nhất là hương đèn để cúng Phật, Pháp, Tăng - Tam Bảo, ngưỡng cầu cho các bậc ân nhân, nhất là Cha Mẹ con và con đều được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự bình an lâu dài. (lạy)

BUDDHA-RATANA-VANDANĀ

Namo Tassa Bhagavato Arahato
Sammā Sambuddhassa. (x3) (Lạy)

LỄ PHẬT

Con đem hết lòng thành kính làm lễ Đức thế tôn, Ngài là bậc A la hán cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (x3) (Lạy)

BUDDHA-RATANA-VANDANĀ

Yo sanni-sinno vara-bodhi-mūle,
Māraṃ sasenamaṃ mahatiṃ vijeyyo;
Sambodhi-māgac-chi anan-taññaṃ,
Lokut-tamo taṃ paṇamāmi Buddhamaṃ

TÁN DƯƠNG PHẬT

Đức Phật tham thiền về số tức quán, ngồi trên Bồ-đoàn, dưới gốc cây Bồ-đề quý báu và đắc thắng toàn bọn Ma Vương, mà thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài là Bậc Tối Thượng hơn cả chúng sanh, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Ngài.

BUDDHA-RATANA-VANDANĀ

Ye ca Buddhā atitā ca,
Ye ca Buddhā anāgatā;
Paccup-pannā ca ye Buddhā,
Ahaṃ vandāmi sabbadā.
(Lạy)

LỄ BÁI TAM THẾ PHẬT

Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá khứ. Chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị lai. Chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Phật trong tam thế ấy. (Lạy)

BUDDHA-GUṆA

Itipi so Bhagavā: Arahaṃ,
Sammā-sambuddho,
Vijjā-caraṇa-sampanno, Sugato,
Lokavidū, Anuttaro,
Purisa-damma-sārathi,
Satthā deva-manus-sānaṃ,
Buddho, Bhagavā'ti.

BUDDHA-ATTAPAṬIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Buddho me saraṇaṃ varaṃ;
Etena sac-cavaj-jena,
Hotu me jaya-maṅgalaṃ.

BUDDHA-KHAMĀPANA

Uttamaṅ-gena vandehaṃ,
Pāda-paṃsuṃ varuttamaṃ;
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu taṃ mamaṃ. (Lay)

DHAMMA-RATANA-VANDANĀ

Aṭṭhaṅgi-kāriya-patho janānaṃ,
Mokkhaṃ-pavesāya ujū ca maggo;
Dhammo ayaṃ santikaro paṇīto,
Nīyāniko taṃ paṇamaṃmi Dhammaṃ.

DHAMMA-RATANA-VANDANĀ

Ye ca Dhammā atītā ca,
Ye ca Dhammā anāgatā;
Paccup-pannā ca ye Dhammā,
Ahaṃ vandāmi sabbaḍā. (Lay)

ÂN ĐỨC PHẬT

Hồng danh Phật nhiệm màu Ứng Cúng, Chánh Biến Tri Minh Hạnh đủ đầy, đức ân Thiện Thệ cao dày, bậc Thế Gian Giải chỉ bày chơn tâm, Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu, bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh, Thiên Nhân Sư đứng Cha lành, Phật-đà toàn giác Thế Tôn trong đời.

QUY NGƯỠNG PHẬT

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Đức Phật là quý báu, nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đừng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này.

SÁM HỐI PHẬT

Con đem hết lòng thành kính cúi đầu làm lễ vi trần dưới chân Đức Phật, là Đấng Chí Tôn Chí Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Phật Bảo, cúi xin Phật Bảo xá tội lỗi ấy cho con. (Lay)

TÁN DƯƠNG PHÁP

Các Pháp đúng theo Đạo Bát Chánh, là con đường đi của Bậc Thánh Nhân, là con đường chánh, dẫn người hữu trí nhập Niết-bàn được. Pháp Bảo là Pháp trừ diệt các sự lao khổ và các điều phiền não, là Pháp chỉ dẫn chúng sanh thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ các Pháp ấy.

LỄ TAM THẾ PHÁP

Các Pháp của Chư Phật đã có trong kiếp quá khứ. Các Pháp của Chư Phật sẽ có trong kiếp vị lai. Các Pháp của Chư Phật đang giáo truyền trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ các Pháp trong tam thế ấy. (Lay)

DHAMMA-GUṆA

**Svāk-khāto Bhagavatā Dhammo:
Sandiṭṭhiko, Akāliko,
Ehi-passiko, Opana-yiko,
Paccattaṃ veditabbo viññūhī'ti.**

DHAMMA-ATTAPAṬIÑÑĀ

**Natthi me saraṇaṃ añaṇaṃ,
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ;
Etena sac-cavaj-jena,
Hotu me jaya-maṅgalaṃ.**

DHAMMA-KHAMĀPANA

**Uttamaṅ-gena vandehaṃ,
Dhammañca duvidhaṃ varaṃ;
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu taṃ mamaṃ.**
(Lạy)

SAṄGHA-RATANA-PAṆĀMA

**Saṅgho visuddho vara dakkhineyyo
Santindriyo sabba malap-pahīno
Guṇehi nekehi samiddhi-patto
Anāsavo taṃ paṇamāmi Saṅghaṃ.**

SAṄGHA-RATANA-PAṆĀMA

**Ye ca Saṅghā atītā ca,
Ye ca Saṅghā anāgatā;
Paccup-pannā ca ye Saṅghā,
Ahaṃ vandāmi sabbadā.** (Lạy)

ÂN ĐỨC PHÁP

Pháp vi diệu Cha lành khéo dạy, là danh ngôn giác ngộ hiện tiền, vượt thời gian chứng vô biên, sát-na đại ngộ hoát nhiên liễu tường, Đạo Vô Thượng đến rồi thấy rõ, hướng thượng tâm thoát ngũ vọng trần, trí nhân tự ngộ giả chân, diệu thường tịnh lạc Pháp ân nhiệm màu.

QUY NGƯỠNG PHÁP

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Pháp Bảo là quý báu, nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đừng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chân thật này.

SÁM HỐI PHÁP

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai hạng Pháp Bảo là Pháp Học và Pháp Hành. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Pháp Bảo, cúi xin Pháp Bảo xá tội lỗi ấy cho con. (Lạy)

TÁN DƯƠNG TĂNG

Chư Thánh Tăng đã được trong sạch quý báu là bậc đáng cho người dân lễ cúng dường, vì lực căn của các Ngài đã thanh tịnh, lòng tham muốn đã dứt trừ, là Tăng đã thoát ly trần tục, con xin hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng ấy.

LỄ TAM THẾ TĂNG

Chư Tăng đã đắc Đạo cùng Quả trong kiếp quá khứ. Chư Tăng sẽ đắc Đạo cùng Quả trong kiếp vị lai. Chư Tăng đang đắc Đạo cùng Quả trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng trong tam thế ấy. (Lạy)

SAṄGHA-GUṆA

Supaṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho;
Ujupaṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho;
Ñāyapaṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho;
Sāmīcipaṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho;
Yadidaṃ cattāri purisayugāni, aṭṭha
purisapuggalā. Esa Bhagavato Sāvakaṅgho:
Āhuṇeyyo, Pāhuṇeyyo, Dakkhiṇeyyo,
Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ
lokassā'ti.

SAṄGHA-ATTAPATIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ;
Etena sac-cavaj-jena,
Hotu me jaya-maṅgalaṃ.

SAṄGHA-KHAMĀPANA

Uttamaṅ-gena vandehaṃ,
Saṅghaṅ ca duvidhot-tamaṃ;
Saṅghe yo khalito doso,
Saṅgho khamatu taṃ mamaṃ.

(Lay)

ÂN ĐỨC TẶNG

Bậc Diệu Hạnh Thỉnh Văn Thích Tử, bậc Trục Hạnh pháp lữ thiền gia, bậc Như Lý Hạnh Tăng già, bậc Chơn Chánh Hạnh dưới tòa Thế Tôn, thành Đạo Quả bốn đôi tám chúng, đệ tử Phật ứng cúng tôn nghiêm, cung nghinh kính lễ một niềm, Thánh Chúng vô thượng phước điền thế gian.

QUY NGƯỠNG TẶNG

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Đức Tăng là quý báu nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đừng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chân thật này.

SÁM HỐI TẶNG

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng Bảo là Phạm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng Bảo, cúi xin Tăng Bảo xá tội lỗi ấy cho con. (Lay)

TIVIDHA CETIYA VANDANA GĀTHĀ

Vandāmi cetiyaṃ sabbamaṃ,
Sab-baṭṭhā-nesu paṭiṭ-ṭhitamaṃ;
Sārī-rika-dhātu Mahā-bodhiṃ,
Buddha-rūpaṃ sakalamaṃ sadā. (x3) (Lay)

LỄ BÁI XÁ LỢI, BẢO THÁP, CÂY BỒ-ĐỀ

Con xin thành kính làm lễ tất cả Bảo Tháp,
Ngọc Xá-lợi, đại thọ Bồ-đề và Kim thân Phật
đã tạo thờ trong khắp mọi nơi. (x3) (Lay)

SAMBUDDHE

1. Sambuddhe aṭṭha vīsañca dvā-dasañca sahas-sake, pañca-sata-sahas-sāni ṇamāmi sirasā ahaṃ. Tesam Dhammañca Saṅhañca ādarena ṇamā-mihaṃ, ṇamak-kārā-nubhā-vena hantvā sabbe upaddave anekā antarā-yāpi vinas-santu ase-sato.
2. Sambuddhe pañca-paññasañca, catu-vīsati-sahassake, dasa-sata-sahassāni ṇamāmi sirasā ahaṃ. Tesam Dhammañca Saṅhañca ādarena ṇamā-mihaṃ, ṇamak-khārā-nubhā-vena hantvā sabbe upaddave anekā antarā-yāpi vinas-santu ase-sato.
3. Sambuddhe navuttara-sate, aṭṭha-cattālī-sasahas-sake, vīsati-sata-sahassāni ṇamāmi sirasā ahaṃ. Tesam Dhammañca Saṅhañca ādarena ṇamā-mihaṃ, ṇamak-kārā-nubhā-vena hantvā sabbe upaddave anekā antarā-yāpi vinas-santu ase-sato. (Lay)

LỄ CHÁNH GIÁC TÔNG

1. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ **28 vị Chánh Biến Tri, 12 ngàn vị Chánh Biến Tri và 500 ngàn vị Chánh Biến Tri**. Con đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp Bảo và Tăng Bảo của các vị Chánh Biến Tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, mà những điều rủi ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.
2. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ **55 vị Chánh Biến Tri, 24 ngàn vị Chánh Biến Tri và 1 triệu vị Chánh Biến Tri**. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ Pháp Bảo và Tăng Bảo của các vị Chánh Biến Tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, mà những điều rủi ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.
3. Con đem hết lòng thành kính làm lễ **109 vị Chánh Biến Tri, 48 ngàn vị Chánh Biến Tri và 2 triệu vị Chánh Biến Tri**. Con đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp Bảo và Tăng Bảo của các vị Chánh Biến Tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, mà những điều rủi ro và sự tai hại thấy đều diệt tận. (Lay)

ĀRĀDHANĀ DEVATĀ

Sagge kāme ca rūpe giri-sikhara-taṭe canta-likkhe vimāne. Dīpe raṭṭhe ca gāme taru-vana-gaḥaṇe geha-vatthumhi khette. Bhum mā cāyantu Devā jalathala-visame Yakkha-Gandhabba-Nāgā. Tiṭṭhantā santike yaṃ Muni-varavacanam sādhavo me suṇantu.

Dhammas-savana kālo ayaṃ bhadantā. (3 lần)

THỈNH CHƯ THIÊN

Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Dục Giới cùng Sắc Giới; Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi, đất liền; hoặc các châu quận; ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn; Chư Dạ-xoa, Càn-thát-bà, cùng Long Vương dưới nước trên bờ, hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây. Lời nào là kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng tôi tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Xin các Ngài Đạo Đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo. (3 lần)

KINH TỤNG NGÀY THỨ NHẤT

METTĀ-SUTTA

Suttaṭṭakā, Khuddakanikāya, Khuddakapāṭhapāli, 9

KARAṆĪYA METTA-SUTTĀ RAMBHO

Yassā-nubhā-vato yakkhā,
Neva dassenti bhīsanam;
Yamhi cevā-nuyuñ-janto,
Rattin-diva-matandito.
Sukham supati sutto ca,
Pāpaṃ kiñci na passati;
Evamā-diguṇū-petaṃ,
parittaṃ taṃ bhaṇāma he.

1. Karaṇī-yamat-thakusalena,
Yantaṃ santaṃ padaṃ abhisamecca;
Sakko ujū ca suhujū ca,
Suvaco cassa mudu anatimānī.

2. Santus-sako ca subharo ca,
Appa-kicco ca sal-lahu-kavutti;
Santin-driyo ca nipako ca,
Appa-gabbho kulesu ana-nugiddho.

3. Na ca khuddaṃ samā-care kiñci,
Yena viññū pare upava-deyyuṃ;
Sukhino vā khemino hontu,
Sabbe sattā bhavantu sukhi-tattā.

4. Ye keci pāṇa-bhūtatthi,
Tasā vā thā-varā va ana-vasesā;
Dīghā vā ye mahantā vā,
Majjhimā rassakā ṇu-kathulā.

5. Diṭṭhā vā ye ca addiṭṭhā,
Ye ca dūre vasanti avidūre;
Bhūtā vā sambhavesī vā,
Sabbe sattā bhavantu sukhi-tattā.

6. Na paro paraṃ nikub-betha,
Nātimañ-ñetha kat-thaci naṃ kañci;
Byāro-sanā paṭi-ghasaññā,
Nāñña-maññassa dukkha-miccheyya.

KINH TỪ BI

Tạng Kinh, Kinh Tiểu Bộ, Tiểu Tụng, Số 9

BỔ CÁO KINH TỪ BI

Do nhờ oai lực Kinh Paritta, mà các hạng
Đạ-xoa không dám hiện hình đáng sợ, lại
nữa những ai ngày và đêm không lười
biếng, siêng năng đọc tụng Kinh Paritta,
đang khi ngủ hoặc đã ngủ cũng đều được
an vui, không nằm mộng thấy sự xấu xa.
Nay ta tụng Kinh Paritta có những oai
đức, nhất là như vậy:

1. Người hằng mong an tịnh,
Nên thể hiện Pháp lành,
Có khả năng, chất phác,
Ngay thẳng và nhu thuận,
Hiền hòa, không kiêu mạn.

2. Sống dễ dàng, tri túc,
Thanh đạm, không rộn ràng,
Lục căn luôn trong sáng,
Trí tuệ càng hiển minh,
Chuyên cần, không quỵến niệm.

3. Không làm việc ác nhỏ,
Mà bậc trí hiền chê,
Nguyện thái bình an lạc,
Nguyện tất cả sinh linh,
Tròn đầy muôn hạnh phúc.

4. Chúng sanh dù yếu, mạnh,
Lớn, nhỏ, hoặc trung bình,
Thấp, cao, không đồng đẳng,
Hết thấy chúng hữu tình,
Lòng từ không phân biệt.

5. Hữu hình, hoặc vô hình,
Đã sinh, hoặc chưa sinh,
Gần, xa không kể xiết,
Nguyện tất cả sinh linh,
Tròn đầy muôn hạnh phúc.

6. Đừng lừa đảo lẫn nhau,
Chớ bắt mẫn điều gì,
Đừng mong ai đau khổ,
Vì tâm niệm sân si,
Hoặc vì nuôi oán tưởng

7. Mātā yathā niyaṃ puttāṃ,
Āyusā ekaput-tamanurakkhe;
Evampi sabbabhūtesu,
Mānasaṃ bhāvaye aparimāṇaṃ.

8. Mettañca sabba-lokasmim,
Mānasaṃ bhāvaye apari-māṇaṃ;
Uddhaṃ adho ca tiriyaṃ ca,
Asam-bādhaṃ averaṃ asa-pattaṃ.

9. Tiṭṭhaṃ caraṃ nisinno vā,
Sayāno vā yā-vatassa vigata-middho;
Etaṃ satim adhiṭṭheyya,
Brahma-metaṃ vihāraṃ idhamāhu.

10. Diṭṭhiṃ ca anu-pagamma,
Sīlavā dassa-nena sampanno;
Kāmesu vineyya gedhaṃ,
Na hi jātu gabbha-seyyaṃ punareti'ti.

7. Như Mẹ giàu tình thương,
Suốt đời lo che chở,
Đứa con một của mình,
Hãy phát tâm vô lượng,
Cùng tất cả sinh linh.

8. Từ bi gieo cùng khắp,
Cả thế gian khổ hải,
Trên dưới và quanh mình,
Không hẹp hòi oan trái,
Không giận hờn oán thù.

9. Khi đi, đứng, ngồi, nằm
Bao giờ còn thức tỉnh
Giữ niệm từ bi này
Thân tâm thường thanh tịnh
Phạm hạnh chính là đây.

10. Ai xả ly kiến thủ,
Giới hạnh được tựu thành,
Chánh tri đều viên mãn,
Không ái nhiễm dục trần,
Thoát ly đường sanh tử.

JAYA-PARITTA-GĀTHĀ

1. Mahā-kāruṇiko nātho,
Hitāya sabbapāṇinaṃ;
Pūretvā pāramī sabbā,
Patto sambo-dhimut-tamaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu te jaya-maṅgalaṃ.

2. Jayanto bodhiyā mūle,
Sakyānaṃ nandivad-dhanaṃ,
Evaṃ tvaṃ vijayo hoti,
Jayassu jaya-maṅgale.
Aparājita pallaṅke,
Sīse paṭha-vipok-khare.
Abhi-seke sabba-Buddhānaṃ,
Aggap-patto pamo-dati.

3. Sunak-khattaṃ sumaṅ-galaṃ,
Suppa-bhātaṃ suhuṭṭhitaṃ.
Sukhaṇo sumu-hutto ca,
Suyiṭṭhaṃ brahma-cārisu.

KỆ HỘ TRÌ TỐI THẮNG (Linh Dược)

1. Đức Chánh Biến Tri là đấng cứu thế,
Ngài gồm có đức Đại Bi, Ngài bổ khuyết
tất cả Pháp Pāramī đem lợi ích đến
chúng sanh rồi, Ngài chứng quả Toàn
Giác tối thượng. Do lời chân thật này, xin
cho hảo vận phát sanh đến người.

2. Vị đạt đến tối thắng, khiến vương tộc
thích ca, tăng trưởng niềm hoan hỷ; đã
đại thắng binh ma, bên cội cây Bồ Đề,
trên bờ đoàn bất thối, nơi Chư Phật lên
ngôi, địa cầu liên hoa đỉnh, mong người
cũng chiến thắng và Khải hoàn như vậy.

3. Giờ nào chúng sanh thực hành thân,
khẩu, ý trong sạch, giờ đó gọi là vận
mệnh tốt, là giờ xán lạn, là khắc tốt, là
canh tốt, tài thí mà người đã cúng dường
đến các bậc Phạm Hạnh rồi, giờ đó gọi là
cúng dường chân chánh.

4. Padak-khiṇaṃ kāya-kammaṃ,
Vācā-kammaṃ padak-khiṇaṃ.
Padak-khiṇaṃ mano-kammaṃ,
Paṇidhī te padak-khiṇā.
Padak-khiṇāni katvāna,
Labhan-tatthe padak-khiṇe.

ABHAYA-PARITTA-SUTTA

Yaṃ dunnimittaṃ avamaṅgalaṅca,
Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpag-gaho dussupinaṃ akantaṃ,
Buddhā-nubhāvena vināsamentu.

Yaṃ dunnimittaṃ avamaṅgalaṅca,
Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpag-gaho dussupinaṃ akantaṃ,
Dhammā-nubhāvena vināsamentu.

Yaṃ dunnimittaṃ avamaṅgalaṅca,
Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpag-gaho dussupinaṃ akantaṃ,
Saṅghā-nubhāvena vināsamentu.

DEVATĀUYYOJANAPĀṬHA

Dukkhap-pattā ca niddukkhā,
Bhayap-pattā ca nibbhayā;
Sokap-pattā ca nissokā,
Hontu sabbepi pāṇino.

Ettāvatā ca amhehi,
Sambhataṃ puñña-sampadaṃ;
Sabbe devā-numodantu,
Sabba sampat-tisid-dhiyā.

Dānaṃ dadantu saddhāya,
Sīlaṃ rakkhantu sabbadā;
Bhāvanā-bhiraṭā hontu,
Gacchantu Devatā-gatā.

Sabbe Buddhā balap-pattā,
Pacce-kānaṅca yaṃ balaṃ;
Arahantā-naṅca tejena,
Rakkhaṃ bandhāmi sabbaso.

4. Ngày đó gọi là có nghiệp thân phát đạt, nghiệp khẩu phát đạt, nghiệp ý phát đạt. Sự nguyện vọng của những người đó, cũng gọi là nguyện vọng phát đạt. Người tạo nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý phát đạt như thế, rồi sẽ được những lợi ích phát đạt.

KỆ TIÊU TRỪ SỢ HÃI (Vô Úy Hộ Trì)

Nhờ Uy linh Phật Bảo, ngăn ngừa mọi tai ương. Những điều triệu bất thường, những mộng mị chẳng lành. Tiếng điệu thú bi ai, các nghịch duyên trở ngại. Mong những nguy hại ấy, thấy đều mau tan biến.

Nhờ Uy linh Pháp Bảo, ngăn ngừa mọi tai ương. Những điều triệu bất thường, những mộng mị chẳng lành. Tiếng điệu thú bi ai, các nghịch duyên trở ngại. Mong những nguy hại ấy, thấy đều mau tan biến.

Nhờ Uy linh Tăng Bảo, ngăn ngừa mọi tai ương. Những điều triệu bất thường, những mộng mị chẳng lành. Tiếng điệu thú bi ai, các nghịch duyên trở ngại. Mong những nguy hại ấy, thấy đều mau tan biến.

KỆ BÁO THIÊN

*Tất cả chúng sanh đến khổ rồi,
xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi,
xin đừng cho kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi,
xin đừng cho thương tiếc.*

*Nguyện tất cả Chư Thiên,
hoan hỷ phước tôi làm,
tựu thành mọi hạnh phúc.*

*Hãy cho với niềm tin, Nghiệp Quả và Tam Bảo.
Giói hạnh năng nghiêm trì, hoan hỷ pháp tăng thượng.
Thiên giả nào đã đến, lắng nghe hộ Kinh này.
Tùy hỷ công đức rồi, xin phần hồi thiên xứ.*

*Chư Toàn Giác đại lực, Chư Độc Giác đại lực,
Thịnh Văn Giác đại lực, nguyện tổng trì uy đức,
gia hộ con an lành.*

TK. Nguyễn Tuệ

ĐỌC TIẾP TRANG 38

KINH TỤNG NGÀY THỨ HAI

RATANA-SUTTĀ

Suttapiṭaka, Khuddakanikāya, Khuddakapāṭhapāli, 6

KINH CHÂU BÁU (Kinh Tam Bảo)

Tạng Kinh, Kinh Tiểu Bộ, Tiểu Tụng, Số 6

RATANA-SUTTĀRAMBHO

**Paṇidhā-nato paṭṭhā-ya Tathā-gatassa
Dasa pāramiyo, Dasa upapā-ramiyo,
Dasa para-mattha pāramiyo, Pañca
mahā-paric-cāge, tisso cariyā,
pacchimab-bhave gabbhā-vak-kantiṃ,
jātiṃ abhinik-khamanaṃ,
padhā-nacariyaṃ, bodhi-pallaṅke
māra-vijayaṃ.**

**Sabbañ-ñutañ-ñāṇap-paṭi vedhaṃ,
nava lokut-tara-dhammeti. Sabbepi
me Buddha-guṇe āvaj-jitvā Vesāliyā
tīsu pākāran-taresu tiyā-marattiṃ
parittaṃ karonto āyasmā Ānandat-
thero viya Kāruñ-ñacittaṃ upaṭṭha-
petvā.**

**Koṭi-sata-sahas-sesu, cakkavā-ḷesu
devatā; Yassāṇaṃ paṭig-gaṇhanti,
yañca Vesāliyaṃ pure.**

**Rogā-manus-sadub-bhikkha,
sambhūtaṃ tividhaṃ bhayaṃ;
Khippaman-taradhāpesi,
Parittaṃ taṃ bhaṇāma he.**

BỔ CÁO KINH CHÂU BÁU

*Chúng ta nên đem lòng từ thiện, đối với
tất cả chúng sanh, như Đại đức Ānanda,
đã suy tưởng đầy đủ các công đức của
Phật, từ khi mới phát nguyện thành bậc
Chánh Đẳng Chánh Giác, là tu mười
pháp Pāramī, mười pháp Upapāramī,
mười pháp Paramatthapāramī,
năm pháp đại thí, ba pháp hành.*

*Tư cách giáng sanh vào lòng Mẹ trong
kiếp chót. Tư cách ra đời. Tư cách xuất
gia. Tư cách tu khổ hạnh. Tư cách cảm
thắng Ma Vương. Tư cách chứng quả
Chánh Biến Tri trên Bồ-đoàn. Chín phép
thánh. Suy tưởng xong rồi; Đại đức
Ānanda tụng Kinh Paritta cả đêm, trọn
đủ ba canh, tại trong ba vòng thành
Vesālī.*

*Tất cả Chư Thiên trong mười muôn triệu
thế giới Ta-bà, đều được thọ lãnh oai lực
Kinh Paritta. Kinh Paritta đã làm cho ba
điều kinh sợ đã phát sanh, là: Bệnh tật,
Phi nhân và sự Đói khát trong thành
Vesālī được mau tiêu diệt. Chư Thiên này,
nay chúng tôi tụng Kinh Paritta ấy.*

RATANA-SUTTĀ

1. Yānīdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni va antaḷikkhe,
Sabbeva bhūtā sumanā bhavantu
Athopi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ.
2. Tasmā hi bhūtā nisāmetha sabbe
Mettaṃ karotha mānusiya pajāya,
Divā ca ratto ca haranti ye baliṃ
Tasmā hi ne rakkatha appamattā.
3. Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇitaṃ,
Na no samaṃ atthi Tathā-gatena
Idampi Buddhē ratanaṃ paṇitaṃ,
Etena saccena suvatthi hotu.
4. Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇitaṃ
Yadaj-jhagā Sakyamunī samāhito,
Na tena Dhammena samatthi kiñci
Idampi Dhamme ratanaṃ paṇitaṃ,
Etena saccena suvatthi hotu.
5. Yam Buddha-seṭṭho parivaṇṇayī sucim
Samādhi-mānantari-kañña-māhu
Samādhinā tena samo na vijjati
Idampi Dhamme ratanaṃ paṇitaṃ,
Etena saccena suvatthi hotu.
6. Ye puggalā aṭṭha satam pasatthā
Cattāri etāni yugāni honti,
Te dakkhiṇeyyā Sugatassa Sāvakā
Etesu dinnāni mahap-phalāni,
Idampi Saṅghe ratanaṃ paṇitaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.
7. Ye suppayuttā manasā dalhena
Nikkāmino Gotama sāsanaṃhi,
Te pattipattā amataṃ vigayha
Laddhā mudhā nibbutiṃ bhuñjamānā,
Idampi Saṅghe ratanaṃ paṇitaṃ.
Etena saccena suvatthi hotu.

KINH CHÂU BÁU

Phàm chúng Thiên nhân nào
Cư ngụ trên địa cầu, Hoặc hư không
trú xứ, Đã vâng tập về đây, Xin mở lòng
hoan hỷ, Lắng nghe lời dạy này.

Tất cả chúng Thiên nhân, Hãy đồng
tâm hoan hỷ, Mở rộng tấm lòng từ,
Luôn chuyên cần gia hộ, Những người
nam nữ nào, Ngày đêm thường bố thí.

Phàm những tài sản gì, Đòi này hay đòi
sau, Hoặc châu báu thù thắng, Hiện hữu
trên cõi trời, Không gì sánh bằng được,
Vớ Thiên Thệ Như Lai, Như vậy chính
Đức Phật, Là châu báu thù diệu, Mong
vớ sự thật này, Được sống chơn hạnh
phúc.

Ly dục diệt phiền não, Pháp bất tử thù
diệu, Phật Thích Ca Mâu Ni, Đã chứng
đắc tịch tịnh, Chẳng pháp nào sánh
bằng, Như vậy chính Pháp Bảo, Là châu
báu thù diệu, Mong vớ sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

Bậc Vô Thượng Chánh Giác, Hằng ca
ngợi pháp thiên, Trong sạch không gián
đoạn, Chẳng thiên nào sánh bằng, Như
vậy chính Pháp Bảo, Là châu báu thù
diệu, Mong vớ sự thật này, Được sống
chơn hạnh phúc.

Thánh tám vị bốn đôi, Được bậc thiên
tán thán, Đệ tử Đấng Thiên Thệ, Xứng
đáng được cúng dường, Bố thí các vị ấy,
Được kết quả vô thượng, Như vậy chính
Tăng Bảo, Là châu báu thù diệu, Mong
vớ sự thật này, Được sống chơn hạnh
phúc.

Thiên hạnh tâm kiên cố, Ly dục trong
chánh đạo, Của Phật Gotama Chứng
nhập vị bất tử, Hưởng tịch tịnh dễ dàng,
Như vậy chính Tăng Bảo, Là châu báu
thù diệu, Mong vớ sự thật này, Được
sống chơn hạnh phúc.

8. **Yathindakhīlo paṭhaviṃ sito siyā
Catubbhi vātebhi asampakampiyo,
Tathūpamaṃ sappurisaṃ vadāmi
Yo ariya-saccāni avecca passati,
Idampi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.**

*Ví như cột trụ đá, Khéo y cứ lòng đất.
Dầu có gió bốn phương, Cũng không hề
lay động, Ta nói bậc chơn nhân, Liễu
ngộ Tứ Thánh Đế, Cũng tự tại bất động,
Trước tám pháp thế gian, Như vậy
chính Tăng Bảo, Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này, Được sống chơn
hạnh phúc.*

9. **Ye ariyasaccāni vibhāvayanti
Gambhīrapaññaena sudesitāni,
Kiñcāpi te honti bhusap-pamattā
Na te bhavaṃ aṭṭhamaṃ ādiyanti,
Idampi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.**

*Bậc thấu triệt Thánh Đế, Đã được khéo
thuyết giảng, Bởi trí tuệ uyên thâm, Dù
cho có phóng dật, Cũng không thể tái
sinh, Nhiều hơn trong bảy kiếp, Như
vậy chính Tăng Bảo, Là châu báu thù
diệu. Mong với sự thật này, Được sống
chơn hạnh phúc.*

10. **Sahā-vassa dassa-nasam-padāya
Tayassu dhammā jahitā bhavanti,
Sakkā-yadiṭṭhi vicikic-chitañca
Sīlab-bataṃ vāpi yadatthi kiñci,
Catū-hapā-yehi ca vip̄pa-mutto
Cha cābhiṭṭhā-nāni abhabbo kātum,
Idampi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.**

*Những bậc kiến Cụ-túc, Đoạn trừ ba
kiết sử, Là thân kiến, hoài nghi, Luôn cả
giới cấm thủ. Thoát khỏi bốn đọa xứ,
Không làm sáu trọng tội, Như vậy chính
Tăng Bảo. Là châu báu thù diệu, Mong
với sự thật này, Được sống chơn hạnh
phúc.*

11. **Kiñcāpi so kammaṃ karoti pāpakaṃ
Kāyena vācā uda cetasā vā,
Abhabbo so tassa paṭicchādāya
Abhab-batā diṭṭha-padassa vuttā,
Idampi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.**

*Dầu có làm tội gì, Bằng thân, khẩu hoặc
ý, Các Ngài chẳng bao giờ, Che giấu điều
đã phạm, Bởi vì đức tánh này, Được gọi
là “thấy Pháp”, Như vậy chính Tăng
Bảo. Là châu báu thù diệu, Mong với sự
thật này, Được sống chơn hạnh phúc.*

12. **Vanap-pagumbe yathā phussitagge
Gimhā-namāse paṭhamasmiṃ gimhe
Tathūpamaṃ Dhammavaraṃ adesayi
Nibbāna-gāmiṃ paramaṃ hitāya,
Idampi Buddhē ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.**

*Ví như cây trong rừng, Đâm chồi đầu
mùa hạ, Cũng vậy Đức Thế Tôn, Thuyết
giảng Pháp ưu việt, Dẫn đến ngộ Niết-
bàn, Là lợi ích tối thượng, Như vậy
chính Đức Phật, Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này, Được sống chơn
hạnh phúc.*

13. **Varo varaññū varado varāharo
Anuttaro Dhamma-varaṃ adesayi,
Idampi Buddhē ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.**

*Đức Phật bậc Vô Thượng, Liễu thông
Pháp cao thượng, Chứng đạt Pháp tối
thượng, Chuyển đạt Pháp thắng
thượng. Như vậy chính Đức Phật, Là
châu báu thù diệu, Mong với sự thật
này, Được sống chơn hạnh phúc.*

14. **Khīṇaṃ purāṇaṃ navam
natthi sambhavaṃ
Virat-tacittā-yatike bhavasmim,
Te khīṇabījā avirūḥic-chandā
Nibbanti dhīrā yathāyam-padīpo,
Idampi Saṅhe ratanaṃ paṇitaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.**
15. **Yānīdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni va antaḷikkhe,
Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ
Buddhaṃ namassāma suvatthi hotu.**
16. **Yānīdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni va antaḷikkhe,
Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ
Dhammaṃ namassāma suvatthi hotu.**
17. **Yānīdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni va antaḷikkhe,
Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ
Saṅghaṃ namassāma suvatthi hotu.**

Nghiệp cũ đã tiêu trừ, Nghiệp mới không phát khởi, Nhàm chán kiếp tái sinh, Chúng tử dục đoạn tận, Bạc Trí chứng Niết-bàn, Ví như lửa đèn tắt, Như vậy chính Tăng Bảo, Là châu báu thù diệu, Mong với sự thật này, Được sống chơn hạnh phúc.

Phàm chúng Thiên nhân nào, Cư ngụ trên địa cầu, Hoặc hư không trú xứ, Đã vâng tập về đây, Xin đồng tâm hoan hỷ, Thành kính đánh lễ Phật, Đã như thật xuất hiện, Mà Chư Thiên, loài người Thường cúng dường tôn trọng, Mong được sống an lành.

Phàm chúng Thiên nhân nào, Cư ngụ trên địa cầu, Hoặc hư không trú xứ, Đã vâng tập về đây, Xin đồng tâm hoan hỷ, Thành kính đánh lễ Pháp, Đã như thật xuất hiện, Mà Chư Thiên loài người, Thường cúng dường tôn trọng, Mong được sống an lành.

Phàm chúng Thiên nhân nào, Cư ngụ trên địa cầu, Hoặc hư không trú xứ, Đã vâng tập về đây, Xin đồng tâm hoan hỷ, Thành kính đánh lễ Tăng, Đã như thật xuất hiện, Mà Chư Thiên loài người, Thường cúng dường tôn trọng, Mong được sống an lành.

ĐỌC TIẾP TRANG 38

KINH TỤNG NGÀY THỨ BA

BUDDHA-JAYAMAṄGALA GĀTHĀ

KỆ PHẬT THẮNG HẠNH

1.
Bāhuṃ sahas-samabhinim-mitasā-
yudhantaṃ, Girime-khalaṃ uditagho-
rasase-namāraṃ, Dānā-didhamma-
vidhinā jitavā munindo, Taṃ tejasā
bhavatu te jayamaṅgalāni.

Đức Phật cao thượng hơn các bậc Trí tuệ,
Ngài đã cảm thắng Ma Vương, Ma Vương
biến ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cỡi
voi Gí-rí-mê-khá-lá đủ cả binh ma, tiếng
hét la vang rền. Nhờ Pháp Thập độ, nhứt
là Pháp Bố thí, mà Đức Phật cảm thắng
được Ma Vương. Do nhờ Phật lực này, xin
cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

2.
Mārātire-kamabhiyuj-jhitasab-
barattiṃ. Ghoram-panā-ḷavakamak-
khamathad-dhayakkhaṃ. Khantī-
sudan-tavidhinā jitavā munindo. Taṃ
tejasā bhavatu te jayamaṅgalāni.

Đức Phật đã cảm thắng Dạ-xoa A-lá-quá-
cá rất ngang ngạnh, không lòng nhẫn
nhục, khoe tài trọn đêm cùng Đức Phật,
Dạ-xoa rất hung ác, cảm động hơn Ma
Vương, đã bị Đức Chánh Biến Tri dùng
phép nhẫn nhục thâm phục rồi. Do nhờ
Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát
sanh đến người.

3.
Nālā-giriṃ gajavaraṃ atimat-
tabhūtaṃ, Dāvag-gicak-kamasanī-va
sudā-ruṇantaṃ, Mettam-buse-kavi-
dhinā jitavā munindo, Taṃ tejasā
bhavatu te jayamaṅgalāni.

Đức Phật đã cảm thắng voi Na-la-gí-rí
đến cơn hung ác dữ tợn như lửa rừng,
như sấm sét, nhờ rải lòng Từ Bi, mà Đức
Chánh Biến Tri cảm thắng được voi ấy. Do
nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc
phát sanh đến người.

4.
Ukkhit-takhag-gamatihāṭ-ṭhasudā-
ruṇantaṃ, Dhāvan-tiyo-jana-pathaṅ-
guli-māla-vantaṃ, Iddhī-bhisaṅ-
khata-mano jitavā munindo, Taṃ
tejasā bhavatu te jayamaṅgalāni.

Đức Phật dùng phép Thần thông, cảm
thắng Ấng-gú-lí-ma-lá, kẻ cướp sát nhơn,
cắt ngón tay người xỏ làm tràng hoa, kẻ
quá hung bạo nhưng rất tinh nhuệ, cầm
gươm rượt Đức Chánh Biến Tri xa ba do-
tuần. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự
hạnh phúc phát sanh đến người.

5.
Katvā-na kaṭ-ṭhamu-daraṃ iva
gab-bhinīyā, Ciñcā-ya duṭ-ṭhava-
canaṃ janakā-yamajjhe, Sante-na
som-mavi-dhinā jitavā munindo,
Taṃ tejasā bhavatu te jayamaṅgalāni.

Đức Phật đã khử trừ lời dữ của nàng
Chinh-cha, nàng dùng cây tròn giống
dạng đũa bé trong thai, giả làm phụ nữ
mang thai. Nhờ dùng phép Chánh Định,
mà Đức Chánh Biến Tri cảm thắng nàng
giữa chốn đông người. Do nhờ Phật lực
này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến
người.

6. **Saccam vihāya matisac-cakavā-daketum, Vādā-bhiro-pita-manam atian-dhabhūtam, Paññā-padī-pajalito jitavā munindo, Tam tejasā bhavatu te jayamaṅgalāni.**

Đức Phật sáng suốt nhờ ngọn đèn tuệ. Ngài đã cảm thán kẻ ngoại đạo Sách-chá-cá, là kẻ không ngay thật, chỉ ưa thích sự nâng cao lời nói mình như dựng cột phượng, kẻ rất si mê, chẳng khác người mù. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

7. **Nando-pananda-bhujagam vibuddham mahiddhim, Puttena thera-bhujā-gena damā-payanto, Iddhū-pade-savi-dhinā jitavā munindo, Tam tejasā bhavatu te jayamaṅgalāni.**

Đức Phật dạy Đại đức Mục-kiền-liên, biến làm Long Vương, để thâm phục Rồng chúa Nan-đô-bá-nan-đá, là rồng tà kiến, có nhiều thần thông, nhờ dạy Đại đức Mục-kiền-liên, mà Đức Chánh Biến Tri đã thâm phục được rồng chúa ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

8. **Duggā-hadiṭ-ṭhibhu-jage-na sudaṭ-ṭhahattham, Brahmaṃ visud-dhiju-timid-dhibakā-bhidhānam, Ñāṇā-gade-na vidhinā jitavā munindo, Tam tejasā bhavatu te jayamaṅgalāni.**

Đức Phật đã cảm thán Đại Phạm Thiên Bá-ká, tự cho mình là cao thượng, vì đức trong sạch, có thần thông và chấp hãn tà kiến, nhờ Giác Tuệ, mà Đức Chánh Biến Tri cảm thán được Đại Phạm Thiên ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

9. **Etāpi Buddha-jayamaṅgala aṭṭhagāthā, Yo vācano dinadine sarate matandī, Hitvā-na ne-kavi-vidhā-ni cupad-davāni, Mokkham sukham adhi-gamey-ya naro sapañño.**

Những người có trí tuệ, không biếng nhác, thường ngày hằng tụng hoặc niệm tám kệ ngôn, tán dương oai lực của Đức Chánh Biến Tri, thì sẽ được tránh khỏi vô số nạn tai, sau khi thoát khỏi mọi sự khổ đau và sẽ chứng quả Niết-bàn, là nơi an vui độc nhất.

Sakkatvā Buddha-ratanam,
 Osadham uttamam varam,
 Hitam deva-manussanam,
 Buddha-tejena sotthinā,
 Nassan-tupad-davā sabbe,
 Dukkha vūpasamentu te.

*Xin cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan, những **khổ não** của người đều yên lặng. Nhờ sự vinh quang và vẻ uy linh của **Đức Phật**, vì lòng tôn kính Phật Bảo, như món linh dược quý cao, là **lợi ích** đến **Chư Thiên** và **Nhân loại**.*

Sakkatvā Dhamma-ratanam,
 Osadham uttamam varam,
 Parilāhupasamanam,
 Dhamma-tejena sotthinā,
 Nassan-tupad-davā sabbe,
 Bhayā vūpasamentu te.

*Xin cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan, những **lo sợ** của người đều yên lặng. Nhờ sự vinh quang và vẻ uy linh của **Đức Pháp**, vì lòng tôn kính Pháp Bảo, như món linh dược quý cao, là **Pháp trấn** **tĩnh** điều **phiền** **não**.*

Sakkatvā Saṅgha-ratanam,
 Osadham uttamam varam,
 Āhuneyyam pāhuneyyam,
 Saṅgha-tejena sotthinā,
 Nassan-tupad-davā sabbe,
 Rogā vūpasamentu te.

*Xin cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan, những **bệnh hoạn** của người đều yên lặng. Nhờ sự vinh quang và vẻ uy linh của **Đức Tăng**, vì lòng tôn kính Tăng Bảo, như món linh dược quý cao, **đáng** **cho** **người** **cúng** **dường** và **hoan** **ngheh** **tôn** **trọng**.*

**ĐỌC TIẾP TRANG 43 - TỤNG THÊM NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỞNG ,
 HOẶC CÓ THỂ TỤNG THÊM CÁC PHẨM CỦA KINH PHÁP CÚ Ở TRANG 55.
 RỒI QUAY LẠI TRANG 41 ĐỂ ĐỌC HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN VÀ CHÚNG SANH.
 (Yam kiñci kusalam kammaṃ...)**

KINH TỤNG NGÀY THỨ TƯ

MAṄGALA-SUTTA

Suttapiṭaka, Khuddakanikāya, Khuddakapāṭhapāli, 5

HẠNH PHÚC KINH

Tạng Kinh, Kinh Tiểu Bộ, Tập I, Tiểu tụng, Số 5

MAṄGALA-SUTTĀRAMBHO

Yaṃ maṅgalaṃ dvāda-sahi,
Cinta-yiṃsu sade-vakā;
Sothhānaṃ nādhi-gacchanti,
Aṭṭhat-tiṃsañca maṅgalaṃ.
Desitaṃ deva-devena,
Sabba-pāpa-vināsaṃ;
Sabba-loka-hitat-thāya,
Maṅgalaṃ taṃ bhaṇāma he.

Evam me sutam:

Ekam samayaṃ Bhagavā Sāvattiyam
viharati Jetavane Anātha-piṇḍi-kassa
Ārāme. Atha kho aññatarā devatā
abhik-kantāya rattiyā,
abhik-kanta-vaṇṇā kevala-kappaṃ
Jetavanaṃ obhāsetvā, yena Bhagavā
tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā
Bhagavantam abhivādetvā eka-
mantam aṭṭhāsi. Eka-mantam ṭhitā
kho sā devatā Bhagavantam gāthāya
ajjhabhāsi:

Bahū devā manussā ca,
Maṅgalāni acintayum;
Ākaṅkhamānā sothhānaṃ,
Brūhi maṅgalamuttamaṃ.

1. Asevanā ca bālānaṃ,
Paṇḍitānañ ca sevanā;
Pūjā ca pūjaney-yānaṃ,
Etaṃ maṅgalamut-tamaṃ.

Không thân cận kẻ ngu,
Nhưng gần gũi bậc trí,
Kính lễ người đáng lễ,
là phước lành cao thượng.

2. Patirū-pade-savāso ca,
Pubbe ca katapuññatā;
Atta-sammā-paṇidhi ca,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.

Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
là phước lành cao thượng.

BỔ CÁO HẠNH PHÚC KINH

Loài người cùng Chư Thiên, đã tìm kiếm những điều hạnh phúc trong suốt **mười hai năm**, nhưng họ không đạt được. Đức Phật đã thuyết giảng, sự hạnh phúc có **ba mươi tám** điều, có sự đoan tận tất cả điều ác. Xin các bậc Hiền Trí! Vì lợi ích cho cả thế giới, hãy để chúng tôi tụng đọc.

Tôi (là A-nan-đa) được nghe lại như vậy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh xá của trưởng giả Cấp-cô-độc gần thành Xá-vệ (Sāvattī). Khi ấy, có vị Trời chiếu hào quang xinh đẹp, làm cho trọn cả Kỳ Viên sáng ngời rực rỡ, vị Trời ấy đến nơi Phật ngự, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng tại chỗ nên đứng. Khi đã đứng yên, vị Trời ấy bèn bạch với Đức Thế Tôn, bằng lời kệ rằng:

Nhiều thiên tử và người,
Suy nghĩ đến phước lành,
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an lành,
Xin ngài hãy nói lên,
Về phước lành cao thượng.

Đức Thế Tôn tùy lời hỏi mà giảng rằng:

3. **Bāhusaccañca sippañca,
Vinayo ca susikkhito;
Subhāsītā ca yā vācā,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.** *Học nhiều nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói,
là phước lành cao thượng.*
4. **Mātāpitu-upatṭhānaṃ,
Puttadā-rassa saṅgaho;
Anākulā ca kammantā,
Etaṃ maṅgalamut-tamaṃ.** *Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi nấng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
là phước lành cao thượng.*
5. **Dānañ ca dhammacariyā ca,
Ñātakānañca saṅgaho;
Anavajjāni kammāni,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.** *Bố thí, hành đúng Pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không làm lỗi,
là phước lành cao thượng.*
6. **Āratī viratī pāpā,
Majjapānā ca saññamo;
Appamādo ca dhammesu,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.** *Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong Pháp, không phóng dật,
là phước lành cao thượng.*
7. **Gāravo ca nivāto ca,
Santutṭhī ca kataññutā;
Kālena dhammasavaṇaṃ,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.** *Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời nghe Chánh Pháp,
là phước lành cao thượng.*
8. **Khantī ca sovacassatā,
Samaṇānañca dassanaṃ;
Kālena dhammasākacchā,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.** *Nhẫn nhục, lời hoà nhã,
Yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời đàm luận Pháp,
là phước lành cao thượng.*
9. **Tapo ca brahmacariyañca
Ariyasaccāna dassanaṃ
Nibbānasacchikiriyā ca
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.** *Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả “Niết-Bàn”
là phước lành cao thượng.*
10. **Phuṭṭhassa lokadhammehi,
Cittaṃ yassa na kampati;
Asokaṃ virajaṃ khemaṃ,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.** *Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
là phước lành cao thượng.*

11. Etādisāni katvāna,
Sabbatthamaparājita;
Sabbattha sotthim gacchanti,
Taṃ tesam maṅgalamuttaman'ti.

Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an lành,
Là điềm lành tối thượng.
Chư Thiên này! Các vị nên tin rằng, cả 38 điều
hạnh phúc ấy, là phước lành cao thượng.

PAṬICCASAMUPĀDASUTTA

*Suttapiṭaka, Saṃyuttanikāya, Nidānavaggaṇāḷi,
Nidānasamyuttaṃ, Buddhavagga*

Avijjā-paccayā Saṅkhārā;
Saṅkhāra-paccayā Viññānaṃ;
Viññāna-paccayā Nāmarūpaṃ;
Nāmarūpa-paccayā Saḷāyatanaṃ;
Saḷāyatana-paccayā Phassa;
Phassa-paccayā Vedanā;
Vedanā-paccayā Taṇhā;
Taṇhā-paccayā upādānaṃ;
Upādāna-paccayā Bhava;
Bhava-paccayā Jāti;
Jāti-paccayā jarā-maraṇaṃ
Soka-parideva-dukkha-domanas-
supāyāsā sambhavanti.
Evame-tassa kevalassa dukkhak-
khandhassa samudayo hoti.

Avijjāya tveva asesavirāga-nirodhā
Saṅkhāra-nirodho;

Saṅkhāra-nirodhā Viññāna-nirodho;
Viññāna-nirodhā Nāmarūpa-nirodho;
Nāmarūpa-nirodhā Saḷāyatana-nirodho;
Saḷāyatana-nirodhā Phassa-nirodho;
Phassa-nirodhā Vedanā-nirodho;
Vedanā-nirodhā Taṇhā-nirodho;
Taṇhā-nirodhā Upādāna-nirodho;
Upādāna-nirodhā Bhava-nirodho;
Bhava-nirodhā Jāti-nirodho;
Jāti-nirodhā Jarā-maraṇaṃ.

Soka-parideva-dukkha domanas-
supāyāsā nirujjhanti. Evame-tassa
kevalassa dukkhak-khandhassa
nirodho hoti'ti.

THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI (Duyên Sinh)

*Tạng Kinh, Kinh Tương Ưng, Thiên Nhân Duyên, Tương
Ưng Nhân Duyên, Phẩm Phật-Đà*

Các **hành** khởi vì duyên **vô minh**,
Thức khởi vì duyên **hành**,
Danh sắc khởi vì duyên **thức**,
Lục nhập khởi vì duyên **danh sắc**,
Xúc khởi vì duyên **lục nhập**,
Thọ khởi vì duyên **xúc**,
Ái khởi vì duyên **thọ**,
Thủ khởi vì duyên **ái**,
Hữu khởi vì duyên **thủ**,
Sanh khởi vì duyên **hữu**,
Lão tử khởi vì duyên **sanh**,
Sầu, bi, khổ, ưu, não cùng khởi vì duyên
sanh, Toàn bộ khổ uẩn này tập khởi như
vậy.

Hành diệt do **hoàn toàn ly dục** và diệt
tận **vô minh**.

Thức diệt do **hành** diệt,
Danh sắc diệt do **thức** diệt,
Lục nhập diệt do **danh sắc** diệt,
Xúc diệt do **lục nhập** diệt,
Thọ diệt do **xúc** diệt,
Ái diệt do **thọ** diệt,
Thủ diệt do **ái** diệt,
Hữu diệt do **thủ** diệt,
Sanh diệt do **hữu** diệt,
Lão tử diệt do **sanh** diệt,

Sầu, bi, khổ, ưu, não cũng cùng diệt do
sanh diệt, Toàn bộ khổ uẩn này diệt tận
như vậy.

ĐỌC TIẾP TRANG 38

KINH TỤNG NGÀY THỨ NĂM

TIDASA-PĀRAMĪ

1. Itipi so Bhagavā dāna-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā dāna-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā dāna-paramattha-pāramī sampanno.
2. Itipi so Bhagavā sīla-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā sīla-upa-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā sīla-paramattha-pāramī sampanno.
3. Itipi so Bhagavā nekkhamma-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā nekkhamma-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā nekkhamma-paramattha-pāramī sampanno.
4. Itipi so Bhagavā paññā-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā paññā-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā paññā-paramattha-pāramī sampanno.
5. Itipi so Bhagavā viriya-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā viriya-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā viriya-paramattha-pāramī sampanno.
6. Itipi so Bhagavā khantī-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā khantī-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā khantī-paramattha-pāramī sampanno.
7. Itipi so Bhagavā sacca-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā sacca-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā sacca-paramattha-pāramī sampanno.

TAM THẬP ĐỘ

Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Bố thí** đến **bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Bố thí** đến **bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Bố thí** đến **bờ cao thượng**.

Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Trì Giới** đến **bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Trì Giới** đến **bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Trì Giới** đến **bờ cao thượng**.

Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Xuất gia** đến **bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Xuất gia** đến **bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Xuất gia** đến **bờ cao thượng**.

Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Trí tuệ** đến **bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Trí tuệ** đến **bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Trí tuệ** đến **bờ cao thượng**.

Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Tinh tấn** đến **bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Tinh tấn** đến **bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Tinh tấn** đến **bờ cao thượng**.

Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Nhẫn nại** đến **bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Nhẫn nại** đến **bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Nhẫn nại** đến **bờ cao thượng**.

Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Chân thật** đến **bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Chân thật** đến **bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Chân thật** đến **bờ cao thượng**.

8. Itipi so Bhagavā adhiṭṭhāna-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā adhiṭṭhāna-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā adhiṭṭhāna-paramattha-pāramī sampanno. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Quyết định đến bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Quyết định đến bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Quyết định đến bờ cao thượng**.
9. Itipi so Bhagavā mettā-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā mettā-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā mettā-paramattha-pāramī sampanno. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Bác ái đến bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Bác ái đến bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp Bác ái đến bờ cao thượng**.
10. Itipi so Bhagavā upekkhā-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā upekkhā-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā upekkhā-paramattha-pāramī sampanno. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp xả đến bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp xả đến bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ **Pháp xả đến bờ cao thượng**.
11. Itipi so Bhagavā dasa-pāramī sampanno. Itipi so Bhagavā dasa-upapāramī sampanno. Itipi so Bhagavā dasa-paramattha-pāramī sampanno ti. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ mười **Pháp đến bờ kia**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ mười **Pháp đến bờ trên**. Đức Thế Tôn, Ngài đã tròn đủ mười **Pháp đến bờ cao thượng**.

DHAMMASAṄGANĪ (Ti-Mātikā)

Abhidhammapiṭaka, Dhammasaṅgaṇī, Tikamātikā

KINH VẠN PHÁP TỔNG TRÌ (Tam Mẫu Đề)

Tạng Vi Diệu, Bộ Pháp Tụ

*Xưa Phật dạy Thắng Pháp, về bản thể Chân Đế,
Nhờ nghe Vi Diệu Tạng, Phật Mẫu chứng Thánh Quả.
Nay đệ tử chúng con, trì tụng Ma-ti-ka,
Nguyện uy đức vô cùng, độ chúng sanh thoát khổ.*

Bản thể pháp gồm bốn: Tâm, Tâm sở, Sắc Pháp và Niết-bàn

Phân biệt theo chức năng, đồng dị tùy thể loại.

(Hai mươi hai mẫu đề tổng hợp toàn bộ danh pháp).

- | | |
|--|---|
| <p>1. Kusalā dhammā,
Akusalā dhammā,
Abyākatā dhammā.</p> | <p>1. Có thiện, có bất thiện,
Có không thiện, không ác,
Người trí thông lẽ đạo,
Không rơi vào biên kiến</p> |
| <p>2. Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā,
Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā,
Adukkhama-sukhāya vedanāya
sampayuttā dhammā.</p> | <p>2. Có pháp tương ưng khổ,
Có pháp tương ưng lạc,
Có phi khổ, phi lạc,
Ở đời có cả ba.</p> |
| <p>3. Vipākā dhammā,
Vipāka-dhamma-dhammā,
Neva-vipāka-na-vipāka-dhamma-dhammā.</p> | <p>3. Có pháp vốn là nhân,
Có pháp vốn là quả,
Có pháp không nhân quả,
Vượt quan kiến thường tình.</p> |

4. **Upā-diṇṇu-pādā-niyā dhammā,
Anupā-diṇṇu-pādāniyā dhammā,
Anupā-diṇṇā-nupādāniyā dhammā.**
5. **Saṅkiliṭ-ṭhasaṃ-kile-sikā dhammā,
Asaṅkiliṭ-ṭhasaṃ-kile-sikā dhammā,
Asaṅkiliṭ-ṭhasaṃ-kile-sikā dhammā.**
6. **Savi-takka-savi-cārā dhammā,
Avi-takka-vicāra-mattā dhammā,
Avi-takkā-vicārā dhammā.**
7. **Pīti-saha-gatā dhammā,
Sukha-saha-gatā dhammā,
Upekkhā-saha-gatā dhammā.**
8. **Dassa-nena pahā-tabbā dhammā,
Bhāva-nāya pahā-tabbā dhammā,
Neva dassa-nena na bhā-vanāya
pahā-tabbā dhammā.**
9. **Dassa-nena pahā-tabba-hetukā dhammā,
Bhāva-nāya pahā-tabba-hetukā dhammā,
Neva dassa-nena na bhā-vanāya pahā-
tabba-hetukā dhammā.**
10. **Ācaya-gāmino dhammā,
Apa-caya-gāmino dhammā,
Nevā-caya-gāmino
nāpa-caya-gāmino dhammā.**
11. **Sekkhā dhammā,
Asekkhā dhammā,
Neva-sekkhā nāsekkhā dhammā.**
12. **Parittā dhammā,
Mahag-gatā dhammā,
Appa-mānā dhammā.**
13. **Parittā-rammaṇā dhammā,
Mahag-gatā-rammaṇā dhammā,
Appa-mānā-rammaṇā dhammā.**
4. *Do chấp thủ mà sanh,
Lại sanh ra chấp thủ,
Không thủ sanh sanh thủ,
Không thủ không sanh thủ.*
5. *Có pháp là phiền não,
Lại sanh ra não phiền,
Phi phiền sanh phiền não,
Có tâm cảnh vô phiền.*
6. *Pháp có tầm, có tứ,
Pháp có tứ, không tầm,
Có pháp không tầm tứ,
Cùng hiện hữu ở đời.*
7. *Pháp đi chung với hỷ,
Pháp đi chung với lạc,
Pháp đi chung với xả,
Hành giả cần quán sát.*
8. *Pháp nhờ thấy mà diệt,
Pháp nhờ tu mà diệt,
Có pháp ngoài cả hai,
Bậc chân nhân biết rõ.*
9. *Có gốc rễ kiết sử,
Đoạn diệt bởi sơ đạo,
Hay bởi ba đạo cao,
Không kiết sử, không đoạn.*
10. *Có pháp nhân sanh tử,
Có pháp nhân giải thoát,
Có pháp không luân hồi,
Cũng không hướng Niết-bàn.*
11. *Có pháp thuộc hữu học,
Có pháp thuộc vô học,
Có pháp phi hữu học,
Cũng không thuộc vô học.*
12. *Có pháp vốn cục bộ,
Có pháp thuộc đáo đại,
Có pháp không hạn cuộc,
Do giới vức mà phân.*
13. *Pháp biết cảnh tầm thường,
Pháp biết cảnh rộng lớn,
Pháp biết cảnh vô lượng,
Tâm cảnh vốn tương ưng.*

- | | |
|--|--|
| <p>14. Hīnā dhammā,
Majjhimā dhammā,
Paṇītā dhammā.</p> | <p><i>14. Có pháp vốn hạ liệt,
Có pháp thuộc trung bình,
Có pháp tánh thù thắng,
Chức năng có sai biệt.</i></p> |
| <p>15. Micchatta-niyatā dhammā,
Sammatta-niyatā dhammā,
Aniyatā dhammā.</p> | <p><i>15. Pháp cố định thuộc tà,
Pháp cố định thuộc chánh,
Cũng có pháp bất định,
Được trí giả nói đến.</i></p> |
| <p>16. Maggā-rammaṇā dhammā,
Magga-hetukā dhammā,
Maggā-dhipatino dhammā.</p> | <p><i>16. Pháp lấy đạo làm cảnh,
Pháp lấy đạo làm nhân,
Pháp lấy đạo làm trưởng,
Ba phạm trừ đối tác.</i></p> |
| <p>17. Uppannā dhammā,
Anup-pannā dhammā
Uppā-dino dhammā.</p> | <p><i>17. Có pháp vốn đã sanh,
Có pháp chưa sanh khởi,
Có pháp sắp sanh khởi,
Tác động hẳn không đồng.</i></p> |
| <p>18. Atītā dhammā,
Anāgatā dhammā,
Paccup-pannā dhammā.</p> | <p><i>18. Có pháp thuộc quá khứ,
Có pháp thuộc vị lai,
Có pháp thuộc hiện tại,
Tam thế đồng thể tánh.</i></p> |
| <p>19. Atitā-rammaṇā dhammā,
Anā-gatā-rammaṇā dhammā,
Paccup-pannā-rammaṇā dhammā.</p> | <p><i>19. Có pháp biết quá khứ,
Có pháp biết vị lai,
Có pháp biết hiện tại,
Cả ba được ghi nhận.</i></p> |
| <p>20. Ajjhattā dhammā,
Bahiddhā dhammā,
Ajjhatta-bahiddhā dhammā.</p> | <p><i>20. Có pháp thuộc nội giới,
Có pháp thuộc ngoại giới,
Có pháp gồm cả hai,
Chủ thể lẫn khách thể.</i></p> |
| <p>21. Ajjhattā-rammaṇā dhammā,
Bahiddhā-rammaṇā dhammā,
Ajjhatta-bahiddhā-rammaṇā dhammā.</p> | <p><i>21. Có pháp biết nội giới,
Có pháp biết ngoại giới,
Có pháp biết cả hai,
Bên trong lẫn bên ngoài</i></p> |
| <p>22. Sa-nidas-sana-sappa-ṭighā dhammā,
Anidas-sana-sappa-ṭighā dhammā,
Anidas-sanap-paṭighā dhammā.</p> | <p><i>22. Pháp thấy và tiếp xúc,
Pháp tiếp xúc không thấy,
Pháp không thấy không xúc,
Cùng là cảnh nhưng khác.</i></p> |
| <p>Bāvī-sati-tika-mātikā
dhamma-saṅgani-pakaranam
nāma samattam.</p> | <p><i>Do thể tài mà nói,
Do chức năng mà phân,
Do góc cạnh mà nhìn,
Nên sanh ra đồng dị.</i></p> |

KINH TỤNG NGÀY THỨ SÁU

PABBAJITA-ABHIÑHASUTTAM

Suttapiṭaka, Aṅguttaranikāya, Dasakanipāṭapāli, Akkosavaggo

Dasa-yime, Bhikkhave, dhammā pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbā. Katame dasa?

- 1. Vevaṇ-ṇiyamhi ajjhu-pagato'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 2. Para-paṭi-baddhā me jīvikā'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 3. Añño me ākappo karaṇīyo'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 4. Kacci nu kho me attā sīlato na upava-datī'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 5. Kacci nu kho maṃ anu-vicca viññū sabrahma-cārī sīlato na upava-dantī'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 6. Sabbehi me piyehi manāpehi Nānābhāvo vinābhāvo'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 7. Kammas-sakomhi kamma-dāyādo kamma-yoni kamma-bandhu kamma-paṭi-saraṇo, yaṃ kammaṃ karis-sāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavis-sāmī'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 8. Kathaṃ-bhūtaṃ me rattin-divā vīti-vattantī'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**
- 9. Kacci nu kho ahaṃ suññā-gāre abhi-ramāmī'ti pabba-jitena abhiñhaṃ paccavek-khitabbāṃ.**

PHÁP SA-MÔN THƯỜNG QUÁN

Tạng Kinh, Kinh Tăng Chi Bộ, Chương Mười Pháp, Phẩm Măng Nhiếp

Này các Tỷ-kheo, có mười pháp này, vị xuất gia phải luôn luôn quán sát. Thế nào là mười?

Ta nay đi đến tình trạng là người không có giai cấp (mất hết giai cấp), người xuất gia phải luôn luôn quán sát.

Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác, người xuất gia phải luôn luôn quán sát.

Nay cử chỉ uy nghi của ta cần phải thay đổi, vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

Không biết tự ngã có chỉ trích ta về giới hạnh không (tự bản thân có chỉ trích mình về giới hạnh không, tự thấy xấu hổ),

Không biết những người có trí sau khi tìm hiểu, các đồng Phạm hạnh (đó) có chỉ trích ta về giới hạnh không, vị xuất gia cần luôn luôn quán sát.

Mọi sự vật khả ái, khả ý của ta, bị đối khác, bị biến hoại, vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

Ta là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là thai tạng của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ quy hướng (nuơng tựa) của nghiệp, phạm nghiệp gì ta sẽ làm, thiện hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy, vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

Đêm ngày trôi qua bên ta và nay ta đã thành người như thế nào, vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

Ta có hoan hỷ trong ngôi nhà trống không hay không, vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

10. Atthi nu kho me uttari manussa-dhammo alamariya-ñāṇa-dassana-viseso adhigato yenāhaṃ pacchime kāle sabrahma-cārīhi puṭṭho na maṅku bhavis-sāmī'ti pabba-jitena abhiṇhaṃ paccavek-khitabbaṃ.

Ime kho, Bhikkhave, dasa dhammā pabba-jitena abhiṇhaṃ paccavek-khitabbāti.

Ta có chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh không, để đến những ngày cuối cùng, các đồng Phạm hạnh có hỏi, ta sẽ không có xấu hổ vì xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

Này các Tỷ-kheo, mười pháp này, vì xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

SEKHIYĀ

Vinayaṭṭakā, Pācittiyapāli, Bhikkhuvibhaṅgo, Dutiyō Bhāgo

1. Parimaṇḍalaṃ nivāsessāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

2. Parimaṇḍalaṃ pārupissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

3. Suppaṭicchanno antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

4. Suppaṭicchanno antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

5. Susaṃvuto antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

6. Susaṃvuto antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

7. Okkhittacakkhu antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

8. Okkhittacakkhu antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

9. Na ukkhittakāya antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

10. Na ukkhittakāya antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā.

ƯNG HỌC PHÁP

Tạng Luật, Bộ Ưng Đối Trị, Phân Tích Giới Tỷ-Kheo, Tập II

Ta sẽ quán y (nội) tròn đều, là việc học tập nên được thực hành.

Ta sẽ trùm y vai trái tròn đều, là việc học tập nên được thực hành.

Mặc y che kín đáo, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.

Mặc y che kín đáo, ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.

Khéo thu thúc, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.

Khéo thu thúc, ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.

Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà, với mắt nhìn xuống, là việc học tập nên được thực hành.

Ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà, với mắt nhìn xuống, là việc học tập nên được thực hành.

Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà, với sự vén y lên, là việc học tập nên được thực hành.

Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà, với sự vén y lên, là việc học tập nên được thực hành.

11. Na ujjagghikāya antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà, với tiếng cười vang, là việc học tập nên được thực hành.*
12. Na ujjagghikāya antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà, với tiếng cười vang, là việc học tập nên được thực hành.*
13. Appasaddo antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà, với giọng nói nhỏ nhẹ, là việc học tập nên được thực hành.*
14. Appasaddo antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà, với giọng nói nhỏ nhẹ, là việc học tập nên được thực hành.*
15. Na kāyappacālakaṃ antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà, với sự đung đưa thân, là việc học tập nên được thực hành.*
16. Na kāyappacālakaṃ antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà, với sự đung đưa thân, là việc học tập nên được thực hành.*
17. Na bāhuppacālakaṃ antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà, với sự đung đưa cánh tay, là việc học tập nên được thực hành.*
18. Na bāhuppacālakaṃ antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà, với sự đung đưa cánh tay, là việc học tập nên được thực hành.*
19. Na sīsappacālakaṃ antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà, với sự lắc lư đầu, là việc học tập nên được thực hành.*
20. Na sīsappacālakaṃ antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà, với sự lắc lư đầu, là việc học tập nên được thực hành.*
21. Na khambhakato antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không chống nạnh đi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.*
22. Na khambhakato antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.*
23. Na oḡuṇṭhito antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không trùm đầu lại đi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.*
24. Na oḡuṇṭhito antaraghare nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không trùm đầu lại ngồi ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.*
25. Na ukkuṭikāya antaraghare gamissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà, với sự nhón gót, là việc học tập nên được thực hành.*

26. Na pallatthikāya antaraghare
nisīdissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà, với sự ôm
đầu gối, là việc học tập nên được thực
hành.*
27. Sakkaccaṃ piṇḍapātaṃ
paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā *Ta sẽ thọ lãnh vật thực một cách nghiêm
trang, là việc học tập nên được thực hành.*
28. Pattasaññī piṇḍapātaṃ
paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā *Chú tâm ở bình bát, ta sẽ thọ lãnh vật thực,
là việc học tập nên được thực hành.*
29. Samasūpakam piṇḍapātaṃ
paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā *Ta sẽ thọ lãnh vật thực với lượng súp
tương xứng, là việc học tập nên được thực
hành.*
30. Samatittikam piṇḍapātaṃ
paṭiggahessāmī'ti sikkhā karaṇīyā *Ta sẽ thọ lãnh vật thực vừa ngang miệng
bình bát, là việc học tập nên được thực
hành.*
31. Sakkaccaṃ piṇḍapātaṃ
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ thọ dụng vật thực một cách nghiêm
trang, là việc học tập nên được thực hành.*
32. Pattasaññī piṇḍapātaṃ
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Chú tâm ở bình bát ta sẽ thọ dụng vật
thực, là việc học tập nên được thực hành.*
33. Sapadānam piṇḍapātaṃ
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ thọ dụng vật thực theo tuần tự, là
việc học tập nên được thực hành.*
34. Samasūpakam piṇḍapātaṃ
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ thọ dụng vật thực với lượng súp
tương xứng, là việc học tập nên được thực
hành.*
35. Na thūpakato omadditvā
piṇḍapātaṃ bhuñjissāmī'ti
sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không vun lên thành đống rồi thọ
dụng vật thực, là việc học tập nên được
thực hành.*
36. Na sūpaṃ vā byañjanam vā
odanena paṭicchādessāmi
bhiyyokamyataṃ upādāyā'ti
sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không dùng cơm che lấp súp hoặc
thức ăn với ý muốn được nhiều hơn, là việc
học tập nên được thực hành.*
37. Na sūpaṃ vā odanam vā agilāno
attano atthāya viññāpetvā
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Khi không bị bệnh, ta sẽ không yêu cầu súp
và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ
thực, là việc học tập nên được thực hành.*
38. Na ujjhānasaññī paresam pattam
olokessāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không nhìn vào bình bát của các vị
khác với ý định tìm lỗi, là việc học tập nên
được thực hành.*
39. Nāti mahantam kabaḷam
karissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không làm vắt cơm quá lớn, là việc
học tập nên được thực hành.*

40. Parimaṇḍalam ālopaṃ
karissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ làm nắm cơm tròn đều, là việc học tập nên được thực hành.*
41. Na anāhaṭe kabaḷe mukha-dvāraṃ
vivarissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến, là việc học tập nên được thực hành.*
42. Na bhuñjamāno sabbamaṃ hattham
mukhe pakkipissāmī'ti sikkhā
karaṇīyā. *Ta sẽ không đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực, là việc học tập nên được thực hành.*
43. Na sakabaḷena mukhena
byāharissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không nói khi miệng có vắt cơm, là việc học tập nên được thực hành.*
44. Na piṇḍuk-khepakam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực theo lối đưa thức ăn vào miệng một cách liên tục, là việc học tập nên được thực hành.*
45. Na kabaḷāvac-chedakam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một, là việc học tập nên được thực hành.*
46. Na avagaṇḍakāraḥkam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực theo lối làm phồng má, là việc học tập nên được thực hành.*
47. Na hatthaniddhunakam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực có sự vung rảy bàn tay, là việc học tập nên được thực hành.*
48. Na sitthāvakāraḥkam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực có sự làm rơi vãi cơm, là việc học tập nên được thực hành.*
49. Na jivhānicchāraḥkam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực có sự le lưỡi, là việc học tập nên được thực hành.*
50. Na capucapukāraḥkam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực có làm tiếng chép chép, là việc học tập nên được thực hành.*
51. Na surusurukāraḥkam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực làm ra tiếng sột soạt, là việc học tập nên được thực hành.*
52. Na hatthanillehakam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực có sự liếm tay, là việc học tập nên được thực hành.*
53. Na pattanillehakam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực có sự nạo vét bình bát, là việc học tập nên được thực hành.*
54. Na oṭṭhanillehakam
bhuñjissāmī'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ thực có sự liếm môi, là việc học tập nên được thực hành.*
55. Na sāmisenā hatthena
pāṇiyathālakam paṭiggahessāmī'ti
sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn, là việc học tập nên được thực hành.*
56. Na sasitthakam pattadhovanam
antaraghare chaḍḍessāmī'ti
sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà, là việc học tập nên được thực hành.*

57. Na chattapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay, là việc học tập nên được thực hành.*
58. Na daṇḍapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay, là việc học tập nên được thực hành.*
59. Na satthapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay, là việc học tập nên được thực hành.*
60. Na āvudhapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay, là việc học tập nên được thực hành.*
61. Na pādukārūḷhassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có mang giày, là việc học tập nên được thực hành.*
62. Na upāhanārūḷhassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có mang dép, là việc học tập nên được thực hành.*
63. Na yānatatassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh ở trên xe, là việc học tập nên được thực hành.*
64. Na sayanagatassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang nằm, là việc học tập nên được thực hành.*
65. Na pallatthikāya nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối, là việc học tập nên được thực hành.*
66. Na veṭṭhitasīsassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đội khăn ở đầu, là việc học tập nên được thực hành.*
67. Na oḅṇṭhitasīsassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại, là việc học tập nên được thực hành.*
68. Na chamāyaṃ nisīditvā āsane nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không ngồi ở nền đất rồi thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi, là việc học tập nên được thực hành.*
69. Na nīce āsane nisīditvā ucce āsane nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā. *Ta sẽ không ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao, là việc học tập nên được thực hành.*

70. **Na ÷hito nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā.** *Ta sẽ không đứng thuyết Pháp đến người không bị bệnh ngồi, là việc học tập nên được thực hành.*
71. **Na pacchato gacchanto purato gacchantassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā.** *Khi đang đi phía sau, ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước, là việc học tập nên được thực hành.*
72. **Na uppathena gacchanto pathena gacchantassa agilānassa dhammaṃ desessāmi'ti sikkhā karaṇīyā.** *Khi đang đi bên đường, ta sẽ không thuyết Pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường, là việc học tập nên được thực hành.*
73. **Na ÷hito agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā karissāmi'ti sikkhā karaṇīyā.** *Khi không bị bệnh, ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện, là việc học tập nên được thực hành.*
74. **Na harite agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā kheḷaṃ vā karissāmi'ti sikkhā karaṇīyā.** *Khi không bị bệnh, ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh, là việc học tập nên được thực hành.*
75. **Na udake agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā kheḷaṃ vā karissāmi'ti sikkhā karaṇīyā.** *Khi không bị bệnh, ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ vào trong nước, là việc học tập nên được thực hành.*

**ĐỌC TIẾP TRANG 38 - QUÁN TƯỞNG LẠI TỨ VẬT DỤNG
&TRANG 43 THIỀN TÂM TỪ - HƯỚNG NGUYỆN - CHIA PHƯỚC**

KINH TỤNG HẰNG NGÀY

METTĀPHARANAM

Sabbe sattā averā hontu,
sukhitā hontu, niddukkhā hontu,
abyāpajjhā hontu, anīghā hontu,
dīghāyukā hontu, arogā hontu,
sampattīhi samijjhantu sukhī
attānaṃ pariharantu, dukkhappattā
ca niddukkhā, bhayappattā ca
nibbhayā, sokappattā ca nissokā
hontu sabbepi pāṇino.

KHANDHA-PARITTA-GĀTHĀ

*Suttapiṭaka, Aṅguttaranikāya, Catukkanipātapāli,
Pattakammavaggo, Ahirājasuttaṃ*

Sabbā-sīvi-sajā-tīnaṃ,
Dibba-mantā-gadaṃ viya,
Yaṃ nāseti viṣaṃ ghoram,
Sesañ-cāpi parissayaṃ.

Āṇā-khettamhi sabbattha, Sabbadā
sabba-pāṇinaṃ, Sabba-sopi nivāreti,
Parittaṃ taṃ bhaṇāma he.

1. Virūpakkhehi me mettaṃ,
Mettaṃ erāpathehi me;
Chabyāputtehi me mettaṃ,
Mettaṃ kaṇhā-gotama-kehi ca.
2. Apādakehi me mettaṃ,
Mettaṃ dvipā-dakehi me;
Catup-padehi me mettaṃ,
Mettaṃ bahup-padehi me.

TỪ BI NGUYỆN

Nguyện cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự an vui, đừng có khổ, đừng làm hại lẫn nhau, đừng hẹp lượng, hãy cho được sống lâu, đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự an vui. Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho có kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi xin đừng cho thương tiếc.

KỆ HỘ TRÌ UẨN

*Tạng Kinh, Kinh Tăng Chi Bộ, Chương IV - Bốn Pháp,
VII. Phẩm Nghiệp Công Đức, Kinh Vua các loài Rắn*

Thưa Chư Bạc Thiện Trí, Bài chú của Chư Thiên, Hoặc thuốc của Chư Thiên, Làm tiêu tan chất độc, Các loài rắn thế nào.

Bài kinh Khan-dha này, Làm tiêu tan chất độc, Của các loài thú dữ, Trong phạm vi rộng lớn, Còn ngăn mọi tai họa, Tất cả suốt ngày đêm, Bài kinh Khan-dha này Chúng tôi tụng niệm đây:

Rải tâm từ của tôi, Đến với dòng rắn chúa, Tên Vi-rū-pak-kha. Rải tâm từ của tôi, Đến với dòng rắn chúa, Tên E-rā-pa-tha. Rải tâm từ của tôi, Đến với dòng rắn chúa, Tên Chab-yā-put-ta. Rải tâm từ của tôi, Đến với dòng rắn chúa, Kaṇ-hā-go-ta-ma.

Rải tâm từ của tôi, Đến chúng sinh không chân. Rải tâm từ của tôi, Đến chúng sinh hai chân. Rải tâm từ của tôi, Đến chúng sinh bốn chân. Rải tâm từ của tôi, Đến chúng sinh nhiều chân.

3. Mā maṃ apāḍako hiṃsi,
Mā maṃ hiṃsi dvipāḍako;
Mā maṃ catuppado hiṃsi,
Mā maṃ hiṃsi bahuppado.

Loài chúng sinh không chân, Xin đừng làm khổ tôi. Loài chúng sinh hai chân, Xin đừng làm khổ tôi. Loài chúng sinh bốn chân, Xin đừng làm khổ tôi. Loài chúng sinh nhiều chân, Xin đừng làm khổ tôi.

4. Sabbe sattā sabbe pāṇā,
Sabbe bhūtā ca kevalā;
Sabbe bhadrāni passantu,
Mā kañci pāpamāgamā.

Tôi xin rải tâm từ, Đến tất cả chúng sinh, Tất cả mọi sinh mạng, Mọi chúng sinh hiện hữu. Tất cả chúng sinh ấy, Thấy những cảnh tốt đẹp, Cầu mong không một ai, Gặp phải cảnh khổ đau.

5. Appamāṇo Buddho,
Appamāṇo Dhammo,
Appamāṇo Saṅgho,
Pamāṇavantāni sarīsapāni.
Ahi vicchikā satapadī,
Uṇṇanābhī sarabū mūsikā.

Tôi thường luôn niệm tưởng: Ân Đức Phật vô lượng, Ân Đức Pháp vô lượng, Ân Đức Tăng vô lượng, Niệm Ân Đức Tam Bảo, Hàng đêm ngày cầu nguyện, Các loại chúng sinh là: Rắn, bò cạp, rết, nhện, Tắc kè, chuột,... vân... vân... Các loài bò sát ấy, Có tính hay hung dữ, Xin đừng làm hại tôi.

6. Katā me rakkhā, Kataṃ me
parittam, Paṭikkamantu bhūtāni,
Sohaṃ namo Bhagavato,
Namo sattannaṃ
Sammāsambuddhānanti.

Con đành lễ Chư Phật, Hiện tại và quá khứ, Gồm bảy Đức Chánh Giác. Tôi có nơi hộ trì, Tôi có nơi bảo hộ, Xin tất cả chúng sinh, Tránh xa đừng hại tôi.

ATĪTA-PACCAVEKKHAṆA-PĀṬHO

QUÁN TƯỚNG LẠI TỨ VẬT DỤNG ĐÃ DÙNG TRONG NGÀY

1. Cīvara

Ajja mayā appaccavekkhitvā yaṃ
cīvaraṃ paribhuttaṃ, taṃ yāvadeva
sītassa paṭighātāya uṇhassa
paṭighātāya, ḍaṃsa-makasa-vātā-
tapa-siriṃsapa-samphassaṇaṃ
paṭighātāya, yāvadeva hiriko-pinap-
paṭic-chāda-natthaṃ.

1. Y phục

Y phục dùng trong ngày, Mà ta chưa quán tưởng, Y phục ấy được dùng, Để ngăn ngừa nóng lạnh, Hoặc xúc chạm muỗi mòng, Gió sương và mưa nắng, Cùng rắn rết côn trùng, Và chỉ để che thân, Tránh những điều hổ thẹn.

2. Piṇḍapāta

Ajja mayā appaccavekkhitvā yo piṇḍapāto paribhutto, so neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya, yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihimsūparatiyā brahmacariy'ānuggahāya. Iti purāṇaṅca vedanaṃ paṭihaṅkhāmi, navaṅca vedanaṃ na uppādessāmi yātrā ca me bhavissati an-avajjatā ca phāsu-vihāro cā'ti.

3. Senāsana

Ajja mayā appaccavekkhitvā yaṃ senāsanam paribhuttam, tam yāvadeva sītassa paṭighātāya uṇhassa paṭighātāya ḍamsa-makasa-vātā-tapa-siriṃsapasamphassānam paṭighātāya, yāvadeva utu-parissaya-vinodanam paṭisallā-nārāmattham.

4. Gilānappaccaya-bhesajja

Ajja mayā appaccavekkhitvā, yo gilānappaccaya-bhesajja-parikkhāro paribhutto, so yāvadeva uppanānam veyyābādhikānam vedanānam paṭighātāya, abyābajjha-paramatāyā'ti.

2. Vật thực

Vật thực dùng trong ngày, Mà ta chưa quán tưởng, Vật thực ấy được dùng, Không phải để vui đùa, Không ham mê vô độ, Không phải để trang sức, Không tự làm đẹp mình, Mà chỉ để thân này, Được bảo trì mạnh khoẻ, Để tránh sự tổn thương, Để trợ duyên phạm hạnh, Cảm thọ cũ được trừ, Thọ mới không sanh khởi, Và sẽ không làm lỗi, Ta sống được an lành.

3. Chỗ ở

Chỗ ở dùng trong ngày, Mà ta chưa quán tưởng, Chỗ ở ấy được dùng, Để ngăn ngừa nóng lạnh, Hoặc xúc chạm muỗi mòng, Gió sương và mưa nắng, Cùng rắn rết côn trùng, Để giải trừ nguy hiểm, Do phong thổ tứ thời, Và chỉ với mục đích, Sống độc cư an tịnh.

4. Thuốc uống

Dược phẩm dùng trong ngày Mà ta chưa quán tưởng Dược phẩm ấy được dùng Để ngăn ngừa cảm thọ Tàn hại đã phát sanh Được hoàn toàn bình phục.

HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN - CHÚNG SANH - THÂN QUYẾN

DEVĀ NUMODANĀ

Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā Devā Nāgā
mahiddhikā Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu **sāsanam**.

Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā Devā Nāgā
mahiddhikā Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu **no garu**.

Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā Devā Nāgā
mahiddhikā Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu **ñatayo**.

Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā Devā Nāgā
mahiddhikā Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu **pāṇino**.

Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā Devā Nāgā
mahiddhikā Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu **no sadā**.

PUÑÑĀ-NUMODANĀ (Thái)

*Suttapiṭaka, Khuddakanikāya, Apadānapāḷi,
Buddhavaggo, Buddhāpadānaṃ, 48 - 51*

Yaṃ kiñci kusalaṃ kammaṃ,
Kattabbaṃ kiriyaṃ mama;
Kāyena vācā manasā,
Tidase sukataṃ kataṃ.

Ye sattā saññino atthi,
Ye ca sattā asaññino;
Kataṃ puñña-phalaṃ mayhaṃ,
Sabbe bhāgī bhavantu te.

Yesam kataṃ suviditaṃ,
Dinnaṃ puñña-phalaṃ mayā;
Ye ca tattha na jānanti,

Devā gantvā nivedayaṃ.
Sabbe lokamhi ye sattā,
Jīvan-tāhā-rahe-tukā;
Manuññaṃ bhojanaṃ sabbe,
Labhantu mama cetasā'ti.

HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN

*Chư Thiên ngự trên hư không
Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều
Long Vương thần lực có nhiều
Đồng xin hoan hỷ phước đều chúng con
Hộ trì Phật giáo Tăng bồi
Các Bậc Thầy Tổ an vui lâu dài
Quyến thuộc tránh khỏi nạn tai
Chúng sanh được hưởng phước dài bền lâu
Chúng con vui thú đạo màu
Tu hành tinh tấn ngộ hầu vô sanh.*

HỒI HƯỚNG CHÚNG SANH

*Tạng Kinh, Kinh Tiểu Bộ, Thánh Nhân Ký Sự, Phẩm Đức Phật,
Phật Toàn Giác Ký Sự, Số 48 - 51*

*Phước căn con đã tạo thành,
Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên,
Đều là phước báu vững bền,
Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng,
Cung trời Đạo Lợi thọ nhàn,
Chúng sanh Hữu Tướng nhân gian Ta-bà,
Chư Thiên, Phạm Thiên cùng là,
Bậc trời Vô Tướng được mà hưởng an,
Phước con hồi hướng dâng ban,
Chúng sanh hay biết hoàn toàn lãnh thâu,
Bằng ai chưa rõ lời cầu,
Xin cùng Thiên Chúng đến hầu mách ngay,
Có người làm phước được rày,
Lại đem hồi hướng hiện nay khắp cùng,
Chúng sanh hoan hỷ lãnh chung,
Hưởng được phước quý ung dung thanh nhàn,
Chúng sanh thế giới các hàng,
Bởi nhờ thọ thực sanh an mạng trường,
Xin thâu phước báu cúng dường,
Hóa thành thực phẩm mùi hương thỏa lòng.*

PATTHANĀ

Iminā puñña-kammena
Mā me bāla-samāgamo
Satam samāgamo hotu
Yāva Nibbāna-pattiyā.

HƯỚNG NGUYỆN

Do phước lành đã tạo
Con không gặp kẻ ngu
Bậc trí luôn thân cận
Cho đến khi Niết-Bàn!

Idam me/ no / vo ñātinaṃ hotu sukhitaṃ hontu ñātayo. (x3)

Idam vata me puññaṃ āsavak-khaya-vahaṃ hotu.

(**Idam** - phước này. **me** là tôi, **no** là của chúng tôi/ chúng con, **vo** là của các bạn.
Với câu tiếng việt bên dưới thì đọc là **no. ñātinaṃ** - quyến thuộc)

HỒI HƯỚNG QUYẾN THUỘC

Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây. Xin **hồi hướng** đến thân bằng quyến thuộc đã quá vắng, cầu mong cho các vị ấy hằng được sự an vui.

Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây. Xin **chia phước** đến thân bằng quyến thuộc còn đang hiện tiền, cầu mong cho các vị ấy hằng được sự an vui.

Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là pháp duyên lành, để dứt khỏi những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong ngày vị lai.

KỆ HỒI HƯỚNG CHO NHỮNG NGƯỜI ĐÃ QUÁ VẮNG

Con xin hồi hướng quả này,
Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường;
Cùng là thân thích tha phương,
Hoặc đã quá vắng hoặc thường hiện nay;
Chúng sanh ba giới bốn loài,
Vô Tướng, Hữu Tướng chẳng nài đâu đâu;
Nghe lời thành thật thỉnh cầu,
Xin mau tựu hội lãnh thọ quả này;
Bằng ai xa cách chưa hay,
Cầu xin Thiên Chúng mách ngay với cùng;
Thấy đều thọ lãnh hưởng chung,
Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai;
Nguyện nhiều Tăng Chúng đức tài,
Đạt thành Thánh Quả hoằng khai đạo lành;
Nguyện cho Phật Pháp thịnh hành,
Năm nghìn năm chẵn phước lành thế gian.

KINH TỤNG TUỖ THỜI

ABHIṆHA-PACCAVEKKHAṆA-PĀTHO

NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỞNG

Tạng kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Chương V – Năm Pháp, (57) Sự Kiện Cần Phải Quan Sát

**Thế Tôn lời dạy tỏ tường, Năm điều quán tưởng phải thường xét ra.
Ta đây phải có sự già, Thế nào tránh thoát lúc qua canh tàn.
Ta đây bệnh tật phải mang, Thế nào tránh thoát đặng an mạnh lành.
Ta đây sự chết sẵn dành, Thế nào tránh thoát tử sanh đến kỳ.
Ta đây phải chịu phân ly, Nhân vật quý mến ta đi biệt mà.
Ta đi với nghiệp của ta, Dầu cho tốt xấu tạo ra tự mình.
Theo ta như bóng theo hình, Ta thọ quả báo phân minh kết thành.**

MƯỜI ĐIỀU QUÁN TƯỞNG CỦA BẬC XUẤT GIA

**Xuất gia nghi mạo khác đời, Sống nương đàn việt thảnh thơi cửa Thiền.
Tư cách, bốn phận cần chuyên, Oai nghi tế hạnh không phiền đến ai.
Nếu đồng Phạm hạnh chê bai, Sớm lo cảnh tỉnh miệt mài tu thân.
Nhân, vật yêu mến xa gần Vô thường tan hợp, xoay vần hợp tan.
Nghiệp là tài sản đã mang, Nghiệp là quyến thuộc lại càng chớ khinh.
Nghiệp là sở ý, sở sinh, Nhân quả thiện ác phân minh nhiệm màu.
Ngày đêm thấm thoát bóng câu, Làm gì xứng hạnh tầm cầu vô sinh.
Trong không tịnh xứ tinh cần, Độc cư Thiền Tịnh phá dần tham, sân.
Tu hành Pháp bậc cao nhân, Ngũ Chánh Tri Kiến giả, chân tỏ tường.
Đến khi sanh mạng Vô thường, Các đồng Phạm hạnh tư lường hỏi han.
Xét mình tâm đã bình an, Ra đi chẳng thẹn cùng hàng Sa-môn.**

METTĀBHĀVANĀ – PATTHANĀ – PATTIDĀNA

THIỀN TÂM TỪ - HƯỚNG NGUYỆN - CHIA PHƯỚC

Sabbe sattā, sabbe pāṇā	<i>Nguyện cho tất cả chúng sinh, tất cả hữu tình,</i>
sabbe bhūtā, sabbe puggalā	<i>tất cả sanh loại, tất cả cá nhân,</i>
sabbe atta-bhāva-pariyāpannā	<i>tất cả cá thể (có ngã tính)</i>
sabbā itthiyo, sabbe purisā	<i>tất cả nữ giới, tất cả nam giới</i>
sabbe ariyā, sabbe anariyā	<i>tất cả thánh nhân, tất cả phàm nhân</i>

sabbe devā, sabbe manussā	<i>tất cả Chư Thiên, tất cả nhân loại</i>
sabbe vinipātikā	<i>tất cả chúng sanh trong bốn đọa xứ</i>
averā hontu, abyāpajjā hontu	<i>không còn oan trái, không còn ác ý</i>
anīghā hontu, sukhī attānaṃ	<i>không còn muộn phiền, giữ mình được an vui</i>
pariharantu	
Dukkhā muccantu	<i>mong cho tất cả thoát khổ đau</i>
Yathā-laddha-sampattito	<i>những gì đã thành tựu xin đừng mất</i>
māvigacchantu	
Kammas-sakā	<i>Nghiệp là tài sản của người</i> <i>(mỗi chúng sinh có nghiệp riêng)</i>
Puratthimāya disāya	<i>trong hướng Đông</i>
Pacchimāya disāya	<i>trong hướng Tây</i>
Uttarāya disāya	<i>trong hướng Bắc</i>
Dakkhiṇāya disāya	<i>trong hướng Nam</i>
Puratthimāya anudisāya	<i>trong hướng Đông - Nam</i>
Pacchimāya anudisāya	<i>trong hướng Tây - Bắc</i>
Uttarāya anudisāya	<i>trong hướng Đông - Bắc</i>
Dakkhiṇāya anudisāya	<i>trong hướng Tây - Nam</i>
Heṭṭhimāya disāya	<i>ở hướng dưới</i>
Uparimāya disāya	<i>ở hướng trên</i>
Sabbe sattā, sabbe pāṇā	<i>tất cả chúng sinh, tất cả hữu tình</i>
sabbe bhūtā, sabbe puggalā	<i>tất cả sanh loại, tất cả cá nhân</i>
sabbe atta-bhāva-pariyāpannā	<i>tất cả cá thể (có ngã tính)</i>
sabbā itthiyo sabbe purisā	<i>tất cả nữ giới, tất cả nam giới</i>
sabbe ariyā sabbe anariyā	<i>tất cả thánh nhân, tất cả phàm nhân</i>
sabbe devā, sabbe manussā	<i>tất cả Chư Thiên, tất cả nhân loại</i>
sabbe vinipātikā	<i>tất cả chúng sanh trong bốn đọa xứ</i>
averā hontu, abyāpajjā hontu	<i>Nguyện cho không còn oan trái, không còn ác ý</i>
anīghā hontu, sukhī attānaṃ	<i>không còn muộn phiền, giữ mình được an vui</i>
pariharantu	
Dukkhā muccantu	<i>mong cho tất cả thoát khổ đau</i>
yathā-laddha-sampattito	<i>những gì đã thành tựu xin đừng mất</i>
māvigacchantu	
Kammas-sakā	<i>ngiệp là tài sản của người</i> <i>(mỗi chúng sinh có nghiệp riêng)</i>

Uddham yāva bhavaggā ca
adho yāva avīcito
Samantā cakkavālesu
ye sattā **pathavī-carā**
Abyāpajjā niverā ca
Nid-dukkhā
cā'nuppaddavā

Phía trên lên mãi đến vô cùng
phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
những sanh linh nào **sống trên đất**
Nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất
cả không còn oan trái. Thoát khổ đau và thoát mọi
hiểm nguy

Uddham yāva bhavaggā ca
adho yāva avīcito
Samantā cakkavālesu
ye sattā **udake-carā**
Abyāpajjā niverā ca.
Nid-dukkhā
cā'nuppaddavā

Phía trên lên mãi đến vô cùng
Phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
những sanh linh nào **sống dưới nước**
nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất
cả không còn oan trái. Thoát khổ đau và thoát mọi
hiểm nguy

Uddham yāva bhavaggā ca
adho yāva avīcito
Samantā cakkavālesu
ye sattā **ākāse-carā**
abyāpajjā niverā ca
Nid-dukkhā
cā'nuppaddavā

Phía trên lên mãi đến vô cùng
phía dưới đến tận A-tỳ ngục
Trong toàn khắp thiên hà trụ vũ
những sanh linh nào **sống trên không**
nguyện cho tất cả không còn ác ý, nguyện cho tất
cả không còn oan trái. Thoát khổ đau và thoát mọi
hiểm nguy

Yaṃ pattaṃ kusalaṃ tassa
ānubhāvena paṇino
sabbe saddhamma-rājassa
ñatvā dhammaṃ
sukhāvahaṃ
pāpuṇantu visuddhāya
sukhāya paṭipattiyā
asokam-anupāyāsaṃ
Nibbāna-sukha-muttamaṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo
dhamme hontu sagāravā

Với những thiện nghiệp nào đã thành tựu
nhờ oai lực (đó) nguyện cho tất cả mọi sanh linh
tất cả (biết pháp) của Đấng Pháp Vương
hay biết Diệu Pháp mang lại an vui
mong cho (tất cả) đạt được thanh tịnh
với sự hành trì an lạc
không còn sầu khổ và bất mãn
thành tựu được Niết-bàn - lạc tối thượng.
nguyện cầu Diệu Pháp mãi trường tồn
ngưỡng mong thành kính Pháp

sabbe’pi sattā kālena *(bởi) tất cả sanh linh, (và) đúng thời*
sammā devo pavassatu *xin Chư Thiên làm mưa (mưa thuận gió hoà)*
yathā rakkhimsu porāṇā *giống các vị vua xa xưa*
surājāno tathevimaṃ *là những bậc Hiền Vương*
rājā rakkhatu dhammena *đã bảo vệ chúng dân đúng theo Pháp*
attano’va pajama pajama. *như bảo vệ dòng dõi của chính mình.*

**Imāya dhammā’nudhamma-
paṭipattiyā Buddhaṃ pūjemi** *với sự hành Pháp này,
con xin cúng dường Phật*

**Imāya dhammā’nudhamma-
paṭipattiyā Dhammaṃ pūjemi** *với sự hành Pháp này,
con xin cúng dường Pháp*

**Imāya dhammā’nudhamma-
paṭipattiyā Saṃghaṃ pūjemi** *với sự hành Pháp này,
con xin cúng dường Tăng*

Addhā imāya paṭipattiyā *Nhất định, nhờ sự hành Pháp này*
jāti-jarā-byādhi-maraṇamhā *con sẽ thoát khỏi sanh – già – bệnh – chết*
parimuccissāmi

**Idaṃ me puññaṃ āsavak-
khayā’vahaṃ hotu** *Phước lành này của con,
nguyện đoạn trừ các lậu hoặc – trầm luân*

**Idaṃ me puññaṃ nibbānassa
paccayo hotu** *Phước lành này của con,
nguyện là duyên thành tựu được Niết-bàn.*

**Mama puñña-bhāgaṃ sabba-
sattānaṃ bhājemi** *Phần phước của con,
xin chia đều đến tất cả sanh linh.*

**Te sabbe me samaṃ puñña-
bhāgaṃ labhantu** *Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được
đều nhau cả thấy.*

Sādhu! Sādhu! Sādhu! *(Lành thay! Lành thay! Lành thay!)*

SAMVEJANĪYA-GĀTHĀ

KỆ ĐỘNG TÂM

**1. Aciraṃ vata yaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati;
Chuddho apeta viññāṇo,
Niratthaṃ va kaliṅgaram.**

*Thân này chẳng tồn tại bao lâu đâu,
khi tâm thức lìa bỏ rồi,
thì nằm trên mặt đất như khúc gỗ,
không còn lợi ích nào nữa.*

2. Paṇḍu-palāso'va dāni'si,
Yama-purisā'pi ca taṃ upaṭṭhitā;
Uyyoga-mukhe ca tiṭṭhasi,
Pātheyyampi ca te na vijjati.
So karohi dīpamattano, Khippaṃ
vāyama paṇḍito bhava;
Niddhanta-malo anaṅgaṇo,
Dibbaṃ ariya-bhūmiṃ ehisi.

Thân người hiện tại đây, ví như lá cây chín có màu vàng. Tay sai của Diêm chúa, là sự chết đã đến tìm người. Người là nguồn cội của sự Vô Ngã. Lộ phí là việc lành của người cũng chẳng có. Người chỉ có nương nhờ nơi mình. Người mau cố gắng cho ra bậc thông minh, chẳng nên chịu tối mê nữa. Khi đã làm như thế, thì được dứt khỏi trần lao, nhất là tình dục, chẳng còn phiền não, và đến Thánh-vực, là nơi có Pháp huyền diệu.

3. Sabbe sattā marissanti,
Maraṇantañhi jīvitam;
Yathākammaṃ gamissanti,
Puñña-pāpa-phalūpagā; Nirayaṃ
pāpa-kammantā, Puñña-kammā ca
suggatiṃ. Tasmā kareyya
kalyāṇaṃ, Nicayaṃ
samparāyikaṃ; Puññāni para-
lokasmīṃ, Patiṭṭhā honti paṇiṇaṃ.

Tất cả chúng sanh chỉ sẵn dành để chịu chết đều nhau cả, vì sanh mạng của tất cả chúng sanh, chỉ có sự chết là nơi cuối cùng. Tất cả chúng sanh đều phải chịu quả phước cùng quả tội, vừa theo của nghiệp của mình đã tạo, rồi đi thọ sanh trong kiếp sau. Chúng sanh nào làm nghiệp dữ, phải chịu khổ trong cảnh địa ngục, chúng sanh nào làm việc lành, được thọ vui trong cõi Thiên đàng, cho nên người đời cần phải hối hả làm việc phước đức, mà bậc Trí Tuệ hằng thân thiết, choặng làm của để dành dành theo trong đời vị lai. Vì các việc phước đức là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh, trong ngày vị lai.

4. Ye Dhammā hetuppabhavā,
Tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha;
Tesaṃ yo nirotho,
Evaṃ vādi mahāsamaṇo.

*Vạn Pháp do duyên sanh.
Duyên diệt, vạn Pháp diệt.
Đức Phật, đại Sa-môn,
hằng giáo huấn như vậy.*

5. Aniccā vata saṅkhārā,
Uppāda vaya dhammino;
Uppajjitvā nirujjhanti,
Tesaṃ vūpasamo sukho.

Các Pháp Hữu vi thật không bền vững, do có tánh sanh diệt là thường. Vì nhân sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, nên thường hay có sự khổ não. Chỉ có Niết-bàn là Pháp Tịch diệt, dứt các Pháp Hữu vi ấy được, mới có sự an vui tuyệt đối.

6. Sabbe saṅkhārā aniccā'ti,
Yadā paññāya passati;
Atha nibbindati dukkhe,
Esa maggo visuddhiyā.

*Tất cả Hành Vô Thường
Vớ Tuệ quán thấy vậy
Đau khổ được nhàm chán
Chính con đường thanh tịnh.*

7. **Sabbe saṅkhārā dukkhā'ti,
Yadā paññāya passati;
Atha nibbindati dukkhe,
Esa maggo visuddhiyā.** *Tất cả Hành Khổ Đau
Với Tuệ quán thấy vậy
Đau khổ được nhàm chán
Chính con đường thanh tịnh.*
8. **Sabbe Dhammā anattāti,
Yadā paññāya passati,
Atha nibbindati dukkhe,
Esa maggo visuddhiyā.** *Tất cả Pháp Vô Ngã
Với Tuệ quán thấy vậy
Đau khổ được nhàm chán
Chính con đường thanh tịnh.*
9. **Na gāma dhammo nigamassa dhammo,
Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo;
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ aniccatā.** *Pháp nào có tên gọi là “Vô Thường”,
là pháp có trạng thái thay đổi không
thường, pháp ấy chẳng phải chỉ để
riêng cho những người trong một xứ,
chẳng phải chỉ để riêng cho những
người trong một xóm, chẳng phải chỉ
để riêng cho những người trong một
gia tộc đâu. Pháp ấy để chung cho
nhơn loại, súc sanh, luôn đến Chư
Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả
thảy.*
10. **Na gāma dhammo nigamassa dhammo
Na cāpi yam ekakulassa dhammo
Sabbassa lokassa sadevakassa
Eseva dhammo yad'idaṃ ca dukkhatā.** *Pháp nào có tên gọi là “Khổ Não”,
là pháp có trạng thái đau đớn buồn rầu,
pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho
những người trong một xứ, chẳng
phải chỉ để riêng cho những người
trong một xóm, chẳng phải chỉ để
riêng cho những người trong một gia
tộc đâu. Pháp ấy để chung cho nhơn
loại, súc sanh, luôn đến Chư Thiên, Ma
Vương và Phạm Thiên cả thảy.*
11. **Na gāma dhammo nigamassa dhammo
Na c'āpi yaṃ ekakulassa dhammo
Sabbassa lokassa sadevakassa
Eseva dhammo yad'idaṃ anattatā.** *Pháp nào có tên gọi là “Vô Ngã”,
là pháp có trạng thái “không phải là của
ta”, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng
cho những người trong một xứ, chẳng
phải chỉ để riêng cho những người
trong một xóm, chẳng phải chỉ để
riêng cho những người trong một gia
tộc đâu. Pháp ấy để chung cho nhơn
loại, súc sanh, luôn đến Chư Thiên, Ma
Vương và Phạm Thiên cả thảy.*

ANUMODANĀRAMBHA-GĀTHĀ

MỞ ĐẦU KỆ CHÚC PHÚC

**Yathā vārivahā pūrā
Paripūrenti sāgaram
Evameva ito dinnam
Petānam upakappati.
Icchitam patthitam tumham
Khippameva samijjhatu
Sabbe pūrentu saṅkappā
Cando paṇṇaraso yathā
Maṇi-joti-raso yathā.**

Các con đường nước đầy đủ, nhất là sông và rạch làm cho biển được đầy đủ, cũng như sự bố thí mà thí chủ đã làm trong lúc hiện tại đây, cầu mong cho được kết quả đến những người đã quá vãng.

Cầu mong các quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người, cầu mong những sự suy xét chọn chánh cho được tròn đủ đến người, như trăng trong ngày Rằm. Bằng chẳng vậy, cũng như ngọc Ma-ni chiếu sáng rõ ràng, là ngọc quý báu, có thể làm cho tất cả sự ước ao của người đều được như nguyện.

SĀMAÑÑĀNUMODANĀ-GĀTHĀ

KỆ HOAN HỖ TƯỞNG HỢP

**Sabbītiyo vivaj-jantu
Sabba rogo vinassatu
Mā te bhavatvan-tarāyo
Sukhī dīghā-yuko bhava.**

Cầu mong cho tất cả sự rủi ro của người đều được xa lánh. Cầu mong cho tất cả tật bệnh của người đều được dứt khỏi. Sự tai hại cũng chẳng có đến cho người. Cầu mong cho người được sự an vui trường thọ.

**Abhivādana-sīlissa
Niccamaṃ vuddhā-pacāyino
Cattāro dhammā vaḍḍhanti
Āyu, vaṇṇo, sukham, balaṃ.**

Cả bốn Pháp chúc mừng là: Sống lâu, Sắc đẹp, An vui, Sức mạnh, hằng thêm đến người, là người năng nghiêm mình lễ bái, cúng dường đến Tam Bảo và có lòng tôn kính các bậc tu hành tinh tấn, nhất là Bậc Trì Giới và Bậc Trưởng lão.

SUMAṄGALA-GĀTHĀ

KỆ THIỆN PHÚC

**Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Buddhā-nubhāvena
Sadā sotthi bhavantu te.**

*Tất cả hạnh phúc hằng có đến người. Cầu mong Chư Thiên hộ trì đến người. **Do nhờ oai đức của Chư Phật.** Các sự thanh lợi thường thường đến người.*

**Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Dhammā-nubhā-vena
Sadā sotthi bhavantu te.**

**Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Saṅghā-nubhā-vena
Sadā sotthi bhavantu te.**

*Tất cả hạnh phúc hằng có đến người.
Cầu mong Chư Thiên hộ trì đến người.
Do nhờ oai đức của Giáo Pháp. Các sự
thạnh lợi thường thường đến người.*

*Tất cả hạnh phúc hằng có đến người.
Cầu mong Chư Thiên hộ trì đến người.
Do nhờ oai đức của Chư Tăng. Các sự
thạnh lợi thường thường đến người.*

CULLA-MAṅGALA-CAKKAVĀḬA-GĀTHĀ **TIỂU KỆ ĐIỀM LÀNH VỮ TRỤ**

**1. Sabba-buddhā-nubhā-vena,
Sabba-dhammā-nubhā-vena,
Sabba-saṅghā-nubhā-vena,
Buddha-ratanam, Dhamma-ratanam,
Saṅgha-ratanam Tiṇṇam,
Ratanānam ānu-bhāvena.
Catu-rāsīti-sahassa Dhammak-
khandhā-nubhā-vena.
Piṭakat-tayā-nubhā-vena, Jina-
sāvakā-nubhā-vena.**

*Do nhờ oai đức của Chư Phật,
do nhờ oai đức của Giáo Pháp,
do nhờ oai đức của Chư Tăng,
do nhờ oai đức của Tam Bảo,
Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.
Do nhờ oai đức của 84 nghìn Pháp môn.
Do nhờ oai đức của Tam Tạng.
Do nhờ oai đức của Chư Thánh Văn đệ tử
Phật.*

**2. Sabbe te rogā,
Sabbe te bhayā,
Sabbe te antarāyā,
Sabbe te upaddavā,
Sabbe te dunnimittā,
Sabbe te ava-maṅgalā vinas-santu.**

*Tất cả các tật bệnh của người,
tất cả sự lo sợ của người,
tất cả sự tai hại của người,
tất cả sự khó chịu của người,
tất cả điều mộng mị xấu xa của người,
tất cả điều chẳng lành của người.
Thấy đều mau tiêu diệt.*

**3. Āyu-vaḍḍhako, dhana-vaḍḍhako,
Siri-vaḍḍhako, yasa vaḍḍhako,
Bala-vaḍḍhako, vaṇṇa-vaḍḍhako,
Sukha-vaḍḍhako, hotu sabbadā.
Dukkha-roga-bhayā-verā,
Sokā-sattu cupad-davā,
Anekā antarā-yā'pi,
Vinas-santu ca tejasā.**

*Sự sống lâu, sự tấn tài, sự thịnh lợi, sự sang
cả, sự mạnh khỏe, sự sắc đẹp, sự an vui, cầu
xin hằng đến cho người. Tất cả sự khổ não, tật
bệnh, lo sợ, hoặc điều oan kết, hoặc tất cả sự
uất ức, các cảnh nghịch, hoặc sự khó chịu,
hoặc nhiều sự tai hại. Cầu xin cho được tiêu
diệt, do nhờ các đức, nhất là đức của Chư
Phật.*

**4. Jaya, siddhi, dhanam, lābham,
Sotthi, bhāgyam, sukham, balam,
Siri, āyu ca vaṇṇo ca, Bhogam,
vuḍḍhī ca yasavā, Satavassā ca āyu
ca, Jīvasiddhī bhavantu te.**

*Sự vinh hiển, sự phát tài, sự phát lợi, hoặc sự
thịnh lợi phong lưu, sự an vui hoặc sức mạnh,
sự phước lợi, sự sống lâu, sự sắc đẹp, sự tấn
tài, sự tấn hóa, sự sang cả, hoặc sự sống đến
trăm tuổi, hoặc sự thành tựu trong việc nuôi
mạng cho được an vui, tất cả sự ấy, cầu xin
hằng đến cho người.*

Duyên khởi: Vua *Bim-Bi-Sa-Ra* , Nằm mộng thấy thân nhân, bị khổ quả đói lạnh, đến bạch hỏi Thế Tôn, Đức điều ngự Bi Mẫn, Chỉ dạy cách tạo phước, Hồi hướng các vong linh, Thoát ly mọi khổ ách.

1. Tirokuddesu tiṭṭhanti,
Sandhisinḅhātakesu ca;
Dvārabāhāsu tiṭṭhanti,
Āgantvāna sakaṃ gharaṃ.
2. Pahūte annapānamhi,
Khajjabhoje upaṭṭhite;
Na tesam koci sarati,
Sattānaṃ kammaṃ paccayā.
3. Evaṃ dadanti nātinaṃ,
Ye honti anukampakā;
Sucim paṇitaṃ kālena,
Kappiyaṃ pānabhojanaṃ.
**Idaṃ no nātinaṃ hotu,
Sukhitā hontu nātayo.**
4. Te ca tattha samāgantvā,
Nātivetā samāgatā.
Pahūte annapānamhi,
Sakkaccaṃ anumodare.
Ciraṃ jīvantu no nātī,
Yesam hetu labhāmase;
Amhākaṃ ca katā pūjā,
Dāyakā ca anipphalā.
5. Na hi tattha kasī atthi,
Gorakkhettha na vijjati;
Vāṇijjā tādisi natthi,
Hiraññaena kayākayaṃ.
Ito dinnena yāpenti,
Petā kālaṅkatā taḅhiṃ.
6. Unnate udakaṃ vuṭṭhaṃ,
Yathā ninnaṃ pavattati;
Evameva ito dinnam,
Petānaṃ upakappati.

Chánh kinh hồi hướng

- 1 -2: Các hương linh quá vãng
Thường đến nhà thân nhân
Đứng ngoài vách tựa cửa
Ngã đường hay cổng thành
Trông chờ hưởng phước thí
Nhưng vì kém phước duyên
Hương linh bị quên lãng
3. Thân nhân tạo phước lành
Do công đức bố thí
Nên phát nguyện bằng lời:
**Idaṃ no nātinaṃ hotu
Sukhitā hontu nātayo.**
Nguyện thân nhân quá vãng
Thượng hưởng công đức này
Được thọ sanh lạc cảnh.
4. Những thân nhân quá vãng
Vân tập các đạo tràng
Nhận được phước hồi hướng
Thường thốt lời cảm kích
Mong ân nhân của mình
Được trường thọ phúc lạc
Người đã tạo công đức
Chắc chắn được quả lành.
5. Trong cõi khổ nọ quý
Không có các sinh kế
Trồng trọt hoặc chăn nuôi
Bán buôn hay trao đổi
Chúng sanh cảnh giới này
Hằng mong đợi phước báu
Do thân nhân hồi hướng
- 6: Như nước trên gò cao
Chảy xuống vùng đất thấp
Phước lành đã hồi hướng
Có diệu năng cứu khổ.

7. Yathā vārivahā pūrā,
Paripūrenti sāgaram;
Evameva ito dinnam,
Petānam upakappati.

7: Như trăm sông tuôn chảy
Cùng hướng về đại dương
Nguyện công đức đã tạo
Thấu đến chư hương linh.

PHẦN KỆ VẤN TẮT

8. **Adāsi me akāsi me,**
Ñātimittā sakhā ca me;
Petānam dakkhiṇam dajjā,
Pubbe katamanussaram.

8 – 9: **Khi người nhớ ân trước**
Do tình nghĩa thân bằng
Do tương duyên quyến thuộc
Hãy cúng dường trai Tăng
Hồi hướng phước đã tạo
Sự khổ sầu thương cảm
Trước tử biệt sanh ly
Không có lợi ích gì
Cho thân nhân quá vãng.

9. Na hi ruṇṇam vā soko vā,
Yā caññā paridevanā.
Na tam petā-namat-thāya,
Evam tiṭṭhanti ñātayo.

10. Ayañ ca kho dakkhiṇā dinnā.
Saṅghamhi suppatiṭ-ṭhitā.
Dīgharattam hitāyassa,
Thānaso upakappati.

10. Cách trai Tăng hợp đạo
Gọi **Đức khí na đa ná (Dakkhinādāna)**
Cúng dường vô phân biệt
Đến đại chúng Tăng Già
Bậc phạm hạnh giới đức
Bậc vô thượng phước điền
Được vô lượng công đức
Là thắng duyên tế độ
Hương linh trong cảnh khổ

11. So ñāti-dhammo ca ayam
nidassito. Petāna-pūjā ca katā
uḷārā. Balañca bhikkhū-
namanup-padinnam. Tumhehi
puñnam pasutam anappakan'ti.

11. Do thiện sự đã làm
Do hồi hướng đã nguyện
Do Tăng lực đã cầu
Xin tựu thành phúc quả (lạ)

SIDDHIYĀCANA-GĀTHĀ

Siddha-matthu siddha-matthu,
Siddha-matthu idaṃ phalam,
Etasmim ratanat-tayasmim,
Sampasā-danace-taso.

KỆ NGUYỆN SỰ THÀNH TỰU

Cầu mong cho quả của tâm tín thành
Tam Bảo, Cho được thành tựu mỹ mãn,
Cho được thành tựu mỹ mãn,
Cho được thành tựu mỹ mãn.

ANANTARIYAKAGĀTHĀ

Sirasmiṃ me Buddhaseṭṭho,
Sāriputto ca dakkhiṇe.
Vāma-amse Moggallāno,
Puratto piṭakat-tayaṃ.

Pacchime mama Ānando,
Khiṇāsavā catuddisā.
Samantā lokapālā ca,
Indadevā sabrahmakā.

Etesaṃ anubhāvena,
Sabbe bhayā upaddavā.
Aneka antarāyā'pi,
Vinassantu asesato.

KỆ AN LÀNH

Đức Phật ngự trên đầu con,
Vai phải Ngài Xá-Lợi-Phất,
Vai trái Ngài Mục Kiền Liên.
Trước Tam Tạng Pháp Bảo
Sau có Đức Ānanda,

Bốn phương Alahán.
Đế Thích và Phạm Thiên,
Cùng Thiên Vương Tứ Đại,
Hộ trì bốn châu độ.

Do oai lực các Ngài,
Tất cả điều lo âu,
Rủi ro cùng tai hại,
Xin thấy đều tiêu tan.

Bài kệ của Đại đức Ratthapala (Verses of Arahant Ratthapala), Trung Bộ Kinh, Kinh 82 - Kinh Ratthapāla tóm lược lại cuộc đối thoại giữa Ngài và vua Koravya để nói lên lý do tại sao Đại Đức trở thành Tỳ khưu (Tỳ kheo)

TÔI CHỌN LÀM TỶ KHƯU

*Tôi đã thấy biết bao người giàu có
Chưa bao giờ từ bỏ tánh tham lam
Vẫn mãi mê ham của cải bạc vàng
Vẫn khao khát chạy hoài theo khoái lạc.*

*Tôi đã thấy biết bao là vua chúa
Chưa bao giờ an phận với giang san
Dù biên cương giáp bốn biển ngút ngàn
Vẫn muốn nữa, muốn biên thùi rộng mãi*

*Người thế gian, từ bần dân, vua chúa
Trước tử thần, tâm vẫn còn tham
Tiếc công danh, tiếc sự nghiệp chưa thành
Nhưng phải bỏ, tay buông xuôi, nhắm mắt*

*Quanh người chết bao người than, kẻ khóc
"Hỡi người thân! Sao vội bỏ ra đi!"
Trong áo quan, người nằm đó im lìm
Lửa thiêu đốt, xác thân thành tro bụi*

*Đem theo gì, trên mình mang vải liệm!
Còn lại chi, bia mộ khắc đôi hàng!
Dù muốn về trở lại cõi trần gian
Nhưng phải chịu tái sinh theo nghiệp định*

*Kẻ còn sống đang tranh giành thừa kế
Người chết nay chỉ có nghiệp đem theo
Khi ra đi tay trắng chẳng mang gì
Bỏ con cái, bạn đời cùng của cải.*

*Bách niên đại thọ, bạc tiền nào mua nổi
Biển ngọc rừng vàng, sao tránh khỏi già nua
Lời thánh nhân nhắc nhở lẽ Vô thường
Ngăn ngủ lắm! Kiếp người, nên ghi nhớ!*

*Bậc có trí quán tưởng luôn sự chết
Phút lâm chung tâm bình thản an nhiên
Kẻ phàm phu không quán tưởng thường xuyên
Nên phút cuối lâm chung đầy sợ hãi.*

*Trí tuệ quý hơn tiền tài của cải
Trí tuệ giúp người đạt Đạo Quả Vô Sanh
Kẻ si mê biết bao kiếp đạt thành
Trôi nổi mãi trong luân hồi vô tận.*

*Từ bào thai người sanh về cõi khác
Tiếp tục hành trình đi mãi không thôi
Còn vô minh, nghiệp quả trói thân mình
Hết Sinh-Tử-Tái Sinh vòng lẩn quẩn.*

*Như kẻ cướp chịu luật đời phân xử
Nghiệp chúng sinh, luật nhân quả nghiêm minh
Để đời sau, nghiệp cũ bước theo mình
Trở quả dữ, khổ người gây nghiệp ác.*

*Dục lạc ngũ trần, vị ngọt ngon thơm ngát
Làm động lòng, làm xao xuyên tâm can
Thấy hiểm nguy trong vị ngọt ẩn tàng
Làm ẩn sĩ, tôi sống đời thanh thản.*

*Kiếp người mong manh như nhánh cây đầy trái
Gió rung cành, trái xanh, chín, rụng rơi!
Bởi hiểu thế, tôi đắp y cạo tóc.
Làm Tỳ khưu vui đạo sống thanh bần.*

TK. Pháp Luân – Dhammacakka dịch thơ

DHAMMAPADA

Suttapiṭaka, Khuddakanikāya

I. YAMAKAVAGGA

1. Mano-pubbaṅ-gamā dhammā,
Mano-seṭṭhā mano-mayā,
Manasā ce paduṭ-ṭhena
Bhāsati vā karoti vā,
Tato naṃ duk-khaman-veṭi
Cakkaṃ-va va-hato padaṃ.
2. Mano-pubbaṅ-gamā dhammā
Mano-seṭṭhā mano-mayā,
Manasā ce pasan-nena
Bhāsati vā karoti vā,
Tato naṃ su-khaman-veṭi,
Chāyā-va a-napā-yinī.
3. Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
Ajini maṃ ahāsi me,
Ye ca taṃ upanayhanti,
Veram tesam na sammati.
4. Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
Ajini maṃ ahāsi me;
Ye ca taṃ nupanayhanti,
Veram tesūpasammati.
5. Na hi verena verāni,
Sammantīdha kudācanaṃ;
Averena ca sammanti,
Esa dhammo sanantano.
6. Pare ca na vijānanti,
Mayamettha yamāse;
Ye ca tattha vijānanti,
Tato sammanti medhagā.
7. Subhānupassim viharantaṃ,
Indriyesu asaṃvutaṃ;
Bhojanamhi cāmattaññuṃ,
Kusītaṃ hīnavīriyaṃ;
Taṃ ve pasahati māro,
Vāto rukkaṃva dubbalaṃ.

KINH PHÁP CỨ

Tạng Kinh, Kinh Tiểu Bộ

I. PHẨM SONG ĐỐI

1. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.
2. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.
3. Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi
Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.
4. Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi,
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.
5. Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.
6. Người khác không hiểu biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm.
7. Ai sống nhìn tịnh tướng,
không hộ trì các căn,
ăn uống thiếu tiết độ,
biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
như cây yếu trước gió.

8. **Asubhānupassim viharantaṃ,
Indriyesu susaṃvutaṃ;
Bhojanamhi ca mattaññuṃ,
Saddhaṃ āradhaviṛiyam;
Taṃ ve nappasahati māro,
Vāto selaṃva pabbataṃ.**
8. *Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
ăn uống có tiết độ,
có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió.*
9. **Anikkasāvo kāsavaṃ,
Yo vatthaṃ paridahissati;
Apeto damasaccena,
Na so kāsāvamarahati.**
9. *Ai mặc áo cà sa,
tâm chưa rời uế trước,
không tự chế, không thực,
không xứng áo cà sa.*
10. **Yo ca vantakasāvassa,
Sīlesu susamāhito;
Upeto damasaccena,
Sa ve kāsāvamarahati.**
10. *Ai rời bỏ uế trước,
giới luật khéo nghiêm trì,
tự chế, sống chơn thực,
thật xứng áo cà sa.*
11. **Asāre sāramatino,
Sāre cāsāradassino;
Te sāraṃ nādhigacchanti,
Micchāsaṅkappagocarā.**
11. *Không chân, tưởng chân thật,
Chân thật, thấy không chân
Họ không đạt chân thật
Do tà tư tà hạnh.*
12. **Sārañca sārato ñatvā,
Asārañca asārato;
Te sāraṃ adhigacchanti,
Sammāsaṅkappagocarā.**
12. *Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân.
Chúng đạt được chân thật,
do chánh tư, chánh hạnh.*
13. **Yathā agāraṃ ducchannaṃ,
Vuṭṭhī samativijjhati;
Evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ,
Rāgo samativijjhati.**
13. *Như ngôi nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập.*
14. **Yathā agāraṃ suchannaṃ,
Vuṭṭhī na samativijjhati;
Evaṃ subhāvitaṃ cittaṃ,
Rāgo na samativijjhati.**
14. *Như ngôi nhà khéo lợp,
Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập.*
15. **Idha socati pecca socati,
Pāpakārī ubhayattha socati;
So socati so vihaññati,
Disvā kammakiliṭṭhamattano.**
15. *Nay sầu, đời sau sầu,
Kẻ ác, hai đời sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm.*
16. **Idha modati pecca modati,
Katapuñño ubhayattha modati;
So modati so pamodati,
Disvā kammavisuddhimattano.**
16. *Nay vui, đời sau vui,
Làm phước, hai đời vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm.*

17. **Idha tappati pecca tappati,
Pāpakārī ubhayattha tappati;
Pāpaṃ me katanti tappati,
Bhiyyo tappati duggatiṃ gato.**

17. *Nay than, đời sau than,
Kẻ ác, hai đời than,
than rằng: Ta làm ác
Đọa cõi dữ, than hơn.*

18. **Idha nandati pecca nandati,
Katapuñño ubhayattha nandati;
Puññaṃ me katanti nandati,
Bhiyyo nandati suggatiṃ gato.**

18. *Nay sướng, đời sau sướng,
Làm phước, hai đời sướng.
Mừng rằng: Ta làm thiện,
Sanh cõi lành, sướng hơn.*

19. **Bahumpi ce saṃhita bhāsamāno
Na takkaro hoti naro pamatto;
Gopova gāvo gaṇayaṃ paresaṃ,
Na bhāgavā sāmāññaṃ hoti.**

19. *Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,
Không phần Sa môn hạnh.*

20. **Appampi ce saṃhita bhāsamāno,
Dhammassa hoti anudhammacārī;
Rāgañca dosañca pahāya mohaṃ,
Sammappajāno suvimuttacitto;
Anupādiyāno idha vā huramaṃ vā,
Sa bhāgavā sāmāññaṃ hoti.**

20. *Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh.*

II. APPAMĀDA-VAGGA

21. **Appamādo amatapadaṃ,
Pamādo maccuno padaṃ;
Appamattā na mīyanti,
Ye pamattā yathā matā.**

21. *Không phóng dật, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi.*

22. **Evamaṃ visesato ñatvā,
Appamādamhi paṇḍitā;
Appamāde pamodanti,
Ariyānaṃ gocare ratā.**

22. *Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui hạnh bậc Thánh.*

23. **Te jhāyino sātatikā,
Niccaṃ daḥaparakkamā;
Phusanti dhīrā nibbānaṃ,
Yogakkhemaṃ anuttaraṃ.**

23. *Người hằng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn.
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng.*

24. **Uṭṭhānavato satīmato,
Sucikammaṃ nisammakārino;
Saññatassa dhammajīvino,
Appamattassa yasobhivaḍḍhati.**

24. *Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng.*

25. Uṭṭhānenappamādena,
Saṃyamena damena ca;
Dīpaṃ kayirātha medhāvī,
Yaṃ ogho nābhikīrati.
25. Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn.
26. Pamādamanuyuñjanti,
Bālā dummedhino janā;
Appamādañca medhāvī,
Dhanaṃ seṭṭhaṃva rakkhati.
26. Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý.
27. Mā pamādamanuyuñjetha,
Mā kāmaratisanthavaṃ;
Appamatto hi jhāyanto,
Pappoti vipulaṃ sukhaṃ.
27. Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiền định,
Đạt được an lạc lớn.
28. Pamādaṃ appamādena,
Yadā nudati paṇḍito;
Paññāpāsādamāruya,
Asoko sokiniṃ pajamaṃ;
Pabbataṭṭhova bhūmaṭṭhe,
Dhīro bāle avekkhati.
28. Người trí dẹp phóng dật,
Vội hạnh không phóng dật,
Leo lầu cao trí tuệ,
Không sàu, nhìn khổ sàu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng.
29. Appamatto pamattesu,
Suttesu bahujāgaro;
Abalassaṃva sīghasso,
Hitvā yāti sumedhaso.
29. Tỉnh cần giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn.
30. Appamādena maghavā,
Devānaṃ seṭṭhataṃ gato;
Appamādaṃ pasamsanti,
Pamādo garahito sadā.
30. Để Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách.
31. Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadassi vā;
Saṃyojanaṃ aṇuṃ thūlaṃ,
Ḍahaṃ aggīva gacchati.
31. Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thieu kiết sử lớn nhỏ.
32. Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadassi vā;
Abhabbo parihānāya,
Nibbānasseva santike.
32. Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thổi đọa,
Nhất định gần Niết Bàn.

III. CITTA-VAGGA

33. Phandanam capalam cittam,
Dūrakkaṃ dunnivārayam;
Ujūṃ karoti medhāvī,
Usukārova tejanam.

34. Vārijoṃ thale khitto,
Okamokata-ubbhato;
Pariphandatidaṃ cittam,
Māradheyyam pahātave.

35. Dunnigghassa lahuno,
Yatthakāmanipātino;
Cittassa damatho sādhu,
Cittam dantaṃ sukhāvaham.

36. Sududdasaṃ sunipuṇam,
Yatthakāmanipātinaṃ;
Cittam rakkhetha medhāvī,
Cittam guttaṃ sukhāvaham.

37. Dūraṅgamaṃ ekacaram,
Asarīraṃ guhāsayaṃ;
Ye cittam saṃyamessanti,
Mokkhanti mārabandhanā.

38. Anavaṭṭhitacittassa,
Saddhammaṃ avijānato;
Pariplavapasādassa,
Paññā na paripūراتي.

39. Anavassutacittassa,
Ananvāhatacetaso;
Puññapāpapahīnassa,
Natthi jāgarato bhayaṃ.

40. Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ veditvā,
Nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā;
Yodhetha mārāṃ paññāvudhena,
Jitañca rakkhe anivesano siyā.

41. Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Pathaviṃ adhisessati;
Chuddho apetaṃ viññāṇo,
Niratthamva kaliṅgaram.

III. PHẨM TÂM

33. Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên.

34. Như cá quăng trên bờ,
Vất ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vấy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma.

35. Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến.

36. Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến.

37. Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trói buộc.

38. Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành.

39. Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi.

40. Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham.

41. Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng.

42. Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā,
Verī vā pana verinaṃ;
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Pāpiyo naṃ tato kare.

43. Na taṃ mātā pitā kayirā,
Aññe vāpi ca ñātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare.

IV. PUPPHA-VAGGA

44. Ko imaṃ pathaviṃ vicessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakaṃ;
Ko dhammapadaṃ sudesitaṃ,
Kusalo pupphamiva pacesati.

45. Sekho pathaviṃ vicessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakaṃ;
Sekho dhammapadaṃ sudesitaṃ,
Kusalo pupphamiva pacesati.

46. Pheṇūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,
Marīcidhammaṃ abhisambudhāno;
Chetvāna mārassa papupphakāni,
Adassanaṃ maccurājassa gacche.

47. Pupphāni heva pacinantaṃ,
Byāsattamanasaṃ naraṃ;
Suttaṃ gāmaṃ mahoghova,
Maccu ādāya gacchati.

48. Pupphāni heva pacinantaṃ,
Byāsattamanasaṃ naraṃ;
Atittaññeva kāmesu,
Antako kurute vasaṃ.

49. Yathāpi bhamaro pupphaṃ,
Vaṇṇagandhamahethayaṃ;
Paleti rasamādāya,
Evaṃ gāme munī care.

50. Na paresaṃ vilomāni,
Na paresaṃ katākataṃ;
Attanova avekkheyya,
Katāni akatāni ca.

42. Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân.

43. Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn.

IV. PHẨM HOA

44. Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này?
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa?

45. Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.

46. Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết.

47. Người nhạt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lạt trôi làng ngủ.

48. Người nhạt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục.

49. Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng.

50. Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm.

51. **Yathāpi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantam agandhakam;
Evaṃ subhāsītā vācā,
Aphalā hoti akubbato.**
51. *Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Không làm, không kết quả.*
52. **Yathāpi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantam sagandhakam;
Evaṃ subhāsītā vācā,
Saphalā hoti kubbato.**
52. *Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, lời khéo nói,
Có làm, có kết quả.*
53. **Yathāpi puppharāsīmā,
Kayirā mālāguṇe bahū;
Evaṃ jātena maccena,
Kattabbaṃ kusalaṃ bahum.**
53. *Như từ một đống hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.
Cũng vậy, thân sanh tử,
Phải làm nhiều việc lành.*
54. **Na pupphagandho paṭivātameti,
Na candanam tagaramallikā vā;
Satañca gandho paṭivātameti,
Sabbā disā sappuriso pavāyati.**
54. *Hương các loại hoa thơm, Không ngược
bay chiều gió, Nhưng hương người đức
hạnh, Ngược gió khắp tung bay, Chỉ có
bậc chân nhân Tỏa khắp mọi phương trời.*
55. **Candanam tagaram vāpi,
Uppalam atha vassikī;
Etesam gandhajātānam,
Silagandho anuttaro.**
55. *Hoa chiên đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng.*
56. **Appamatto ayaṃ gandho,
Yāyaṃ tagaracandanī;
Yo ca sīlavataṃ gandho,
Vāti devesu uttamo.**
56. *Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiên đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới.*
57. **Tesam sampannasīlānam,
Appamādavihārinam;
Sammadaññāvimuttānam,
Māro maggaṃ na vindati.**
57. *Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường.*
58. **Yathā saṅkārādhānasmim,
Ujjhitasmim mahāpathe;
Padumaṃ tattha jāyetha,
Sucigandham manoramam.**
58. *Như giữa đống rác nhớp,
Quăng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người.*
59. **Evaṃ saṅkārābhūtesu,
Andhabhūte puthujjane;
Atirocati paññāya,
Sammāsambuddhasāvako.**
59. *Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với Tuệ Trí.*

V. BĀLA-VAGGA

60. Dīghā jāgarato ratti,
Dīghaṃ santassa yojanaṃ;
Dīgho bālānaṃ saṃsāro,
Saddhammaṃ avijānataṃ.
61. Caraṇce nādhigaccheyya,
Seyyaṃ sadisamattano;
Ekacariyaṃ daḷhaṃ kayirā, Natthi
bāle saḥāyatā.
62. Puttā matthi dhanam matthi,
Iti bālo vihaññati;
Attā hi attano natthi,
Kuto puttā kuto dhanam.
63. Yo bālo maññati bālyam,
Paṇḍito vāpi tena so;
Bālo ca paṇḍitamānī,
Sa ve bāloti vuccati.
64. Yāvajīvampi ce bālo,
Paṇḍitaṃ payirupāsati;
Na so dhammaṃ vijānāti,
Dabbī sūparasam yathā.
65. Muhuttamapi ce viññū,
Paṇḍitaṃ payirupāsati;
Khippaṃ dhammaṃ vijānāti,
Jivhā sūparasam yathā.
66. Caranti bālā dummedhā,
Amitteneva attanā;
Karontā pāpakaṃ kammaṃ,
Yaṃ hoti kaṭukapphalaṃ.
67. Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu,
Yaṃ katvā anutappati;
Yassa assumukho rodaṃ,
Vipākaṃ paṭisevati.
68. Tañca kammaṃ kataṃ sādhu, Yaṃ
katvā nānutappati;
Yassa patīto sumano,
Vipākaṃ paṭisevati.

V. PHẨM NGU

60. Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp.
61. Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu.
62. Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu.
63. Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu.
64. Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông vớ vị canh.
65. Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chơn diệu pháp,
Như lưỡi vớ vị canh.
66. Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay.
67. Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực.
68. Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực.

69. Madhumvā maññati bālo,
Yāva pāpaṃ na paccati;
Yadā ca paccati pāpaṃ,
Atha dukkhaṃ nigacchati.

69. Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,
Người ngu chịu khổ đau.

70. Māse māse kusaggena,
Bālo bhuñjeyya bhojanaṃ;
Na so saṅkhātadhammānaṃ,
Kalaṃ agghati soḷasiṃ.

70. Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi.

71. Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ,
Sajjukhīraṃva muccati;
Ḍahantaṃ bālanveti,
Bhasmacchannova pāvako.

71. Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngằm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy.

72. Yāvadeva anattāya,
Ñattaṃ bālassa jāyati;
Hanti bālassa sukkaṃsaṃ,
Muddhamassa vipātayaṃ.

72. Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan.

73. Asantaṃ bhāvanamiccheyya,
Purekkhārañca bhikkhusu;
Āvāsesu ca issariyaṃ,
Pūjā parakulesu ca.

73. Ưa danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưa quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính.

74. Mameva kata maññantu,
Gihī pabbajitā ubho;
Mamevātivasā assu,
Kiccākicesu kismici;
Iti bālassa saṅkappo,
Icchā māno ca vadḍhati.

74. Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng chính ta làm.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta
Người ngu nghĩ như vậy
Dục và mạn tăng trưởng.

75. Aññā hi lābhūpanisā,
Aññā nibbānagāminī;
Evametaṃ abhiññāya,
Bhikkhu buddhassa sāvako;
Sakkāraṃ nābhinandeyya,
Vivekamanubrūhaye.

75. Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu hạnh viễn ly.

VI. PAṆḌITA-VAGGA

76. Nidhīnaṃva pavattāraṃ,
Yaṃ passe vajjadassināṃ;
Niggayhavādiṃ medhāviṃ,
Tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje;
Tādisaṃ bhajamānassa,
Seyyo hoti na pāpiyo.

VI. PHẨM HIỀN TRÍ

76. Nếu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

77. Ovadeyyānusāseyya,
Asabbhā ca nivāraye;
Satañhi so piyo hoti,
Asataṃ hoti appiyo.
77. Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.
78. Na bhaje pāpake mitte,
Na bhaje purisādhamme;
Bhajetha mitte kalyāṇe,
Bhajetha purisuttame.
78. Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.
79. Dhammapīti sukhaṃ seti,
Vippasannena cetasā;
Ariyappavedite dhamme,
Sadā ramati paṇḍito.
79. Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,
Với pháp bậc Thánh thuyết.
80. Udakañhi nayanti nettikā,
Usukārā namayanti tejanaṃ;
Dāruṃ namayanti tacchakā,
Attānaṃ damayanti paṇḍitā.
80. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.
81. Selo yathā ekaghano,
Vātena na samīrati;
Evaṃ nindāpasamsāsu,
Na samiñjanti paṇḍitā.
81. Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào giao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không giao động.
82. Yathāpi rahado gambhīro,
Vippasanno anāvilo;
Evaṃ dhammāni sutvāna,
Vippasīdanti paṇḍitā.
82. Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.
83. Sabbattha ve sappurisā cajanti,
Na kāmakāmā lapayanti santo;
Sukhena phutṭhā atha vā dukhena,
Na uccāvacaṃ paṇḍitā dassayanti.
83. Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn.
84. Na attahetu na parassa hetu,
Na puttamicche na dhanam na raṭṭham;
Na iccheyya adhammena samiddhimattano
Sa silavā paññavā dhammiko siyā.
84. Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.
85. Appakā te manussesu,
Ye janā pāragāmino;
Athāyaṃ itarā pajā,
Tīramevānudhāvati.
85. Vị ấy thật trì giới, Có trí tuệ,
đúng pháp. Ít người giữa nhân
loại, Đến được bờ bên kia. Còn
số người còn lại, Xuôi ngược
chạy bờ này.

86. Ye ca kho sammadakkhāte,
Dhamme dhammānuvattino;
Te janā pāramessanti,
Maccudheyyaṃ suduttaraṃ.

87. Kaṇhaṃ dhammaṃ vipphāya,
Sukkaṃ bhāvētha paṇḍito;
Okā anokamāgama,
Viveke yattha dūramaṃ.

88. Tatrābhiratimiccheyya,
Hitvā kāme akiñcano;
Pariyodapeyya attānaṃ,
Cittaklesehi paṇḍito.

89. Yesaṃ sambodhiyaṅgesu,
Sammā cittaṃ subhāvitaṃ;
Ādānapaṭinissagge,
Anupādāya ye ratā;
Khīṇāsavā jutimanto,
Te loke parinibbutā.

VII. ARAHANTA-VAGGA

90. Gataddhino visokassa,
Vippamuttassa sabbadhi;
Sabbaganthappahīnassa,
Pariḷāho na vijjati.

91. Uyyuñjanti satīmanto,
Na nikete ramanti te;
Haṃsāva pallalaṃ hitvā,
Okamokaṃ jahanti te.

92. Yesaṃ sannicayo natthi,
Ye pariññātabhojanā;
Suññato animitto ca,
Vimokkho yesaṃ gocarō;
Ākāse va sakuntānaṃ,
Gati tesāṃ durannayā.

93. Yassāsavā parikkhīṇā,
Āhāre ca anissito;
Suññato animitto ca,
Vimokkho yassa gocarō;
Ākāseva sakuntānaṃ,
Padaṃ tassa durannayaṃ.

86. Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.

87. Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng.
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc.

88. Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cấu uế từ nội tâm.

89. Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.
Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.

VII. PHẨM A-LA-HÁN

90. Đích đã đến, không sầu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nảo.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng giải thoát.
Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Yassindriyāni samathaṅgatāni,
Assā yathā sārathinā sudantā;
Pahīnamānassa anāsavassa,
Devāpi tassa pihayanti tādino.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trừ, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Pathavisamo no virujjhati,
Indakhilupamo tādī subbato;
Rahadova apetakaddamo,
Saṃsārā na bhavanti tādino.

95. Như đất, không hiểm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Santaṃ tassa maṇaṃ hoti,
Santā vācā ca kamma ca;
Sammadaññā vimuttassa,
Upasantassa tādino.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Assaddho akataññū ca,
Sandhicchedo ca yo naro;
Hatāvakāso vantāso,
Sa ve uttamaporiso.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Gāme vā yadi vāraññe,
Ninne vā yadi vā thale;
Yattha arahanto viharanti,
Taṃ bhūmirāmaṇeyyakam.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La-hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.

99. Ramaṇīyāni araṇṇāni,
Yattha na ramatī jano;
Vītarāgā ramissanti,
Na te kāmagavesino.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

VIII. SAHASSA-VAGGA

VIII. PHẨM NGÀN

100. Sahassamapi ce vācā,
Anatthapadasaṃhitā;
Ekaṃ atthapadaṃ seyyo,
Yaṃ sutvā upasammati.

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Sahassamapi ce gāthā,
Anatthapadasaṃhitā;
Ekaṃ gāthāpadaṃ seyyo,
Yaṃ sutvā upasammati.

101. Dầu nói ngàn câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Yo ce gāthā sataṃ bhāse,
Anatthapadasaṃhitā;
Ekaṃ dhammapadaṃ seyyo,
Yaṃ sutvā upasammati.

102. Dầu nói trăm câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. **Yo sahaṣṣaṃ sahaṣṣena,
Saṅgāme mānuse jine;
Ekañca jeyyamattānaṃ,
Sa ve saṅgāmajuttamo.**
103. *Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.*
104. **Attā have jitaṃ seyyo,
Yā cāyaṃ itarā pajā;
Attadantassa posassa,
Niccaṃ saññatacārino.**
104. *Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.*
105. **Neva devo na gandhabbo,
Na māro saha brahmunā;
Jitaṃ apajitaṃ kayirā,
Tathārūpassa jantuno.**
105. *Dầu Thiên Thần, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.*
106. **Māse māse sahaṣṣena,
Yo yajetha sataṃ samaṃ;
Ekañca bhāvitattānaṃ,
Muhuttamapi pūjaye;
Sāyeva pūjanā seyyo,
Yañce vassasataṃ hutamaṃ.**
106. *Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu.
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.*
107. **Yo ca vassasataṃ jantu,
Aggiṃ paricare vane;
Ekañca bhāvitattānaṃ,
Muhuttamapi pūjaye;
Sāyeva pūjanā seyyo,
Yañce vassasataṃ hutamaṃ.**
107. *Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu.
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.*
108. **Yaṃ kiñci yiṭṭhaṃ va hutamaṃ va loke,
Saṃvaccharaṃ yajetha puññapekkho;
Sabbampi taṃ na catubhāgameti,
Abhivādanā ujjugatesu seyyo.**
108. *Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư
Kính lễ bậc chánh trực.*
109. **Abhivādanasīlissa,
Niccaṃ vuddhāpacāyino;
Cattāro dhammā vaḍḍhanti,
Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ.**
109. *Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.*
110. **Yo ca vassasataṃ jīve,
Dussīlo asamāhito;
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,
Sīlavantassa jhāyino.**
110. *Dầu sống một trăm năm
Ác giới, không thiền định,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiền định.*

111. Yo ca vassasatam jive,
Duppañño asamāhito;
Ekāham jīvitam seyyo,
Pañnavantassa jhāyino.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiền định.
Tốt hơn sống một ngày,
Có tuệ, tu thiền định.

112. Yo ca vassasatam jive,
Kusīto hīnavīriyo;
Ekāham jīvitam seyyo,
Vīriyamārabhato dalham.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác không tinh tấn,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Yo ca vassasatam jive,
Apassam udayabbayam;
Ekāham jīvitam seyyo,
Passato udayabbayam.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp sinh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. Yo ca vassasatam jive,
Apassam amataṃ padaṃ;
Ekāham jīvitam seyyo,
Passato amataṃ padaṃ.

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. Yo ca vassasatam jive,
Apassam dhammamuttamaṃ;
Ekāham jīvitam seyyo,
Passato dhammamuttamaṃ.

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp tối thượng,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

NGHI THỨC SÁM HỐI - THỌ TRÌ GIỚI VÀ TÁC BẠCH

Okāsa! Okāsa! Okāsa!
Kāyakammā vācīkammā
manokammā sabbadosa
Vì mong muốn tránh khỏi
Tất cả những lỗi lầm,
Do thân nghiệp hành động,
Do khẩu nghiệp nói năng,
Do ý nghiệp suy nghĩ,
Đã phạm đến Tam Bảo:
Đức Phật Bảo cao thượng,
Đức Pháp Bảo cao thượng,
Đức Tăng Bảo cao thượng,
Đến cha mẹ, thầy tổ...

**Buddharatana,
Dhammaratana,
Saṃgharatana,**

Con thành kính đánh lễ,
Ngôi Tam Bảo cao thượng,
Cùng cha mẹ thầy tổ,
Lần thứ nhì – thứ ba.
Xin năm bậc ân đức,
Cao thượng không gì bằng,
Nhận biết sự sám hối,
Những lỗi lầm của con.
Do thành tâm sám hối,
Vớ đức tin trong sạch,
Thiện tâm hợp trí tuệ,
Cầu mong con tránh khỏi:

(1) Sanh trong bốn cõi ác,
(2) Gặp phải ba nạn tai.
(3) Tám trường hợp bất lợi

(4) Năm kẻ thù phá hoại,
(5) Bốn rủi ro bất hạnh,
(6) Năm mất mát kiếp người
Trong tất cả mọi thời,
Mọi kiếp sống luân hồi,
Khi đã tránh khỏi rồi,
Mong con sớm chứng ngộ:
Chân lý Tứ Thánh Đế,
Chứng đắc Tứ Thánh Đạo,
Tứ Thánh Quả – Niết Bàn,
Diệt đoạn tuyệt tham ái,
Giải thoát khổ tử sinh,
Luân hồi trong tam giới.



- (1) **Bốn cõi ác:** 1 – Địa ngục, 2 – Ngạ quỷ, 3 – Súc sanh, 4 – A-tu-la
- (2) **Ba nạn tai:** 1 – Nạn bom đạn chiến tranh, 2 – Nạn dịch bệnh truyền nhiễm, 3 – Nạn chết đói
- (3) **Tám trường hợp bất lợi:** 1- Sanh trong địa ngục; 2- Sanh làm súc sanh; 3- Ngạ quỷ; 4 - Cõi Phạm Thiên; 5- Sanh ở vùng hẻo lánh; 6- Sanh trong gia đình ngoại đạo tà kiến; 7- Người câm điếc; 8- Người có trí tuệ nhưng không gặp được Đức Phật, Tăng Chúng.
- (4) **Năm kẻ thù phá hoại :** 1- Nước lụt phá hủy của cải tài sản; 2- Lửa cháy thiêu hủy của cải tài sản; 3- Kẻ trộm cướp chiếm đoạt tài sản; 4- Vua tàn bạo chiếm đoạt của cải tài sản; 5- Con cái hư đốn làm tiêu tan của cải tài sản.
- (5) **Bốn rủi ro bất hạnh:** 1- Địa ngục, 2- Ngạ quỷ, 3- Súc sanh, 4 – A-tu-la.
- (6) **Năm mất mát kiếp người:** 1- Bệnh tật, 2- Gia đình ly tán, 3- Cửa cải tài sản hư hao, 4- Giới không trong sạch, 5- Tà kiến.

TISARAṆENA SAHA PAÑCASĪLAM

THỌ TRÌ TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI

Giới tử đọc sám hối Tam Bảo:

1. **Uttamaṅgena vandehaṃ**
Pādapamaṃsum var'uttamaṃ
Buddhe yo khalito doso
Buddho khamatu taṃ mamaṃ.
(1 lay)
2. **Uttamaṅgena vandehaṃ**
Dhammañca duvidhaṃ varam
Dhamme yo khalito doso
Dhammo khamatu taṃ mamaṃ.
(1 lay)
3. **Uttamaṅgena vandehaṃ**
Saṅghañ ca duvidh'ottamaṃ,
Saṅghe yo khalito doso
Saṅgho khamatu taṃ mamaṃ.
(1 lay)

1. Con đem hết lòng thành kính cúi đầu làm lễ vi trần dưới chân Đức Phật, là Đấng Chí Tôn Chí Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Phật Bảo, cúi xin Phật Bảo xá tội lỗi ấy cho con.
2. Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai hạng Pháp Bảo là Pháp Học và Pháp Hành. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Pháp Bảo, cúi xin Pháp Bảo xá tội lỗi ấy cho con.
3. Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng Bảo là Phạm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng Bảo, cúi xin Tăng Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

Giới tử thọ giới đọc (1 mình đọc Ahaṃ & yācāmi còn 1 nhóm thì đọc mayaṃ & yācāma):

Ahaṃ (mayaṃ) Bhante, tisaraṇena saha pañca-sīlaṃ dhammaṃ yācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me (no), Bhante.

Bạch hoá Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam Quy và ngũ giới nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích.

Dutiyam'pi, ahaṃ (mayaṃ) Bhante, tisaraṇena saha pañca-sīlaṃ dhammaṃ yācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me (no), Bhante.

Bạch hoá Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam Quy và ngũ giới nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì.

Tatiyam'pi, ahaṃ (mayam) Bhante, Bạch hoá Đại đức Tăng, chúng con xin thọ **tisaraṇena saha pañca-sīlaṃ dhammaṃ** trì Tam Quy và ngũ giới nơi Tam Bảo để **yācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ** vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, **detha me (no), Bhante.** lần thứ ba.

Thầy truyền giới đọc:

Yam ahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).

Sư đọc như thế nào, con đọc đúng theo như thế ấy.

Giới tử: **Āma, Bhante.** Xin vâng, bạch Ngài.

Vị thầy đọc phần truyền Tam Quy và Ngũ giới, Giới tử thọ giới đọc theo:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā Sambuddhassa. (x3)

Con đem hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahamaṃ cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (x3)

THỌ TAM QUY

1. Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saraṇaṃgacchāmi. Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

2. Dutiyampi, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyampi, Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyampi, Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

3. Tatiyampi, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Tatiyampi, Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Tatiyampi, Saṅghaṃsaraṇaṃ gacchāmi.

1. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Pháp
Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Tăng.

2. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Tăng, lần thứ nhì.

3. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Tăng, lần thứ ba.

Thầy truyền giới đọc: **Tisaraṇa-gahaṇaṃ pari-puṇṇaṃ.**

Phép Quy Y Tam Bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu.

Giới tử thọ giới đọc: **Āma, Bhante.** Dạ xin vâng, bạch Ngài.

THỌ NGŨ GIỚI

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

3. Kāmesu-micchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

5. Surā-meraya-majja-pamā-daṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.

2. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà hạnh.

4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.

5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ dãi, uống rượu và các chất say.

Thầy truyền giới đọc:

**Tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ
sādhukaṃ-surak-khitaṃ katvā appamādena sampādeṭha.**

*Chư thiện tín sau khi thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo hãy cố gắng
vâng giữ hành theo cho được trong sạch đến trọn đời, chẳng nên dễ dãi.*

Giới tử thọ giới đọc:

Āma, Bhante. Dạ xin vâng, bạch Ngài.

Thầy truyền giới đọc:

**Sīlena sugatiṃ yanti, Sīlena bhogasampadā,
Sīlena nibbutiṃ yanti, Tasmā sīlaṃ visodhaye.**

*Tất cả chúng sanh được sanh về cõi trời cũng nhờ giữ giới. Tất cả chúng sanh được
giàu sang cũng nhờ giữ giới, tất cả chúng sanh được giải thoát nhập Niết-bàn cũng
nhờ giữ giới. Bởi các cố ấy, cho nên chư thiện tín hãy cố gắng thọ trì giới luật cho
được trong sạch đừng để lấm nhơ.*

Giới tử thọ giới đọc: **Sādhu, Sādhu, Sādhu!** Lành thay! Lành thay!

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ
Buddho me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.**

*Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có
Đức Phật là quý báu, nên con phải hết lòng thành
kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc đến cho
con, y như lời chơn thật này.*

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.**

*Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ
có Pháp Bảo là quý báu, nên con phải hết lòng
thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc
đến cho con, y như lời chơn thật này.*

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ
Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.**

*Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ
có Đức Tăng là quý báu nên con phải hết lòng
thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc
đến cho con, y như lời chơn thật này.*

**Idaṃ me ñātinaṃ hotu sukhitā hontu ñātayo. (x3)
Idaṃ vata me puññaṃ āsavakkhayā'ahaṃ hotu.**

DỨT NGHI THỨC THỌ TRÌ TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI

UPOSATHASĪLA

Giới tử sám hối Tam Bảo:

1. **Uttamaṅgena vande'haṃ
Pādapaṃsum var'uttamaṃ
Buddhe yo khalito doso
Buddho khamatu taṃ mamaṃ.**
(1 lay)

2. **Uttamaṅgena vand'ehaṃ
Dhammañca duvidhaṃ varam
Dhamme yo khalito doso
Dhammo khamatu taṃ mamaṃ.**
(1 lay)

3. **Uttamaṅgena vande'haṃ
Saṅghañ ca duvidhottamaṃ,
Saṅhe yo khalito doso
Saṅho khamatu taṃ mamaṃ.**
(1 lay)

THỌ TRÌ BÁT QUAN TRAI GIỚI

1. Con đem hết lòng thành kính cúi đầu làm lễ vi trần dưới chân Đức Phật, là Đấng Chí Tôn Chí Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Phật Bảo, cúi xin Phật Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

2. Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai hạng Pháp Bảo là Pháp Học và Pháp Hành. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Pháp Bảo, cúi xin Pháp Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

3. Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng Bảo là Phạm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng Bảo, cúi xin Tăng Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

Giới tử thọ giới đọc:

1. **Okāsa, ahaṃ (mayam) Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannā-gataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃyācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me(no) Bhante.**
2. **Dutiyam'pi, ahaṃ (mayam) Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannā-gataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me (no) Bhante.**
3. **Tatīyam'pi, ahaṃ (mayam) Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannā-gataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me (no) Bhante.**

1. Bạch hoá Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam Quy và Bát Quan Trai giới nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích.

2. Bạch hoá Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam Quy và Bát Quan Trai giới nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì.

3. Bạch hoá Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam Quy và Bát Quan Trai giới nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ ba.

Thầy truyền giới đọc: **Yam ahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).**

Sư đọc như thế nào, con đọc đúng theo như thế ấy.

Giới tử:

Āma, Bhante. Dạ xin vâng, bạch Ngài.

Thầy truyền giới đọc:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā Sambuddhassa.(x3)

Con đem hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahāṃ cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Giới tử: Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (x3)

Thầy truyền giới đọc, Giới tử đọc theo:

1. **Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**
 2. **Dutiyamaṃ'pi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyamaṃ'pi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyamaṃ'pi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**
 3. **Tatiyamaṃ'pi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Tatiyamaṃ'pi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Tatiyamaṃ'pi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**
1. *Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Pháp Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Tăng.*
 2. *Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Tăng, lần thứ nhì.*
 3. *Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Tăng, lần thứ ba.*

*Thầy truyền giới đọc: Tisarāṇa-gaṇaṃ paripuṇṇaṃ.
Phép Quy Y Tam Bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu.*

Giới tử thọ giới đọc: Āma, Bhante. Dạ xin vâng, bạch Ngài.

NGUYỆN THỌ TRÌ BÁT GIỚI

Thầy truyền giới đọc, Giới tử đọc theo:

1. **Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
 2. **Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
 3. **Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
 4. **Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
 5. **Surā-meraya-majja-pamādaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
 6. **Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
 7. **Nacca-gīta-vādita-visūka-dassanā, mālā-gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsaṇaṭ-ṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
 8. **Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
1. *Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự sát sanh.*
 2. *Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trộm cắp.*
 3. *Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự hành dâm.*
 4. *Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự nói dối.*
 5. *Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự dễ dôi uống rượu và các chất say.*
 6. *Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ.*
 7. *Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự múa hát, thổi kèn, xem múa hát, nghe đờn kèn, trang điểm, thoa vật thơm, dồi phấn và đeo tràng hoa.*

8. Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Thầy truyền giới đọc:

**Tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannā-gataṃ uposadhasīlaṃ dhammaṃ
sādhukaṃ katvā appamādena sampādehi (sampādeṭha).**

*Chư thiện tín sau khi thọ trì Tam Quy và Bát Quan Giới nơi Tam Bảo hãy cố gắng
vâng giữ hành theo cho được trong sạch trọn ngày, chẳng nên dễ duôi.*

Giới tử thọ giới đọc:

Āma, Bhante. Xin vâng, bạch Ngài.

Thầy truyền giới đọc:

**Sīlena sugatiṃ yanti, Sīlena bhogasampadā, sīlena nibbutiṃ yanti,
Tasmā sīlaṃ visodhaye.**

*Tất cả chúng sanh được sanh về cõi trời cũng nhờ giữ giới, tất cả chúng sanh
được giàu sang cũng nhờ giữ giới, tất cả chúng sanh được giải thoát nhập Niết-
bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các cơ ấy, cho nên chư thiện tín hãy cố gắng thọ trì
giới luật cho được trong sạch đừng để lấm nhơ.*

Giới tử thọ giới đọc: **Āma, Bhante.** Dạ xin vâng, bạch Ngài.

- | | |
|---|--|
| <p>1. Natthi me saraṇaṃ aññaṃ
Buddho me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.</p> | <p><i>1. Chẳng có chi đáng cho con phải nương
theo, chỉ có Đức Phật là quý báu, nên con
phải hết lòng thành kính mà nương theo,
đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời
chơn thật này.</i></p> |
| <p>2. Natthi me saraṇaṃ aññaṃ
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.</p> | <p><i>2. Chẳng có chi đáng cho con phải nương
theo, chỉ có Pháp Bảo là quý báu, nên con
phải hết lòng thành kính mà nương theo,
đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời
chân thật này.</i></p> |
| <p>3. Natthi me saraṇaṃ aññaṃ
Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.</p> | <p><i>3. Chẳng có chi đáng cho con phải nương
theo, chỉ có Đức Tăng là quý báu nên con
phải hết lòng thành kính mà nương theo,
đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời
chân thật này.</i></p> |

**Idaṃ me ñātinaṃ hotu sukhitā hontu ñātayo. (x3)
Idaṃ vata me puññaṃ āsavak-khaya-vahaṃ hotu.**

DỨT NGHI THỌ TRÌ BÁT QUAN TRAI GIỚI

TISARAṆENAGAMAṆA CA DASASĀMAṆENAPABBAJASĪLAM

NGHI THỨC XIN MƯỜI GIỚI SA-DI

Sāmaṇena (Sadi) ngồi chồm hổm đánh lễ vị Tỳ-khuru ba lay rồi đọc:

- Uttamaṅgena vandehaṃ Pādapamsum varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso Buddho khamatu taṃ mamaṃ. (1 lay)
- Uttamaṅgena vandehaṃ Dhammañca duvidhaṃ vamaṃ,
Dhamme yo khalito doso Dhammo khamatu taṃ mamaṃ. (1 lay)
- Uttamaṅgena vandehaṃ Saṅghañ ca duvidhottamaṃ,
Saṅhe yo khalito doso Saṅho khamatu taṃ mamaṃ. (1 lay) Ahaṃ (mayam)
Bhante, tisaṇaṇena saha dasasāmaṇena pabbajasīlaṃ dhammaṃ yācāmi
(yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me (no), Bhante.
- Dutiyampi, ahaṃ (mayam) Bhante, tisaṇaṇena sahadadasāmaṇena sīlaṃ
dhammaṃ yācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me (no), Bhante.
- Tatiyampi, ahaṃ (mayam) Bhante, tisaṇaṇena sahadadasāmaṇena sīlaṃ
dhammaṃ yācāmi (yācāma), anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me (no), Bhante.

Bhikkhu (Tỳ-khuru): Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).

Sāmaṇera (Sadi): Āma, Bhante.

Bhikkhu (Tỳ-khuru): Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (x3)

Sāmaṇera (Sadi): Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (x3)

Bhikkhu (Tỳ-khuru):

1. Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
2. Dutiyampi, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyampi, Dhammaṃ
saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyampi, Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
3. Tatiyampi, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Tatiyampi, Dhammaṃ
saraṇaṃ gacchāmi. Tatiyampi, Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Vị Bhikkhu (Tỳ-khuru) tiếp tục: Tisaṇa-gamaṇaṃ paripuṇṇaṃ.

Sāmaṇera (Sadi): Āma, Bhante.

Bhikkhu (Tỳ-khuru):

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
2. Adiṇṇādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
3. Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
5. Surāmeraya majja-pamā-daṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
6. Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
7. Nacca gīta vādita visūka dassanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

8. Mālā-gandha vilepana dhārana maṇḍana vibhū-saṇṭ-ṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
9. Uccāsayana mahāsayanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
10. Jātarūpa rajata-paṭiggahanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Vị Bhikkhu (Tỳ-khuru) tiếp tục:

**Tisaraṇena saha dasasāmaṇera sīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ
surakkhitaṃ katvā appamādena sampādehi**(*sampādetha*).

Sāmaṇera (Sadi): **Āma, Bhante.**

Bhikkhu (Tỳ-khuru): **Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā,
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.**

Sāmaṇera (Sadi): **Sādhu, sādhu, sādhu!**

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena. Hotu me jayamaṅgalaṃ.**

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena. Hotu me jayamaṅgalaṃ.**

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena. Hotu me jayamaṅgalaṃ.**

**Idaṃ me ñātīnaṃ hotu sukhitā hontu ñātayo. (x3)
Idaṃ vata me puññaṃ āsavak-khayā-vahaṃ hotu.**

DỨT NGHI THỨC XIN GIỚI SA-DI

PABBAJITAVIDHĪ – NGHI THỨC XUẤT GIA SA-DI THÁI (Nghi thức theo truyền thống Thái Lan - Campuchia)

Thiện nam tử muốn xuất gia tu tập trong Phật giáo, trước phải tu giới phẩm Sa-di (sāmaṇera) rồi mới tu lên bậc trên thành Tỳ-khuru (bhikkhu) sau đó hoặc thời gian khác. Nghi thức xuất gia Sa-di đã được Đức Phật chuẩn hành từ xưa, có ghi lại trong Luật tạng, bộ Đại phẩm (mahāvagga). Về nghi thức, trước nhất vị thiện nam tử phải tìm đủ y và bát (hàng Sa-di không cần đủ tam y, chỉ cần y vai trái và y nội). Phải tìm nương vị trưởng lão đức hạnh để bái làm thầy tế độ (upajjhāya).

*Sau khi được sự chấp nhận cho xuất gia, phải cạo bỏ râu tóc (việc này cần bố cáo cho tăng biết) thiện nam tử, **bấy giờ là giới tử, hãy mang y bát đến trước mặt vị thầy tế độ, đánh lễ vị ấy ba lạy** rồi đứng lên chấp tay nghiêm trang và tác bạch rằng:*

“Ukāsa vandāmi bhante sabbaṃ aparādhaṃ khamatha me bhante mayā kataṃ puññaṃ sāmīnā anumoditabbaṃ sāmīnā kataṃ puññaṃ mayhaṃ dāttabbaṃ sādhu sādhu anumodāmi. Ukāsa kāruññaṃ katvā pabbajjaṃ detha me bhante.”

(Nghĩa: Bạch Ngài, con thành kính đảnh lễ Ngài. Bạch Ngài, xin hãy xá mọi tội lỗi cho con; phước báo con đã làm xin Ngài tùy hỷ, phước báo Ngài đã tạo hãy cho đến con, lành thay! con xin tùy hỷ. Bạch Ngài, kính xin Ngài hãy vì lòng bi mẫn mà cho con xuất gia).

Rồi ngồi xuống theo **thế ngồi chồm hổm**, chấp tay lên nói tiếp:

“Ahaṃ bhante pabbajjaṃ yācāmi; dutiyampi ahaṃ bhante pabbajjaṃ yācāmi; tatiyampi ahaṃ bhante pabbajjaṃ yācāmi”.

(Nghĩa: Bạch Ngài, con cầu xin được xuất gia; lần thứ nhì, con cầu xin được xuất gia; lần thứ ba, con cầu xin được xuất gia).

Kế đến **giới tử cầm lấy bộ y ca-sa dâng đến tay thầy tế độ** và tác bạch như sau:

“Sabba-dukkha-nissaraṇa-nibbāna-sacchikaraṇat-thāya imaṃ kāsavaṃ gahetvā pabbajetha maṃ bhante anukampaṃ upādāya.” (nói ba lần).

(Nghĩa: vì mục đích chứng ngộ níp bàn và thoát mọi khổ đau, Bạch Ngài, xin Ngài vì lòng bi mẫn mà thu nhận y cà sa này và cho con xuất gia)

Giới tử lại đọc lời này để xin y ca-sa:

“Sabbadukkhanissaraṇanibbānasacchikaraṇat-thāya etaṃ kāsavaṃ datvā pabbajetha maṃ bhante anukampaṃ upādāya.” (nói ba lần).

(Nghĩa: vì mục đích chứng ngộ níp bàn và thoát mọi khổ đau, Bạch Ngài, xin Ngài vì lòng bi mẫn mà cho lại con y ca sa đó và cho con xuất gia).

Khi giới tử dứt lời, Thầy Hòa Thượng hãy trao lại y cà sa cho giới tử và dạy sơ lược về cách quán tưởng khi mặc y phục, đồng thời dạy về đề mục niệm thân thể trước như sau; giới tử phải nói theo từng đề mục:

“Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; Taco, dantā, nakhā, lomā, kesā”.

(Nghĩa: Tóc, lông, móng, răng, da; Da, răng, móng, lông, tóc).

Xong rồi giới tử lui ra đến chỗ khuất mà thay đổi tướng mạo mặc y cà sa vào nghiêm trang đúng luật, mới trở lại trước mặt Thầy Hòa Thượng đảnh lễ Ngài ba lạy, và đứng lên chấp tay tác bạch xin thọ qui giới, như sau:

“Ukāsa vandāmi bhante sabbamaṃ aparādhaṃ khamatha me bhante mayā kataṃ puññaṃ sāminā anumoditabbaṃ sāminā kataṃ puññaṃ mayamaṃ dātappaṃ sādhu sādhu anumodāmi. Ukāsa kāruññaṃ katvā tisaraṇena saha sīlāni detha me bhante.” (nghĩa như trước, đoạn cuối nghĩa là: Bạch Ngài, xin hãy bi mẫn truyền qui giới cho con).

Đoạn **ngồi chồm hổm chấp tay** đọc tiếp:

“Ahaṃ bhante saraṇasīlaṃ yācāmi, dutiyampi ahaṃ bhante saraṇasīlaṃ yācāmi, tatiyampi ahaṃ bhante saraṇasīlaṃ yācāmi”.
(*Nghĩa: Bạch Ngài, con cầu xin thọ qui giới, lần thứ nhì . . . lần thứ ba . . .*)

Thầy Hòa Thượng phán:

“Yam ahaṃ vadāmi taṃ vadehi” (*Ta nói lời nào người hãy nói theo lời ấy*).
Giới tử lãnh giáo: **“Āma bhante”** (*xin vâng, bạch Ngài*).

Thầy Hòa Thượng niệm Phật và giới tử cũng làm theo:

Namo tassa bhagavato arahato sammāsam-buddhassa.
(*Kính lễ Đức Thế Tôn, Ưng Cúng, Chánh Biến Tri*); ba lần.

Tiếp đến, Thầy Hòa Thượng truyền dạy giới tử thọ Tam qui, đọc hai giọng **Nam** và **Bắc** phạn:

- **Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Phật*).
- **Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Pháp*).
- **Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Tăng*).

- **Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Phật, lần thứ nhì*).
- **Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Pháp, lần thứ nhì*).
- **Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Tăng, lần thứ nhì*).

- **Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Phật, lần thứ ba*).
- **Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Pháp, lần thứ ba*).
- **Tatiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (*con thành kính qui y Tăng, lần thứ ba*).

Phải đọc lại tam qui một lần nữa bằng giọng Bắc. Phân biệt giữa giọng Nam và giọng Bắc.

Giọng Nam phát **âm mũ** (nāsikaja) như “Buddhaṃ (**m**) saraṇaṃ (**m**) gacchāmi”... ;
Giọng Bắc phát **âm môi** (oṭṭhaja) **hợp với âm mũ** (nāsikaja) như “buddham (**m**) saraṇam (m) gacchāmi”... vì rằng phẩm mao Sa-di được thành tựu hay không do sau lời tuyên thệ Tam qui (tisaraṇagamana), nên phải phát âm cho đúng chuẩn tiếng Phạn.

Sau phần giới tử đã thọ tam qui, Thầy Hòa Thượng nhắc nhở:

“Tisaraṇa-gaṇaṃ paripuṇṇaṃ” (*phép thọ trì tam qui đã tròn đủ*)

Sa-di lãnh giáo: **“Āma bhante”**.

Thầy tế độ tiếp tục truyền thọ thập giới cho Sa-di:

1. **Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(*Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự sát sanh*).
2. **Adiṇṇādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(*Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trộm cắp*).

3. **Abramhmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự hành dâm).
4. **Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự nói dối).
5. **Surā-meraya-majja-pamā-datṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự uống rượu và các chất say).
6. **Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn phi thời).
7. **Nacca-gīta-vādita-visūka-dassanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ca nhạc khiêu vũ).
8. **Mālāgandha-vilepana-dhārana-mañḍana-vibhū-saṇaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trang điểm đeo tràng hoa xúc hương liệu)
9. **Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa chỗ nằm ngồi cao rộng).
10. **Jātarūpa-rajatap-paṭig-gahanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thọ nhận, cất giữ hoặc bảo người khác thọ lãnh, cất giữ vàng bạc châu báu).

Kết luận, đọc ba lần như sau: **“Imāni dasa sikkhāpadāni samādi-yāmi”**
(Con xin thọ trì cả mười điều học này).

Sa-di đã được truyền thọ mười giới như vậy rồi, đánh lễ Thầy Hòa Thượng.
Tiếp theo đó là làm **ngghi thức bái sư và xin y chỉ (nissaya)**. Sa-di, chấp tay tác bạch như sau:

“Vandāmi bhante sabbam aparādham khama-tha me bhante mayā kataṃ puññaṃ sāminā anumodāmi. Ukāsa kāruññaṃ katvā nissayaṃ detha me bhante.” (Nghĩa: bạch Ngài, con xin đánh lễ Ngài v.v. bạch Ngài, xin Ngài từ bi cho con y chỉ).

Phục xuống **ngôi chõm hõm chấp tay**, đọc tiếp:

“Aham bhante nissayaṃ yācāmi, dutiyampi aham bhante nissayaṃ yācāmi, tatiyampi aham bhante nissayaṃ yācāmi”. **“Upajjhāyo me bhante hohi”.**
(Nghĩa: bạch ngài, con cầu xin pháp y chỉ, lần thứ nhì ... lần thứ ba ... Bạch Ngài, xin hãy là Thầy Tế Độ của con”.

Vị Hòa Thượng chấp nhận bằng lời: **“Sādhu!”** (tốt lắm!)
Hoặc **lāhu, paṭirūpaṃ, opāyikaṃ, pāsādikena, sampādehi ...** một tiếng nào cũng được.

Sa-di cúi đầu bái nhận bằng lời, rồi đọc :

“Ukāsa sampāṭicchāmi. Sampāṭicchāmi. Sampāṭicchāmi.”

(Nghĩa là: thừa, con xin lĩnh hội. con xin lĩnh hội. con xin lĩnh hội.)

vẫn tiếp tục nói:

“Ajjatagge’dāni thero mayham bhāro, ahampi therassa bhāro”. (ba lần).
(Nghĩa: kể từ hôm nay trưởng lão là trọng trách của con, phần con cũng là trọng trách của trưởng lão).

Xong, Sa-di **đánh lễ thầy ba lay** và ngồi xuống nơi phải lễ để nghe thầy dạy dỗ ... từ đây vị Sa-di này phải làm tròn các bổn phận của vị đệ tử đối với Thầy Tế Độ, phải luôn luôn tinh tấn học tập và trau dồi phẩm hạnh Sa-di nếu trong thời gian chưa được tu lên bậc trên.

DỨT NGHI THỨC XUẤT GIA SA-DI

PABBAJITAVIDHĪ – NGHI THỨC XUẤT GIA SA-DI MIẾN

(Nghi thức theo truyền thống Miến Điện – Tham khảo “ Gương Bạc Xuất Gia” tr.151)

Thiện nam tử muốn xuất gia tu tập trong Phật giáo, trước phải tu giới phẩm Sa-di (Sāmaṇera) rồi mới tu lên bậc trên thành Tỳ-khuru (Bhikkhu). Sa-di thuộc dòng dõi con cái của Sa môn nói chung và cũng là con của thầy tế độ nói riêng, để kế thừa truyền thống dòng dõi của Sa môn, để giữ gìn và duy trì giáo pháp của Đức Phật.

Sau khi cạo bỏ râu tóc, Giới tử đến đánh lễ Cha Mẹ hoặc thân quyến ba lay, rồi đọc kệ sám hối với Cha Mẹ:

**“Kính thưa Cha Mẹ tường tri, Nghĩ suy con sợ lỗi nghi ơn trên,
Từ khi hình thể có nên, Mẹ Cha bảo dưỡng kề bên không rời,
Nặng nề cực nhọc lắm ôi, Chăm nom con trẻ nghĩ thôi sao cùng!
Tân dịch đại tiểu tiện cùng, Các vật uest trước ung dung lau chùi,
Giặt rửa, Cha Mẹ vẫn vui, Chẳng hề nhòm góm những mùi thối tha,
Từ bi thay, lòng Mẹ Cha, Ôn tày trời đất, khó mà đáp xong!
Cầu cho Cha Mẹ thấy đồng, Đắc thành Phật quả, thoát vòng tai ba.”**

Sau đó xin y bát từ Cha Mẹ hoặc thân quyến hoặc thí chủ dâng cho.

Giới tử mang y bát đến trước mặt vị Thầy Tế độ, đánh lễ vị ấy ba lay.

Sāmaṇena (Sadi) ngồi chồm hổm đánh lễ vị Tỳ-khuru ba lay rồi đọc:

- **Uttamaṅgena vandehaṃ Pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso Buddho khamatu taṃ mamaṃ.** (1 lay)
- **Uttamaṅgena vandehaṃ Dhammañca duvidhaṃ varam,
Dhamme yo khalito doso Dhammo khamatu taṃ mamaṃ.** (1 lay)
- **Uttamaṅgena vandehaṃ Saṅghañ ca duvidhottamaṃ,
Saṅhe yo khalito doso Saṅho khamatu taṃ mamaṃ.** (1 lay)

Nghi Thức dâng y: Giới tử để tấm y cà-sa nằm ngang trên hai cánh tay nâng cao, hai bàn tay chắp lại, ngồi chồm hổm đọc:

**Sakala-vaṭṭadukkha-nissaraṇa-nibbānas-sacchi-karaṇat-thāya,
imaṃ kāsavaṃ gahetvā, pabbajetha maṃ Bhante, anukampaṃ upādāya.**

“Kính bạch Đại đức, xin Ngài nhận tấm y cà-sa trên tay con, mong Ngài thương xót,

cho con thọ Sa-di, hầu mong chứng ngộ Niết-bàn, pháp giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ sanh tử luân hồi.”

Vị Thầy Tế độ nhận tấmy của Giới tử đang dâng.

Nghi Thức xin y cà sa: Giới tử **đảnh lễ Thầy Tế độ ba lạy, ngồi chồm hóm, chắp hai tay ngang trán** đọc:

**Sakala-vatṭadukkha-nissaraṇa-nibbānas-sacchi-karaṇat-thāya,
etaṃ kāsavaṃ datvā, pabbajetha maṃ Bhante, anukampaṃ upādāya.**

“Kính bạch Đại Đức, xin Ngài cho con tấmy cà-sa kia. Xin Ngài thương xót con, cho con thọ Sa di, hầu mong chứng ngộ Niết-bàn, pháp giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ sanh tử luân hồi.”

Thầy Tế độ trao lại y cà-sa cho Giới tử và dạy sơ lược về cách quán tưởng khi mặc y phục, đồng thời dạy những đề mục niệm thân thể trước; Giới tử lặp lại theo từng đề mục như sau:

**Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; Tóc, lông, móng, răng, da;
Taco, dantā, nakhā, lomā, kesā. Da, răng, móng, lông, tóc.**

Thầy tế độ trao Y Bát cho giới tử, Giới tử đưa 2 tay cung kính đón nhận tấmy cà sa từ trên tay của Thầy tế độ, **đi bằng 2 đầu gối lui ra.** Thay y phục đời, khoác những tấmy cà sa vào.

Nghi Thức sám hối: Giới tử sau khi mang y bát chỉnh tề, bung khay đèn và hoa đến dâng vị Thầy Tế độ, **đảnh lễ ba lạy, ngồi chồm hóm chắp hai tay ngang trán** đọc bài sám hối:

Kính bạch Đại Đức, xin phép Ngài, con xin thành tâm sám hối những lỗi lầm do sự cố ý hay vô ý phạm đến Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng - Tam Bảo; cùng các bậc Thầy Tổ từ trước cho đến hiện tại này. Kể từ nay về sau, con hết sức cố gắng thu thúc không để tái phạm. Kính xin Ngài chứng minh và nhận biết những lỗi lầm mà con đã sám hối.

Bạch Ngài, Do tác ý thiện tâm này, khiến cho tất cả mọi điều tai hại không xảy đến với con, ý nguyện xuất gia giải thoát khổ tử sanh luân hồi của con sớm được thành tựu. (3 lạy)

Thầy Tế độ khuyên dạy Giới tử:

Này Giới tử! Con đã nhận biết lỗi lầm của mình, do sự cố ý hay vô ý phạm đến Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng - Tam Bảo cùng các bậc Thầy Tổ từ trước cho đến nay. Sự chứng minh và chấp nhận sự thành tâm sám hối, sửa chữa của con. Vậy từ nay về sau, con phải nên cố gắng thu thúc, tránh không nên để tái phạm. Người nào nhận biết được lỗi lầm của mình, biết sám hối sửa chữa đúng theo pháp luật của Đức Phật thì người ấy chắc chắn tiến hoá mọi thiện pháp trong giáo pháp của Như Lai.

Giới tử: **Sādhu! Sādhu! Sādhu!**

Giới tử **đảnh lễ vị Thầy Tế độ ba lạy, ngồi chồm hóm chắp tay ngang trán** đọc:

•**Bhante saṃsāra-vaṭṭa-dukkhato mocanat-thāya pabbajjaṃ yācāmi.**

•**Dutiyampi, Bhante saṃsāra-vaṭṭa-dukkhato mocanat-thāya pabbajjaṃ yācāmi**

- **Tatiyampi, Bhante saṃsāra-vaṭṭa-dukkhato mocanat-thāya pabbajjaṃ yācāmi.**

Kính bạch Đại đức, con xin phép thọ Sa di, hầu mong giải thoát khổ sanh tử luân hồi trong tam giới. Bạch Ngài. (lần thứ nhì) (lần thứ ba)

Giới tử ngồi chồm hổm, chắp hai tay ngang trán rồi đọc:

- **Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasasāmaṇera pabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.**
- **Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasasāmaṇera pabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.**
- **Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇera saha dasasāmaṇena pabbajjasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.**

Kính bạch Đại đức, cho con xin thọ trì Tam Quy cùng Sa-di mười giới; kính xin Đại đức từ bi truyền Tam Quy cùng Sa-di mười giới cho con. (lần thứ nhì. lần thứ ba.)

Giới tử dành lễ vị Thầy ba lạy Thầy Tế độ phán:

Yam ahaṃ vadāmi taṃ vadehi (vadetha).

Ta nói lời nào hãy nói theo lời ấy. (Nhiều Giới tử thì thay chữ "vadehi" bằng chữ "vadetha")

Giới tử lãnh giáo:

Āma, Bhante. Xin vâng, bạch Ngài.

Thầy Tế độ niệm Phật xong, Giới tử đọc lại 3 lần:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsam-Buddhassa.^(x3)

Con đem hết lòng thành kính làm lễ Đức Phá-gá-va (Thế Tôn) đó, Ngài là bậc Á-rá-han (Ứng Cúng) cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (3 lần)

*Tiếp đến, Thầy tế độ truyền dạy giới tử thọ Tam qui, đọc hai giọng **Nam** và **Bắc** phạn: Giọng Nam phát **ām mūi** (nāsikaja) như "Buddhaṃ (**m**) saraṇaṃ (**m**) gacchāmi"... ;*

- **Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Phật).
- **Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Pháp).
- **Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Tăng).
- **Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Phật, lần thứ nhì).
- **Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Pháp, lần thứ nhì).
- **Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Tăng, lần thứ nhì).
- **Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Phật, lần thứ ba).
- **Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Pháp, lần thứ ba).
- **Tatiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi** (con thành kính qui y Tăng, lần thứ ba).

Phải đọc lại tam qui một lần nữa bằng giọng Bắc. Giọng Bắc phát âm môi (oṭṭhaja) hợp với âm mũi (nāsikaja) như “Buddham (m) saraṇam (m) gacchāmi”... vì rằng phẩm mạo Sa-di được thành tựu hay không do sau lời tuyên thệ Tam qui (tisaraṇagamana), nên phải phát âm cho đúng chuẩn tiếng Phạn.

Và sau phần Giới tử đã thọ Tam Quy, Thầy Tế độ nhắc nhở:

Tisaraṇa-gaṇaṃ paripuṇṇaṃ. Phép thọ trì Tam Quy đã tròn đủ.

Sa-di lãnh giáo: **Āma, Bhante.** Dạ xin vâng, bạch Ngài.

Thầy Tế độ tiếp tục truyền thọ Thập Giới cho Sa-di:

- 1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự sát sanh).
- 2. Adiṇṇādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trộm cắp).
- 3. Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự hành dâm).
- 4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự nói dối).
- 5. Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự uống rượu và các chất say).
- 6. Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn phi thời).
- 7. Naccagītavāditavisūkadassanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ca nhạc khiêu vũ)
- 8. Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsaṇaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trang điểm đeo tràng hoa xức hương liệu)
- 9. Uccā-sayana-mahā-sayanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa chỗ nằm ngồi cao rộng).
- 10. Jātarūpa-rajatap-paṭiggahanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
(Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thọ nhận, cất giữ hoặc bảo người khác thọ lãnh, cất giữ vàng bạc châu báu).

Thầy Tế độ: **Tisaraṇena saha dasa sāmaṇera-pabbajja-sīlaṃ dhammaṃ.**

sādhukaṃ katvā, appamādena sampadehi (sampadetha).

(Con đã thọ trì Tam Quy cùng Sa-di mười giới, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp, bằng pháp không dễ duôi.)

Sa-di đọc tiếp: **Āma, Bhante.** Dạ xin vâng! Bạch Ngài.

Sa-di đánh lễ Thầy ba lạy, rồi **ngồi chồm hóm, chắp hai tay ngang trán** đọc:

Upajjhāyo me Bhante hohi. Kính bạch Đại đức, xin Ngài là Thầy Tế độ của con.

Vị Đại Đức chấp thuận làm Thầy Tế Độ dạy rằng:

Pāsādikena sampādehi. Con hãy nên thực hành đầy đủ giới, định, tuệ, được thể hiện qua thân, khẩu và ý xứng đáng để làm tăng trưởng đức tin. (Nếu có nhiều vị Sa di thì thay chữ "sampādehi" bằng "sampādetha").

Sa-di đọc tiếp: **Āma, Bhante.** Dạ xin vâng! Bạch Ngài.

Sa-di đọc tiếp: **Ajjatagge thero mayham bhāro, ahampi therassa bhāro.** (3 lần).

Kể từ nay về sau, xin Đại Đức có phận sự dạy dỗ con,
và con cũng có phận sự lo hầu hạ Đại Đức.

Xong, Sa-di đánh lễ Thầy Tế độ ba lạy và ngồi xuống nơi phải lễ để nghe Thầy dạy dỗ... Từ đây vị Sa-di này phải làm tròn các bốn phận của vị đệ tử đối với Thầy Tế Độ, phải luôn luôn tinh tấn học tập và trau dồi phẩm hạnh Sa-di.

DỨT NGHI XUẤT GIA SA-DI (Miến)

TÁC BẠCH LỄ TRAI TẶNG, TỨ VẬT DỤNG HỒI HƯỚNG HƯƠNG LINH CHIA PHƯỚC CHƯ THIÊN & THÂN BẰNG QUYẾN THUỘC

CÁCH 1. Tác bạch dâng LỄ TRAI TẶNG:

Bạch hóa chư Đại Đức Tăng được rõ: **Hôm nay là ngày...tháng ...năm ... nhằm ngày... tháng... năm... (âm lịch)** /những thực phẩm này của chúng con làm, /hiệp theo lễ đạo, / được cũng hiệp theo lễ đạo, /chúng con xin dâng những thực phẩm này, gọi là lễ Trai Tăng, /có cả món ăn phụ tùy, /dâng cúng đến chư Tăng, /xin Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng chứng minh./Xin chư Đại Đức Tăng hoan hỷ nhận lãnh cho chúng con được sự lợi ích, sự tấn hoá, sự an vui lâu dài.

Chúng con xin chia sẻ, /phần phước thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /nhất là chư Thiên ngự trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, /chư Thiên ngự trên xung quanh ngôi chùa này, /chư Thiên ngự xung quanh ngôi nhà này, /Cầu xin các ngài hoan hỷ thọ lãnh, /và hộ trì cho tất cả chúng con, /được tai qua nạn khỏi, /tật bệnh tiêu trừ, /gia đạo thái hòa./ Và xin chư Thiên hoan hỷ báo truyền, /cho chư hương linh đã quá vãng, /nhất là (ông bà...), / cùng cứu huyền thất tổ, /thân bằng quyến thuộc, /ông bà cha mẹ, /nội ngoại hai bên./Và xin cho các vị đó, /hay biết rằng: /phước báu của lễ Trai Tăng này, /về phần các vị đó, /và xin các vị đó /được phép thọ hưởng tùy ý. Sau khi thọ hưởng rồi, /thì được thoát khỏi những điều lao khổ, /được tái sanh về nơi nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm, /được kết quả làm người, /quả trời, /cùng quả Niết-Bàn./ Do theo phước báo, chảy vào không dứt./**Lần thứ nhì, lần thứ ba./**

CÁCH 2. Tác bạch dâng trai tăng:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng !

Hôm nay là ngày...tháng ...năm ... nhằm ngày... tháng... năm... (âm lịch)

Gia đình thí chủ xin đặt bát đến chư Đại Đức Tăng, những thực phẩm này của chúng con làm, hiệp theo lễ đạo, được cúng hiệp theo lễ đạo. Chúng con xin dâng cúng đến chư Đại Đức Tăng, Kính mong chư Đại Đức Tăng hoan hỷ thọ nhận. Sau khi thọ lãnh xong rồi, xin chư Đại Đức Tăng từ bi tế độ tụng kinh chia phước đến con và các vị ân nhân, thân bằng quyến thuộc đã quá vãng của chúng con. Nhất là (**danh sách**) Cầu mong cho các vị ấy hằng được sự an vui, thoát khỏi những vòng lao khổ được tái sinh vào nơi nhàn cảnh, được kết quả làm người, quả trời, cùng quả Niết-Bàn.

Và xin chư Đại Đức Tăng tụng kinh chia phước đến các vị ân nhân, thân bằng quyến thuộc của chúng con còn trong hiện tại nhất là (**danh sách**) Và tất cả chúng con hiện diện nơi đây cho được sự an vui, tấn hoá, và hạnh phúc lâu dài, cho đặng thành tựu những hạnh phúc, khiến cho mọi sự khổ não, lo sợ, tật bệnh, thảy đều được tiêu tan.

Và phần Phước thiện ngày hôm nay chúng con xin chia phước đến thân bằng quyến thuộc nội ngoại hai bên đã quá vãng hoặc còn trong hiện tại cầu mong cho các vị ấy hằng được sự an vui. **Lần thứ nhì, Lần thứ ba !**

⇒ Chư Tăng bắt đầu tụng kinh chúc phúc. Sau phần tụng kinh chúc phúc hoan hỷ phước của tín chủ, các Phật Tử cùng đọc lên phần hồi hướng sau đây:

Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng: (Xem nội dung phần hồi hướng)

[Con xin hồi hướng quả này, Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường;...]

[Phước căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên...]

[Chư Thiên ngự trên hư không ...]

[Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây,...]

[Idam no ñātinaṃ...]

BUỔI LỄ TRAI TĂNG HOÀN MÃN

LỜI TÁC BẠCH DÂNG CÚNG TỨ VẬT DỤNG

Kính Bạch chư Đại Đức Tăng, chúng con xin thành kính dâng những tứ vật dụng này đến Chư Tăng, Có trị giá tương đương (.....VNĐ/USD), gửi nơi người hộ TĂNG. Khi Chư tăng có nhu cầu xin tùy hỷ liên hệ người hộ tăng . Cầu xin chư Đại Đức Tăng hoan hỷ nhận lãnh cho chúng con được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự an vui lâu dài, phước lành này của con nguyện là duyên chứng ngộ Niết bàn. **lần thứ nhì.....lần thứ ba.**

• Lưu Ý:

- Cần hỏi chư tăng trước ai là Kappiya (Người hộ tăng) và liên hệ với kappiya trước.
- 1 vị thì thay đổi là bạch sự. Nếu cúng riêng cho từng vị bao nhiêu cần tác bạch rõ ngay từ đầu.
- Nếu dâng cúng riêng cho chùa để xử lý điện nước và chi phí xây dựng thì bạch ngay từ đầu.

TÁC BẠCH DÂNG Y, ĐẶT BÁT, AN VỊ PHẬT TẠI NHÀ

1. Tác Bạch Dâng Cúng: Hôm nay ngày... tháng.... năm..., /nhằm ngày... tháng..., năm... /Gia đình chúng con, /cùng anh chị em Phật tử, / (dâng những gì liệt kê ra cái ấy) sấm sửa hoa quả hương đăng, /cơm bánh vật thực, /y áo, tịnh tài, /để đặt bát, /và kính dâng lên chư Đại Đức Tăng /Chúng con kính mong, /chư Đại Đức Tăng /hoan hỷ thọ lãnh cho chúng con, /được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự an vui lâu dài.

2. Tác Bạch Chia Phước: Sau khi thọ lãnh rồi, /cầu xin các ngài hoan hỷ **tụng kinh an vị Phật**, /và tụng kinh chia phước, /cho cha mẹ hiện tiền của chúng con, **(nhất là...)**, /để ngăn ngừa tránh khỏi, /những điều rủi ro tai hại, /cho đặng thành tựu những hạnh phúc, /khiến cho tất cả các sự khổ não, /kinh sợ và bệnh tật, /thấy đều tiêu tan.

Chúng con xin chia sẽ, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến chư Thiên và nhân loại, /nhất là vua trời để thích/ chư Thiên ngự trên cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương, /chư Thiên ngự xung quanh ngôi nhà này. /Đồng thời, /chúng con xin hồi hướng, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến chư hương linh đã quá vãng **(nhất là...)**/cầu mong cho các vị ấy, /sớm được tái sinh về nơi nhàn cảnh./
Lần thứ nhì. /Lần thứ ba.

*Chư Tăng tụng kinh phúc chúc xong. Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng:
(Xem nội dung phần hồi hướng)*

[Con xin hồi hướng quả này, Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường;...]

[Phước căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên...]

[Chư Thiên ngự trên hư không ...]

[Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây,...]

[Idam no ñātīnam...]

BUỔI LỄ HOÀN MÃN

Kinh Nhật Tụng Nam Tông – Biên Soạn TK.Đức Hiền

TÁC BẠCH DÂNG LIÊU CỐC

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDHASSA. (3 lần)

Mayaṃ bhante imaṃ kuṭṭiṃ-kāretvā cātud-disassa bhikkhu-saṅghassa dema. Sādhū bhante bhikkhu-saṅgho imaṃ kuṭṭiṃ paṭig-gaṇhātu amhākaṃ dīgha-rattaṃ atthāya hitāya sukhāya. Dutiyampi. Tatiyampi.

Nghĩa Việt: Kính bạch chư Đại Đức Tăng, | chúng con đã **xây cất xong ngôi cốc liêu này**, /chúng con xin dâng cúng đến chư Tăng./Lành thay, bạch hóa chư Đại Đức Tăng, /cầu xin chư Đại Đức Tăng, /nhận lãnh và thọ dụng liêu cốc này, /cho chúng con được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự an vui lâu dài.
/Lần thứ nhì. /Lần thứ ba. /

⇒ *Chư Tăng tụng kinh phúc chúc xong. Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng*

TÁC BẠCH DÂNG Y TẮM MƯA

(An cư trong 3 tháng hạ)

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDHASSA. (3 lần)

Mayaṃ bhante imāyo **vassika-sāti-kāyo**¹ idhā-netvā **saṅghassa**² dema sādhu bhante **saṅgho**³ imāyo vassika-sāti-kāyo paṭiggaṇhātu amhākam dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya. (Dutiyampi. Tatiyampi).

Nghĩa Việt: Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /chúng con xin mang đến đây, /những y tắm mưa này, /xin dâng cúng đến chư Tỳ khưu Tăng. /Lành thay, /kính bạch chư Đại Đức Tăng, /kính mong chư Đại Đức Tăng, /nhận lãnh và thọ dụng, / các y tắm mưa này, /cho chúng con được sự lợi ích, /sự tiến hóa, sự an vui lâu dài. /Lần thứ nhì. /Lần thứ ba.

Chư Tăng tụng kinh phúc chúc xong. Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng.

Ghi Chú:

- 1 Nếu chỉ có một y tắm mưa thì nói “**imaṃ vassika-sātikam**”, lá y tắm mưa này.
- 2 Nếu dâng cúng đến 2, 3 vị Tỳ khưu thì nói “**āyasmantānaṃ dema**”, dâng cúng đến quý ngài.
- 3 Đối với 2,3 vị Tỳ khưu thì nói “**āyasmantāto... paṭiggaṇhantu**”, mong quý ngài nhận lãnh. Đối với mọi vị Tỳ khưu thì nói “**āyasmā paṭiggaṇhātu**”, mong ngài thọ lãnh.

Kinh Nhật Tụng Nam Tông – Biên Soạn TK.Đức Hiền

PHẦN NGHI LỄ DÂNG Y KATHINA CỦA THÍ CHỦ

Tổ Chức Lễ Dâng Y Kathina

Mỗi ngôi chùa có thí chủ làm lễ dâng y kathina đến chư Tỳ khưu Tăng đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa, tại ngôi chùa ấy. Buổi lễ dâng y kathina thường được tổ chức rất long trọng như một ngày lễ hội trong chùa. Những thí chủ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có cơ hội tốt rất hiếm có được làm lễ dâng y kathina đến chư Tỳ khưu Tăng đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa xong. Đó là một dịp may, một vinh hạnh lớn lao đối với thí chủ.

Trong thời nay, phần đông thí chủ không dâng vải may y kathina (kathinadussa), mà đã may thành tấm y sẵn, làm lễ kính dâng y kathina (kathinacīvara) đến chư Tỳ khưu Tăng tại một ngôi chùa, hoặc một nơi rừng núi, hang động,... Như vậy, tất cả chư Tỳ khưu Tăng không phải vất vả lo may tấm y cho xong trong ngày hôm ấy, để cho vị Tỳ khưu làm lễ thọ y kathina của chư Tăng.

Nghi Thức - Lời Cảm Tưởng

Sau khi các Phật tử, cận sự nam, cận sự nữ, lễ bái Tam Bảo, kính xin thọ trì phép Tam quy và ngũ giới hoặc bát giới xong, trước sự hiện diện của chư Tỳ khưu Tăng, một thí chủ thay mặt tất cả các thí chủ bạch với chư Tỳ khưu Tăng rằng:

“Kính bạch chư Đại Đức Tăng, tất cả chúng con hết lòng thành kính đảnh lễ chư Đại Đức Tăng, kính xin quý Ngài cho phép con thay mặt các thí chủ nói lên cảm tưởng của chúng con.

Đức Phật dạy: “**Buddhuppādo dullabho lokasmim**” Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian này là một điều khó được, rất hiếm có, thật vô cùng hi hữu. Cũng như vậy, Đức Pháp Bảo, Đức Tăng Bảo xuất hiện trên thế gian này cũng là điều khó được, rất hiếm có, thật vô cùng hi hữu. Như vậy, lễ dâng y kathina đến chư Tỳ khuru Tăng cũng phải là điều khó được, rất hiếm có, thật vô cùng hi hữu. Mà chính hôm nay, tất cả chúng con có cơ hội tốt, một dịp may hiếm có, một vinh hạnh lớn lao, được làm buổi lễ dâng y kathina đến chư Tỳ khuru Tăng đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại.....này.

Tất cả chúng con thành kính tri ân sâu sắc chư Tỳ khuru Tăng tại..... và chư Đại đức Tăng đã đến tham dự buổi lễ dâng y kathina, theo sự thỉnh mời của chúng con.

Kính thưa quý Ngài, tuy Phật Giáo vẫn lưu truyền trên thế gian, chư Tỳ khuru Tăng vẫn còn hiện hữu, nhưng không phải có mặt khắp mọi nơi. Cho nên chúng con phải chờ đợi qua một thời gian lâu, mãi đến hôm nay, tất cả chúng con mới có được cơ hội tốt, một dịp may hiếm có, một vinh hạnh lớn lao, được làm buổi lễ dâng y kathina đến chư Tỳ khuru Tăng tại.....Bởi vì, trong một năm có 12 tháng, chỉ có một tháng, tất cả chúng con có cơ hội tốt, có duyên lành làm buổi lễ dâng y kathina. Trong một tháng có 30 ngày, tại này, tất cả chúng con chỉ có một ngày duy nhất này, mà trong ngày này có 24 giờ, tất cả chúng con chỉ có được giờ này là giờ làm buổi lễ dâng y kathina đến chư Tỳ khuru Tăng mà thôi. Như vậy, tất cả chúng con không hoan hỷ làm sao được! Thật ra chúng con vô cùng hoan hỷ! Và chúng con vô cùng biết ơn chư Tỳ khuru Tăng đã dành cho tất cả chúng con nguồn phước thiện vô lượng, niềm hạnh phúc vô biên này. Cho nên chúng con không tìm thấy có danh từ ngôn ngữ nào diễn tả được. Tất cả chúng con thành kính đảnh lễ chư Đại Đức Tăng với tất cả tấm lòng tôn kính và tri ân của chúng con. Tiếp theo chúng con xin phép làm buổi lễ dâng y kathina”.

Người thí chủ thay mặt tất cả các thí chủ, hai tay nâng tấm y kathina (kathinacīvara) hướng dẫn tất cả các thí chủ khác đồng thanh đọc bài dâng y kathina cùng với các thứ vật dụng được phát sinh cùng trong lễ dâng y kathina ấy. Tấm y kathina cùng tất cả các thứ vật dụng đều kính dâng đến chư Tỳ khuru Tăng tại..... bằng tiếng Pāli và dịch ra tiếng Việt như sau:

Lời Dâng Y Kathina (Kathinacīvaradāna)

Mayaṃ Bhante, samasaddhā samachandā samacittā saṅgama, Buddhaṃ, Dhammaṃ, Saṅghaṅceva kaṃmaṃ kaṃmaphalaṅca saddahitvā, saṃsāraṃpaṭṭadukkhato mocanattāya, Nibbānassa sacchikaraṇattāya, imaṃ saparivāraṃ kaṭhinacīvaraṃ “**Tên chùa araṅṅe**” bhikkhusaṃghassa sakkaccaṃ damma, kaṭhinaṃ attharituṃ. Sādhū no Bhante, bhikkhusaṃgho imaṃ saparivāraṃ kaṭhinacīvaraṃ paṭiggaṇhātu, paṭiggaṇhitvā iminā kaṭhinacīvarena kaṭhinaṃ attharatu, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya, hitāya, sukhāya.

Tất cả chư Tỳ khuru đồng thanh nói lên lời hoan hỷ: **Sādhū! Sādhū! Sādhū!**

Ý nghĩa: Kính bạch chư Đại đức Tăng được rõ:

Tất cả chúng con có đồng đức tin, đồng nguyện vọng, đồng tâm trí, tin nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, có nguyện vọng mong chứng ngộ Niết Bàn, để giải thoát khổ tử sinh luân hồi, cho nên, tất cả chúng con thành kính làm lễ dâng y kathina cùng với các thứ vật dụng này, đến chư Tỳ khuru Tăng đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại "**Tên chùa**"(2).

Kính bạch chư Đại đức Tăng, kính xin quý Ngài từ bi tế độ thọ nhận y kathina cùng với các thứ vật dụng này, khi quý Ngài thọ nhận xong, xin quý Ngài làm lễ thọ y kathina với tấm y này, để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài.

Tất cả chư Tỳ khuru Tăng đồng thanh nói lên lời hoan hỷ: *Lành thay! Lành thay! Lành thay!*

Một thí chủ thay mặt toàn thể thí chủ tự tay đem tấm y kathina dâng đến chư Tỳ khuru Tăng; vị Đại Trưởng Lão thay mặt chư Tăng thọ nhận tấm y kathina để làm lễ thọ y kathina đúng theo luật của Đức Phật đã ban hành.

Phát nguyện - Hồi hướng

Sau khi những thí chủ dâng tấm y kathina cùng với những thứ vật dụng đến chư Tỳ khuru Tăng xong, trở về chỗ ngồi, hướng dẫn mọi người thành tâm phát nguyện rằng:

Idaṃ me kaṭhina-dānaṃ āsavak-khayā-vahaṃ hotu.

Nguyện cầu phước thiện dâng y kathina này, dẫn dắt con chúng đắc đến Arahán Thánh Đạo Arahán Thánh Quả, diệt đoạn tuyệt được mọi phiền não trầm luân.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Cầu mong phước thiện dâng y kathina thanh cao này được thành tựu đến thân bằng quyến thuộc của tất cả chúng con, cầu mong cho những thân bằng quyến thuộc được thoát khỏi cảnh khổ, được an lạc lâu dài.

Imaṃ puñña-bhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesa-sabbasattā-nañca dema, sabbepi te puñña-pattiṃ laddhāna, sukhitā hontu.

Chúng con thành tâm chia phần phước thiện dâng y kathina thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân bằng quyến thuộc, bạn bè cùng tất cả chúng sinh đồng nhau cả thấy, cầu mong tất cả quý vị hoan hỷ thọ hưởng phần phước thanh cao này rồi, được thoát khỏi mọi cảnh khổ, được an lạc lâu dài.

Người thí chủ thay mặt thưa rằng:

- ***Kính thưa tất cả quý vị, phần phước thiện của lễ dâng y kathina của tất cả chúng ta được thành tựu mỹ mãn, về phần vật thí, tuy kẻ ít người nhiều, song về phần phước thiện buổi lễ dâng y kathina thanh cao, tất cả chúng sanh nói chung, mỗi người trong chúng ta nói riêng, phước thiện đồng đều nhau cả thấy.***

Kính xin quý vị đồng nói lời hoan hỷ: ***Sādhu! Sādhu! Anumodāma!*** (3 lần)

(Xong phần nghi lễ dâng y kathina của tất cả các thí chủ)

Lễ Dâng Y Kathina - Biên Soạn SƯ ÔNG HỘ PHÁP

NGÀY LỄ QUAN TRỌNG TRONG TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

1. **Rằm tháng Giêng** - Ngày Đại hội Chư Thánh Tăng (Māgha Pūjā): Kỷ niệm ngày 1.250 vị A-la-hán đệ tử, tuy không hẹn trước mà cùng nhau về đánh lễ Đức Phật gần thành Rājagaha. Do đó, ngày này được chư Tăng và Phật tử xem như là ngày Tăng Bảo (**Sangha Day**). Trong dịp đó, Đức Phật giảng một bài pháp làm căn bản cho các giới luật sau này ("**Ovāda-pātimokkhaḅhāthā**"), tóm tắt qua các câu kệ được ghi lại trong kinh Pháp Cú (câu kệ 183, 184, 185). Đây cũng là ngày kỷ niệm Đức Phật di chúc, như đã ghi lại trong kinh Đại Bát Niết Bàn (Trường Bộ Kinh Dīghanikāya), khi Đức Phật cho biết rằng Ngài sẽ nhập diệt sau 3 tháng (ngày Phật hứa Ma Vương).
2. **Rằm tháng Tư - Ngày Tam Hợp (Vesakhā Pūjā)**: Đại Lễ Tam Hợp là lễ kỷ niệm 3 dịp trọng đại: **Đức Bồ Tát Sanh, Đức Bồ Tát Thành Đạo, và Đức Phật Nhập Niết Bàn**. Đây là ngày lễ quan trọng nhất của Phật Giáo. Theo kinh điển Nguyên Thủy, Đức Phật sinh năm 623 T.C.N, xuất gia năm 29 tuổi, thành đạo năm 35 tuổi. Ngài hoàng dương Chánh Pháp trong 45 năm và nhập diệt năm 543 T.C.N. khi Ngài 80 tuổi. Do đó, ngày này được chư Tăng và Phật tử xem như là ngày Phật Bảo (**Buddha Day**).
3. **Rằm tháng Sáu**: Ngày Chuyển Pháp Luân (Āsāha Pūjā): Đây là ngày Đức Phật giảng bài pháp đầu tiên -Kinh Chuyển Pháp Luân (Tương Ưng Bộ Kinh) -- về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo, cho 5 anh em Kondañña (Kiều Trần Như). Do đó, ngày này được xem như là ngày Pháp Bảo (**Dhamma Day**). Trong truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy (Theravāda), sau ngày này là các vị Tỳ khưu bắt đầu nhập hạ (an cư kiết hạ) trong 3 tháng từ 15 tháng 6 Âm lịch đến hết ngày 15 tháng 9 âm lịch.
4. **Rằm tháng Bảy**: Lễ Vu Lan là ngày báo hiếu cha mẹ; được xem là một truyền thống tốt đẹp để nhắc nhở những người con Phật nói chung. Đây là ngày lễ chỉ có ở Việt Nam, và Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam cũng xem như một ngày lễ Báo Hiếu cha mẹ còn hiện tiền cũng như quá vãng. Noi theo hạnh báo hiếu của trưởng lão Xá Lợi Phất, cuối đời đã độ mẹ mình đắ đạo quả nhập lưu.
5. **Rằm Tháng Chín**: Ngày Tự Tứ (**Pavāranā Day**): Còn gọi là ngày mãn Hạ, sau 3 tháng nhập hạ của chư tăng. Sau đó, một buổi lễ Dâng Y Kathina được cử hành trong tháng do các cư sĩ tổ chức, cúng dường tứ vật dụng đến chư Tăng để các ngài đi hoàng dương Chánh Pháp.
6. **Rằm tháng Mười**: Ngày Quán Niệm (**Anāpānasati Day**): Còn gọi là ngày Tĩnh Tâm, kỷ niệm ngày Đức Phật giảng một bài kinh rất quan trọng trong việc hành thiền. Đó là bài kinh Quán Niệm Hơi Thở (Anāpānasatisuttam), đã được ghi lại như là bài kinh số 118 trong Trung Bộ Kinh (Majjhimanikāya).

Tham khảo & Tổng hợp các sự kiện.

KỆ NGÀY TAM HỢP VESAK (ĐÊM RẰNG THÁNG TƯ)

KỆ ĐẢN SANH *Suttantapīṭaka, Dīghanikaya
Mahāvaggapāḷi, Mahāpadānasuttaṃ (14)*

**Aggohamasmi lokassa, Jeṭṭhohamasmi
lokassa, Seṭṭhohamasmi lokassa,
Ayamantimā jāti,
Natthidāni punabbhavo.**

KỆ THÀNH ĐẠO (Kệ Khải Hoàn)
*Suttantapīṭaka, Khuddhakanikaya, Dhammapada, 11.
Jarāvagga*

**Anekajātiṣaṃsāraṃ
Sandhāvissaṃ anibbisaṃ
Gahakāraṃ gavesanto:
Dukkhā jāti punappunaṃ. Dhp 153**

**Gahakāraṃ ditthosi!
Puna gehaṃ na kāhasi:
Sabbā te phāsukā bhaggā,
Gahakūṭaṃ visaṅkhatāṃ,
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ,
Taṇhānaṃ khayamajjhagā. Dhp 154**

KỆ NIẾT BÀN (Di Huấn Tối Hậu) *Suttantapīṭaka,
Dīghanikāya, (Dutiya bhāga), Mahāvagga, (16)
Mahāparinibbānasuttaṃ.*

**Handa'dāni bhikkhave
Āmantayāmi vo, Vayadhammā saṅkhārā
Appamādena sampādehātī.**

KỆ ĐẢN SANH *Tạng Kinh, Trường Bộ
Kinh, 14. Kinh Đại Bản*

*Trên đời tối thượng là Ta!
Tối tôn cao nhất sa bà chúng sanh
Kiếp này kiếp chót đản sanh
Vị lai thoát khỏi tái sanh luân hồi!*

KỆ THÀNH ĐẠO (Kệ Khải Hoàn) *Tạng
Kinh, Tiểu Bộ Kinh, Pháp Cú, Phẩm Già, PC
153-154 - TK. Tâm Cao*

*Lang thang bao kiếp luân hồi,
Tìm không gặp kẻ xây ngôi nhà này!
Ôi! Đời sống thật buồn thay!
Bèo mây bến cũ vẫn xoay lối về.*

*Hỡi này anh thợ nhà kia!
Rui, mè, kèo, cột gãy lìa nát tan.
Bao tham ái thấy tiêu tan
Tâm ta chứng đạt Niết Bàn thanh thoi.*

KỆ NIẾT BÀN (Di Huấn Tối Hậu) *Tạng
Kinh, Trường Bộ Kinh, 16. Kinh Đại Bát Niết
Bàn*

*Hỡi này các vị Tỳ khuru,
Nhớ lời tối hậu lo âu phận mình
Hữu vi là pháp cấu sinh
Vô thường biến đổi hữu hình hoại tiêu
Như Lai căn dặn một điều
Ráng lo tu tập chớ nhiều trễ duôi.*

Ovāda-pātimokkhaḡāthā

183.
**Sabbapāpassa akaraṇaṃ,
kusalassa upasampadā.
sacittapariyodapanāṃ,
etaṃ buddhāna sāsanaṃ.**

Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184.
**Khantī paramaṃ tapo titikkhā,
nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā.
Na hi pabbajito parūpaghātī,
na samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto.**

Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,
Niết bàn, quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa môn không hại người.

185.
**Anūpavādo anūpaghāto,
pātimokkhe ca saṃvaro;
mattaññutā ca bhattasmiṃ,
pantaṅca sayanāsanaṃ;
adhicitte ca āyogo, etaṃ
buddhāna sāsanaṃ.**

Không phải báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

LỄ NGHI – PHÉP CUNG KÍNH PHẬT TỬ CẦN BIẾT

1. Đánh lễ Đức Phật và Chư Tăng: Khi Phật tử đến chùa, trước tiên là lên chánh điện đánh lễ Đức Phật và chư Tăng, trước khi làm những việc khác.

- **Cách thức đánh lễ:** Quỳ chắp tay cúi đầu đánh lễ 3 lần, **khi đánh lễ 5 chỗ trong cơ thể phải chạm đất là hai đầu gối, hai cùi chỏ và trán, hai tay úp xuống để trên mặt đất phía trước trán.** Người Phật tử phải giữ sự tôn nghiêm thanh tịnh của chùa, lên chùa để lễ Phật, hỏi đạo, xin giới, hành thiền và tạo phước cúng dường Tam Bảo, không phải đến chơi đùa. **Không nô đùa, cười nói lớn tiếng.** Không để trẻ em la hét, nghịch ngợm. Ăn mặc kín đáo, không quần soóc, áo hở nách, cổ rộng, váy ngắn...
- Nữ giới tránh trang điểm lòe loẹt, xúc nước hoa khi đến chùa, khi hành thiền thì nên quàng khăn giới, **nếu không có khăn giới thì khi đánh lễ ngẩng lên phải dùng một tay che phần áo trước ngực cho kín đáo.** Không đi giày dép lên chánh điện, nơi thờ tự...

2. Xưng hô với Chư Tăng: Người Phật tử gọi chư Tăng bằng các danh từ như **Sư, Đại Đức** hoặc **Ngài** và xưng **con**. Chắp tay chào hỏi: **Con kính lễ Sư ạ! con kính lễ Đại Đức ạ.** Thưa gửi một cách cung kính, không suồng sã hay trêu đùa, bông lơn. Trước khi nói nên thưa: **Con kính bạch Sư...,** chắp tay khi thưa chuyện với chư Tăng.

3. Thưa chuyện, hỏi đạo hoặc trình Pháp với Chư tăng: Quỳ gối hoặc ngồi xuôi hai chân sang một bên, không ngồi xếp bằng, hoặc dựa lưng vào tường hay duỗi chân, không khoan tay trong khi thưa chuyện.

- Không được ngồi cao hơn hay bằng chư Tăng, không ngồi hay nằm nói chuyện khi chư Tăng đứng, không ngồi ngang hàng hay ngồi chung 1 hàng ghế với chư Tăng. Không ngồi chính diện với tượng Phật hoặc ngồi chính diện với chư Tăng, mà hơi lệch sang bên một chút, để chừa cho người sau đến đánh lễ.
- **Không đội nón, mũ khi nói chuyện với chư Tăng.**
- Muốn xin hỏi đạo, trình pháp hoặc thuyết pháp, phải có lời thưa thỉnh trước. Thỉnh thuyết pháp phải có lời tác bạch đúng cách và ở nơi trang trọng như chánh điện, nơi trình pháp... **Khi dâng đồ, đánh lễ, hỏi đạo phải đợi sau khi chư Tăng an tọa đàn tràng ở chỗ trang trọng.** Không đánh lễ hoặc nhân tiện xin thuyết pháp ở nơi công cộng như sân bay, ngoài đường, trên xe... **Chư Tăng là đại diện cho cộng đồng chư Thánh Tăng, cho Tam Bảo, vì vậy phải được đối xử một cách cung kính nhất, ngồi ở nơi cao và trang trọng nhất...đặc biệt là khi thuyết pháp, để cung kính Pháp.**
- **Nếu chư Tăng đang đi chân đất thì người Phật tử phải bỏ giày dép ra khi thưa chuyện.** Theo truyền thống các nước PGNT là Quốc giáo, khi đưa rước, nói chuyện, để bát cho chư Tăng thì **đều phải bỏ giày dép, mũ nón...**
- Không đi song song hoặc đi trước chư Tăng, không đi giữa đường khi chư Tăng đi bên cạnh đường.
- Không được ngồi duỗi chân về phía tượng Phật và chư Tăng.
- Thiền sinh đến hành thiền phải mặc đồng phục và mang khăn giới. **Nữ không được chạm vào y áo cũng như các vật dụng của chư Tăng.**

- **Không vào phòng riêng của Chư Tăng, tránh nói chuyện một mình với chư Tăng trong phòng kín hoặc nơi kín đáo. Người nữ không ở chung qua đêm dưới 1 mái nhà với chư Tăng** (dù là cùng nhiều người khác).
- **Không nhờ vả, sai phái chư Tăng làm việc này việc kia, nhất là những việc không liên quan đến hoàng pháp và thực hành pháp.** Tránh nói chuyện giỡn, chuyện đời, chuyện phù phiếm vô ích. Nói chuyện phải xin phép trước, nói rõ chủ đề xin nói chuyện.
- Chùa nguyên thủy là nơi chư Tăng an cư và tu tập, không phải là địa điểm công cộng phục vụ công chúng, vì vậy lên chùa phải xin phép trước, nói rõ lý do xin lên để chư Tăng sắp xếp thời gian tu tập hợp lý. Không tự tiện đến, không dẫn người đến mà không xin phép trước, không tự tiện đi lại tham quan, tìm hiểu; không đi vào khu vực chư Tăng độc cư...

4. Cách cúng dường tứ vật dụng và trai tăng:

- **Cúng dường Tam Bảo đem lại quả báo lớn nhất trong các loại công đức bố thí, là cơ hội khó gặp để tạo phước báu và gieo duyên với Chánh Pháp.** Do vậy người Phật tử cần phải trân trọng cơ hội đó, cần có hiểu biết đúng về nghiệp và quả của nghiệp, có tâm cung kính và trong sáng khi cúng dường, chứ không làm như bố thí hay làm từ thiện ở ngoài đời. Chư Tăng không nhận sự cúng dường với tâm bất kính.
- **Khi cúng dường cần có sự tác bạch (xin phép) với chư Tăng.** Nói rõ cúng dường vào việc gì. Chư Tăng không nhận đồ cúng dường không được tác bạch đúng pháp.
- **Cúng dường Phật Bảo:** xây cất, tu sửa chánh điện để tôn thờ Đức Phật, cây Bồ Đề, tượng Phật, hương hoa, đồ lễ... **Cúng dường Pháp Bảo:** In ấn kinh sách, đĩa thuyết pháp, tổ chức lễ, các khóa thiền, buổi thuyết pháp, phục vụ việc hoàng pháp của chư Tăng... **Cúng dường Tăng Bảo:** dâng cúng 4 vật dụng cần thiết cho cuộc sống tu tập của chư tăng, bao gồm: y phục, đồ ăn, thuốc chữa bệnh, chỗ ở như cốc, liêu... và các phương tiện khác khi cần như phương tiện đi lại...
- **Dâng cúng vật dụng:** vật dụng nhẹ thì đặt lên khay hoặc đĩa, quỳ gần chư Tăng trong khoảng cách nửa mét và dâng bằng hai tay, không quỳ xa để chư Tăng phải vói. **Nếu không cầm được 2 tay, thì cầm 1 tay, tay kia đỡ khuỷu tay dâng đồ.** Những đồ không tiện cầm như cốc, liêu, giường tủ... có thể dâng bằng cách tác bạch: **"Kính bạch Đại Đức (hoặc chư Đại Đức Tăng, trong trường hợp dâng cho toàn thể chư Tăng), con xin dâng... (nêu tên vật dâng cúng) này đến Đại Đức (Chư Tăng) xin Đại Đức (chư Tăng) hoan hỷ thọ nhận cho con". Không được hỏi: Con có đồ này, đồ kia, thầy có cần không để con dâng... Nếu phải hỏi thì nên hỏi: Sư có dùng được...(tên đồ vật)...hay không ạ, hoặc bạch sư, sư cần món vật dụng gì xin báo cho con biết.** Nếu trả lời được thì tác bạch xin dâng đồ đó đến Sư hoặc Đại Đức.

- Trường hợp người Phật tử muốn xin được cúng dường theo thời gian cho chư Tăng, có thể tác bạch: **Kính bạch sư (hoặc chư Đại Đức Tăng), con xin cúng dường (tên đồ vật, phương tiện đi lại hoặc trai tăng, hoặc nói chung là tứ vật dụng) đến Sư trong thời gian từ ... đến... Khi nào Sư cần, xin Sư báo cho con biết** . Khi đó chư Tăng được phép đề nghị Phật tử ấy cúng dường đồ vật khi chư Tăng cần.
- **Dâng cúng khi chư Tăng đi khất thực: Phật tử bỏ mũ nón, giày dép, quỳ và để đồ dâng cúng vào bình bát của chư Tăng, không được để tiền; không hỏi chuyện chư Tăng khi đang khất thực, không gọi, kéo, chen lấn, ồn ào...**
- Trong 4 món vật dụng trên, đồ ăn chỉ được dâng cúng đến Chư Tăng trong khoảng thời gian từ lúc bình minh (**Có thể nhìn thấy chỉ tay**) đến trước 12g trưa (Tùy Mùa) , còn 3 vật dụng còn lại thì được phép dâng cúng bất cứ lúc nào.
- **Dâng trai tăng đến chư Tăng:** đọc lời tác bạch dâng vật thực, rồi quỳ bệ mâm trong khoảng cách nửa mét để chư Tăng chạm vào nhận. Nếu là cả bàn ăn, thì hai người nâng hai đầu bàn lên khỏi mặt đất để chư Tăng nhận, hoặc dâng từng món đến tay chư Tăng. **Khi chư Tăng đã thọ nhận thì không đụng vào nữa, không được tự ý để thêm đồ ăn.**
- Đồ ăn dâng cúng đến chư Tăng phải hợp theo lẽ đạo, tức là có được 1 cách hợp pháp, **không được sát sinh để dâng cúng, không được trộm cắp để dâng cúng... Chư Tăng khất thực không có quyền đòi hỏi đồ ăn nào, dù chay hay mặn, cúng gì ăn nấy. Tuy nhiên nếu chư Tăng nhìn thấy giết con vật hoặc nghe thấy bàn nhau để giết con vật ấy, hoặc nghi con vật đó bị giết (cho mình ăn) thì không ăn thịt đó.**
- **Những loại đồ ăn chư Tăng không bao giờ được thọ nhận: Thịt người, ngựa, voi, chó, rắn, hổ (cọp), Sư Tử, Báo(Beo), gấu và linh cẩu...Không được dâng thịt sống, không dâng gói có đồ tái sống.**
- **Khi dâng đồ ăn, không nói tên các món ăn định dâng** (không nói con mời sư ăn cơm, bánh hoặc tên các món ăn cụ thể. Nên nói “Con xin thỉnh Đại Đức, sư...dùng bữa sáng (trưa)”. **Không được hỏi:** “Sư có ăn...(tên món ăn)...không để con dâng?”.
- **Trái cây cần cắt, gọt hoặc bóc vỏ, bỏ hạt...**chứ không nên dâng nguyên cả quả.
- Để sự cúng dường được thành tựu phước báu mỹ mãn, cần có đủ 4 điều:
 1. **Người dâng cúng giữ giới trong sạch (5 hoặc 8 giới).**
 2. **Vật cúng dường có được do làm ăn trong sạch.**
 3. **Tâm trong sạch (không tham, không sân, không cúng vì danh, vì lợi...).**
 4. **Có đức tin về nghiệp và quả của nghiệp.**

**TẬP KINH TỤNG VÀ CÁC NGHI THỨC NÀY ĐƯỢC TỔNG HỢP TỪ NHIỀU NGUỒN
KÍNH XIN QUÝ CHƯ TĂNG - THIÊN HỮU HOAN HỈ VỚI PHƯỚC THIỆN PHÁP THÍ NÀY !**

METTA CHANTING

Ahaṃ avero homi
Abyāpajjo homi
Anīgho homi
Sukhī attānaṃ pariharāmi

Mama mātā-pitu-ācariyā ca nātimitā ca
Sabrahmācarino ca
Averā hontu
Abyāpajjā hontu
Anīghā hontu
Sukhī attānaṃ pariharantu

Imasmim ārāme sabbe yogino
Averā hontu
Abyāpajjā hontu
Anīghā hontu
Sukhī attānaṃ pariharantu

Imasmay ārāme sabbe bikkhu
sāmanarā ca upāsaka upasikāyo ca
Averā hontu
Abyāpajjā hontu
Anīghā hontu
Sukhī attānaṃ pariharantu

Amhākam catupaccaya dāyakā
Averā hontu
Abyāpajjā hontu
Anīghā hontu
Sukhī attānaṃ pariharantu

Amhākam ārakkha devatā,
imasmim vihāre imasmim āvāse
imasmim ārāme
Ārakkha devatā
Averā hontu
Abyāpajjā hontu
Anīghā hontu
Sukhī attānaṃ pariharantu

RẢI TÂM TỪ

*Nguyện cho tôi thoát được mọi oan trái.
tâm không phiền não.
thân không đau đớn.
thân tâm được an lạc.*

*Nguyện cầu cho cha mẹ, thầy tổ, bà con,
bạn bè và đạo hữu
thoát khỏi mọi oan trái,
tâm không phiền não,
thân không đau đớn,
giữ gìn thân tâm được an lạc.*

*Nguyện cầu cho tất cả thiên sinh nơi đây
thoát khỏi mọi oan trái,
tâm không phiền não,
thân không đau đớn,
giữ gìn thân tâm được an lạc.*

*Nguyện cầu cho tất cả chư tăng,
sa di, nam và nữ cư sĩ ở nơi đây
thoát khỏi mọi oan trái,
tâm không phiền não,
thân không đau đớn,
giữ gìn thân tâm được an lạc.*

*Nguyện cầu cho tất cả thí chủ cúng dường
bốn loại đồ dùng (cho chư tăng, ni)
thoát khỏi mọi oan trái,
tâm không phiền não,
thân không đau đớn,
giữ gìn thân tâm được an lạc.*

*Nguyện cầu cho tất cả chư thiên hộ trì ở
tu viện này, ở chỗ ở này, ở khu vực này,
các chư thiên hộ trì,
thoát khỏi mọi oan trái,
tâm không phiền não,
thân không đau đớn,
giữ gìn thân tâm được an lạc.*

Sabbe sattā, sabbe pāṇā,
sabbe bhūtā, sabbe puggalā,
sabbe attabhāvapariyāpannā,
sabba itthiyo, sabbe purisā, sabbe
ariyā, sabbe anariyā, sabbe devā,
sabbe manussā, sabbe vinipātikā

Averā hontu
Abyāpajjā hontu
Anīghā hontu
Sukhī attānaṃ pariharantu
Dukkhā muccantu.
Yatāladḍha – sampattito mā
vigacchantu Kamassakā

Puratthimāya disāya, Pacchimāya
disāya, Uttarāya disāya,
Dakkhiṇāya disāya,
Puratthimāya anudisāya,
Pacchimāya anudisāya, Uttarāya
anudisāya, Dakkhiṇāya anudisāya,
Hetṭhimāya disāya, Uparimāya
disāya.

Averā hontu
Abyāpajjā hontu
Anīghā hontu
Sukhī attānaṃ pariharantu
Dukkhā muccantu
Yatāladḍha – sampattito mā
vigacchantu, Kamassakā

Uddham yāva bhavaggā ca
Adho yāva avīcito
Samantā cakkavālesu
Ye sattā pathavī – carā
Abyāpajjha niverā ca
Niddukkhā ca nupaddavā

Uddham yāva bhavaggā ca
Adho yāva avīcito
Samantā cakkavālesu
Ye sattā udake – carā
Abyāpajjha niverā ca
Niddukkhā ca nupaddavā

*Nguyện cầu cho tất cả chúng sanh, các loài có hô
hấp, các loài động vật, các loài sinh vật,
các loài có thân và tâm,
tất cả nữ giới, nam giới, bậc thánh, người phàm,
chư thiên, loài người, (và) chúng sanh trong bốn
cõi khổ*

*thoát khỏi mọi oan trái,
tâm không phiền não,
thân không đau đớn,
giữ gìn thân tâm được an lạc,
hết khổ đau, không bị tước đoạt hạnh phúc đã
có. Mỗi chúng sanh là chủ nhân của nghiệp do
mình tạo ra.*

*Nơi hướng Đông, Nơi hướng Tây,
Nơi hướng Bắc, Nơi hướng Nam, Nơi hướng
Đông Nam, Nơi hướng Tây Bắc, Nơi hướng
Đông Bắc, Nơi hướng Tây Nam, Nơi hướng
dưới, Nơi hướng trên.*

*thoát khỏi mọi oan trái,
tâm không phiền não,
thân không đau đớn,
giữ gìn thân tâm được an lạc, hết khổ đau,
không bị tước đoạt hạnh phúc đã có.
Mỗi chúng sanh là chủ nhân của nghiệp do
mình tạo ra.*

*Xa đến cõi cao nhất,
xuống đến cõi thấp nhất,
trong toàn thể vũ trụ,
tất cả **chúng sanh đi trên đất**,
được thoát khỏi phiền não và thù hận,
tránh được đau đớn và hiểm nguy.*

*Xa đến cõi cao nhất,
xuống đến cõi thấp nhất,
trong toàn thể vũ trụ,
tất cả **chúng sanh sống trong nước**,
được thoát khỏi phiền não và thù hận,
tránh được đau đớn và hiểm nguy.*

**Uddham yāva bhavaggā ca
Adho yāva avīcito
Samantā cakkavālesu
Ye sattā ākāse – carā
Abyāpajjha niverā ca
Niddukkhā ca nupaddavā**

*Xa đến cõi cao nhất,
xuống đến cõi thấp nhất,
trong toàn thể vũ trụ,
tất cả **chúng sanh ở trong hư
không**, được thoát khỏi phiền não và
thù hận, tránh được đau đớn và hiểm
nguy.*

**Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā
Buddham pūjemi.**

*Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
con xin cúng dường **Đức Phật**.*

**Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā
Dhammam pūjemi.**

*Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
con xin cúng dường **Pháp Bảo**.*

**Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā
Sangham pūjemi.**

*Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
con xin cúng dường **Tăng Bảo**.*

**Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā
mātāpitaro pūjemi**

*Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
con xin cúng dường **cha mẹ**.*

**Imāya Dhammā ‘nudhammapatipattiyā
ācariye pūjemi**

*Bằng sự thực hành đúng Chánh Pháp,
con xin cúng dường **thầy tổ**.*

**Addhā imāya patipadāya jarāmaranamhā
parimusissāmi**

*Với việc hành thiền này, nguyện cho
tôi thoát khỏi sự khổ của già và chết*

**Idam me puññam āsavakkhayāvaham
hotu**

*Nguyện cho những phước lành của
tôi
dẫn đến sự tận diệt những lậu hoặc*

**Idam me sīlam magga – phala ñānassa
paccayo hotu**

*Nguyện cho giới đức (trong sạch) của
tôi sẽ là duyên lành dẫn đến Đạo và
Quả*

**Idam no puñña bhāgam sabbasattānam
dema**

*Chúng tôi xin hồi hướng phước báu
đến tất cả chúng sanh*

Sabbe sattā sukhitā hontu

*Nguyện cầu tất cả chúng sanh được
an vui*

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

Lành thay! Lành thay! Lành thay!

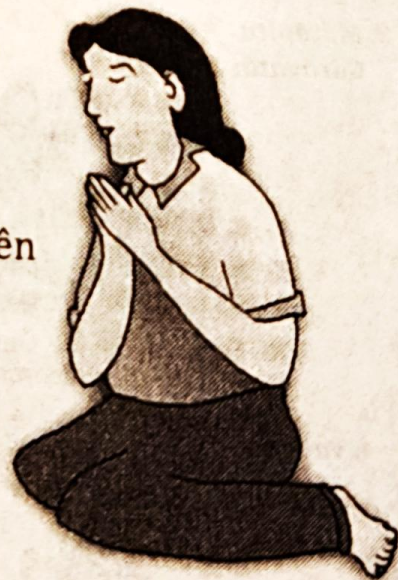
TƯ THẾ LỄ BÁI CHO THIỆN NAM VÀ TÍN NỮ TRONG CÁC KHOÁ LỄ



Tư thế quỳ gối



Tư thế
ngồi sàn một bên



Đảnh lễ năm vóc
(đầu, 2 cùi chỏ tay, 2 đầu gối)

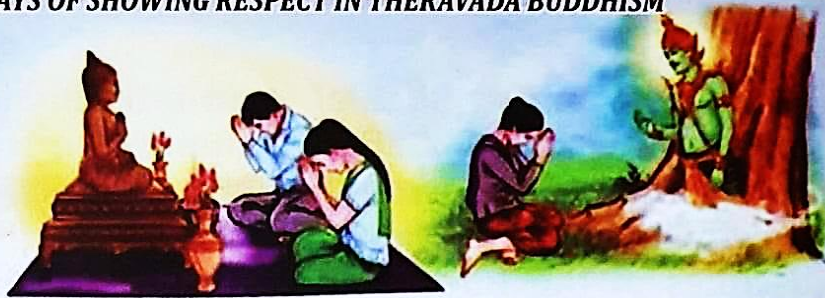


PAÑCA GĀRAVATĀ

NĂM CÁCH ĐÁNH LỄ, CUNG KÍNH THEO TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO THERAVĀDA FIVE WAYS OF SHOWING RESPECT IN THERAVĀDA BUDDHISM



1. *Buddha
Ca Deva
Gāravatā:*



Đánh lễ Đức Phật, Giáo Pháp, Chư Thiên, hoặc cầu nguyện; chắp tay **trên trán**.
Paying homage to the Buddha, Dhamma, Deities, sacred statues, or praying; placing both palm together at the forehead level.



2. *Saṅgha
Ca Rāja
Gāravatā:*



Đánh lễ Chư Tăng và các vị Vua, hoặc các tượng cao quý; chắp tay **ngang chân mày**.
Paying homage to the monks or the kings; placing both palm together at the eyebrows level.



3. *Mātāpitu
Gāravatā:*



Đánh lễ Cha Mẹ, Ông Bà, Thầy Cô; chắp tay **ngang sống mũi**. *Paying homage to the parents, grandparents or teachers; placing both palm together at the nose level.*



4. *Vuḍḍha
Vaya
Gāravatā:*



Kính chào người lớn tuổi hoặc người chủ, chắp tay **ngang miệng**. *Paying respect to the bosses, older persons or higher ranking people; placing both palms together at the mouth level.*



5. *Sama
Vaya
Gāravatā:*



Xả chào người bằng tuổi, hoặc nhỏ hơn, chắp tay **ngang ngực**. *Greeting the friends who have the same age or younger age; placing both palms together at the chest level.*

